Số: /KH-UBND
Thời gian ký: 2026-07-06T08:14:14+07:00

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH THU- NỘP QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Kế hoạch số 1061/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

STT	NHÓM ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN
1	Phụ lục 1: Cán bộ, Công chức, Viên chức cấp tỉnh và ngành dọc	1.064.209.182
2	Phụ lục 2.1: Tổ chức kinh tế Khu vực 1	7.132.561.707
3	Phụ lục 2.2: Tổ chức kinh tế Khu vực 2	11.805.693.286
4	Phụ lục 2.3: Tổ chức kinh tế Khu vực 3	2.634.689.576
5	Phụ lục 2.4: Tổ chức kinh tế Khu vực 4	8.778.029.755
6	Phụ lục 2.5: Tổ chức kinh tế Khu vực 5	5.464.912.294
7	Phụ lục 2.6: Tổ chức kinh tế Khu vực 6	4.055.320.933
8	Phụ lục 2.7: Tổ chức kinh tế Khu vực 7	1.809.832.362
9	Phụ lục 2.8: Tổ chức kinh tế Khu vực 8	1.964.465.553
10	Phụ lục 2.9: Tổ chức kinh tế Khu vực 9	2.672.488.626
11	Phụ lục 3: Các Ngân hàng	487.406.177
12	Phụ lục 4: Cấp xã	30.664.608.410
	TỔNG	**78.534.217.860**

PHỤ LỤC 1:
DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC CẤP TỈNH VÀ NGÀNH DỌC ĐÓNG GÓP QŨY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 1061/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Lương cơ sở (Lcs) : 2.340.000 đồng Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
I	**CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP CẤP TỈNH**	**14.312**	**701.942.727**	
1	**Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Đồng Tháp**	**69**	**3.669.545**	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 23/12/2025
2	**Văn phòng UBND tỉnh**	**261**	**13.880.455**	Công văn số 1517/VPUBND-HCTC ngày 7/2/2026
	- Văn phòng	138	7.339.091	
	- Đảng ủy UBND tỉnh	24	1.276.364	
	- Trung tâm Tin học và Công báo	18	957.273	
	- Trung tâm Hội nghị tỉnh	81	4.307.727	
3	**Sở Nông nghiệp & Môi trường**	**1.673**	**88.973.182**	
	- Văn Phòng Sở Nông nghiệp & Môi trường	113	6.009.545	
	- Chi cục Thủy lợi	39	2.074.091	
	- Chi cục Phát triển nông thôn	29	1.542.273	
	- Chi cục Thủy sản	28	1.489.091	
	- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	97	5.158.636	
	- Chi cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	22	1.170.000	
	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y	159	8.455.909	
	- Chi cục Kiểm Lâm	36	1.914.545	
	- Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp Đồng Tháp	89	4.733.182	
	- Ban Quản lý Rừng phòng hộ và Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười	18	957.273	
	- Ban Quản lý Cảng cá	15	797.727	
	- Trung tâm Công nghệ thông tin	14	744.545	
	- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên Môi trường	52	2.765.455	
	- Văn phòng đăng ký đất đai	903	48.023.182	
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất	59	3.137.727	
4	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**6.288**	**283.663.636**	Công văn số 409/SGDĐT-KHTC ngày 04/02/2026
1	- Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	86	4.573.636	
2	- Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	30	1.350.000	
3	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Đồng Tháp	26	1.170.000	
4	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Cai Lậy	23	1.035.000	
5	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gò Công	44	1.980.000	

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
6	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Sa Đéc	36	1.620.000	
7	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Cao Lãnh	47	2.115.000	
8	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hồng Ngự	11	495.000	
	CẤP THCS&THPT - THPT			
1	Trường THPT Nguyễn Đình	133	5.985.000	
2	Trường THPT Vĩnh Kim	85	3.825.000	
3	Trường THPT Trần Hưng Đạo	89	4.005.000	
4	Trường THPT Dưỡng Điềm	73	3.285.000	
5	Trường THPT Phước Thạnh	58	2.610.000	
6	Trường THPT Chuyên Tiền	83	3.735.000	
7	Trường THCS&THPT Giồng Dứa	61	2.745.000	
8	Trường THPT Cái Bè	88	3.960.000	
9	Trường THPT Phạm Thành Trung	87	3.915.000	
10	Trường THPT Thiên Hộ Dương	62	2.790.000	
11	Trường THPT Lê Thanh Hiền	74	3.330.000	
12	Trường THCS & THPT Ngô Văn	53	2.385.000	
13	Trường THPT Huỳnh Văn Sâm	69	3.105.000	
14	Trường THPT Phan Việt Thống	70	3.150.000	
15	Trường THPT Lưu Tấn Phát	80	3.600.000	
16	Trường THPT Tân Hiệp	80	3.600.000	
17	Trường THPT Nam Kỳ Khởi	42	1.890.000	
18	Trường THPT Nguyễn Văn Tiếp	48	2.160.000	
19	Trường THPT Tân Phước	53	2.385.000	
20	Trường THPT Lê Văn Phẩm	73	3.285.000	
21	Trường THPT Đốc Binh Kiều-Cai lậy	94	4.230.000	
22	Trường THPT Tứ Kiệt	66	2.970.000	
23	Trường THPT Trương Định	84	3.780.000	
24	Trường THPT Gò Công Đông	87	3.915.000	
25	Trường THPT Bình Đông	46	2.070.000	
26	Trường THPT Gò Công	44	1.980.000	
27	Trường THPT Thủ Khoa Huân	78	3.510.000	
28	Trường THPT Chợ Gạo	93	4.185.000	
29	Trường THPT Bình Phục Nhứt	51	2.295.000	
30	Trường THPT Trần Văn Hoài	60	2.700.000	
31	Trường THPT Nguyễn Văn Côn	75	3.375.000	
32	Trường THPT Vĩnh Bình	89	4.005.000	
33	Trường THCS & THPT Long	71	3.195.000	
34	Trường THCS & THPT Đoàn Trần Nghiệp	53	2.385.000	
35	Trường THPT Nguyễn Văn Thìn	37	1.665.000	
36	Trường THCS & THPT Phú	65	2.925.000	
37	Trường THCS & THPT Tân Thới	61	2.745.000	
38	Trường THPT Sa Đéc	97	4.365.000	
39	Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	67	3.015.000	
40	Trường THPT Nguyễn Du	69	3.105.000	
41	Trường THPT Châu Thành 1	94	4.230.000	
42	Trường THPT Châu Thành 2	85	3.825.000	

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
43	Trường THCS-THPT Tân Phú Trung	80	3.600.000	
44	Trường THPT Lai Vung 1	111	4.995.000	
45	Trường THPT Lai Vung 2	86	3.870.000	
46	Trường THPT Lai Vung 3	61	2.745.000	
47	Trường THPT Lấp Vò 1	121	5.445.000	
48	Trường THPT Lấp Vò 2	107	4.815.000	
49	Trường THPT Lấp Vò 3	55	2.475.000	
50	Trường THCS-THPT Bình Thạnh	68	3.060.000	
51	Trường THPT Cao Lãnh	75	3.375.000	
52	Trường THPT Chuyên Nguyễn Quang Diêu	82	3.690.000	
53	Trường THPT Đỗ Công Tường	69	3.105.000	
54	Trường THPT Trần Quốc Toản	76	3.420.000	
55	Trường THPT Thiên Hộ Dương - Cao Lãnh	57	2.565.000	
56	Trường THPT Cao Lãnh 1	89	4.005.000	
57	Trường THPT Cao Lãnh 2	86	3.870.000	
58	Trường THPT Thống Linh	64	2.880.000	
59	Trường THPT Tháp Mười	94	4.230.000	
60	Trường THPT Trường Xuân	54	2.430.000	
61	Trường THPT Mỹ Quý	43	1.935.000	
62	Trường THPT Đốc Binh Kiều	38	1.710.000	
63	Trường THPT Phú Điền	48	2.160.000	
64	Trường THPT Thanh Bình 1	117	5.265.000	
65	Trường THPT Thanh Bình 2	84	3.780.000	
66	Trường THCS-THPT Tân Mỹ	51	2.295.000	
67	Trường THPT Tràm Chim	81	3.645.000	
68	Trường THPT Tam Nông	74	3.330.000	
69	Trường THCS và THPT Hòa	44	1.980.000	
70	Trường THCS và THPT Phú Thành A	72	3.240.000	
71	Trường THPT Hồng Ngự 1	101	4.545.000	
72	Trường THPT Hồng Ngự 2	52	2.340.000	
73	Trường THPT Hồng Ngự 3	85	3.825.000	
74	Trường THPT Chu Văn An	75	3.375.000	
75	Trường THPT Long Khánh A	45	2.025.000	
76	Trường THPT Tân Hồng	82	3.690.000	
77	Trường THCS-THPT Giồng Thị Đam	68	3.060.000	
78	Trường THCS-THPT Tân Thành	70	3.150.000	
	CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP			
1	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Cái Bè	43	1.935.000	
2	Trường Trung cấp Gò Công	85	3.825.000	
3	Trường Trung cấp Cai Lậy	57	2.565.000	
4	Trường Trung cấp Thanh Bình	22	990.000	
5	Trường Trung cấp Hồng Ngự	24	1.080.000	
6	Trung cấp Tháp Mười	26	1.170.000	
7	Trường NDT Khuyết tật tỉnh Đồng Tháp	36	1.620.000	
5	**Sở Y tế**	**2.843**	**151.195.909**	

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
	-Công chức	132	7.020.000	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 23/12/2025
	-Người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	2.711	144.175.909	Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 22/4/2026
6	**Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch**	**535**	**28.403.182**	Công văn số 578/SVHTTDL-VP ngày 06/02/2026
	- Văn phòng Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	70	3.722.727	
	- Bảo tàng Đồng Tháp	34	1.808.182	
	- Thư viện Đồng Tháp	40	2.127.273	
	- Trung tâm huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh ĐT	91	4.839.545	
	- Trung tâm Văn hóa tỉnh	84	4.467.273	
	- Trung tâm Xúc tiến Du lịch	31	1.599.545	
	- Trường PT Năng khiếu TDTT tỉnh ĐT	68	3.616.364	
	- Ban quản lý di tích tỉnh ĐT	117	6.222.273	
7	**Sở Nội vụ**	**289**	**15.369.545**	Công văn số 747/SNV-VP ngày 27/01/2026
	-Văn phòng Sở Nội vụ	124	6.594.545	
	-Ban Quản lý Nghĩa trang Liệt sĩ Tỉnh	53	2.818.636	
	-Trung tâm Điều dưỡng Người có công	13	691.364	
	-Trung tâm Lưu trữ lịch sử	18	957.273	
	-Trung tâm Dich vụ việc làm	81	4.307.727	
8	**Sở Tài chính**	**177**	**9.413.182**	Công văn số 865/STC-VP ngày 28/01/2026
	-Văn phòng Tài chính	149	7.924.091	
	-Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	28	1.489.091	
9	**Sở Tư pháp**	**133**	**6.700.909**	Công văn số 869/STP-VP ngày 11/3/2026
	- Văn phòng Sở Tư pháp	46	2.340.000	Có 01 công chức đang mang thai, 01 công chức đang nuôi con dưới 36 tháng
	- Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà Nước tỉnh Tiền Giang	27	1.276.364	Có 03 viên chức đang nuôi con dưới 36 tháng
	- Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài	6	319.091	
	- Phòng Công chứng số 1	7	372.273	
	- Phòng Công chứng số 2	11	585.000	
	- Phòng Công chứng số 3	7	319.091	Có 01 viên chức nữ đang mang thai
	- Phòng Công chứng số 4	12	638.182	
	- Phòng Công chứng số 5	8	372.273	Có 01 viên chức nữ đang mang thai
	- Phòng Công chứng số 6	9	478.636	
10	**Sở Công thương**	**204**	**10.530.000**	Công văn số 888/SCT-VP ngày 13/02/2026
	- Văn phòng Sở Công thương	65	3.190.909	Có 05 biên chế nữ đang nuôi con nhỏ
	- Chi cục Quản lý thị trường	102	5.424.545	

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
	- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	37	1.914.545	Có 01 biên chế nữ đang nuôi con nhỏ
11	**Sở Xây dựng**	**730**	**38.450.455**	Công văn số 4542/SXD-KHTC ngày 22/5/2026
	- Văn phòng Sở Xây dựng	138	7.285.909	Có 01 biên chế nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng
	-Trung tâm GDNN kỹ thuật giao thông Đồng Tháp	116	6.169.091	
	- Trung tâm Kiến trúc - Quy hoạch và Tư vấn Xây dựng Đồng	79	4.201.364	
	- Bến xe Mỹ Tho	14	744.545	
	-Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng	29	1.489.091	Có 01 biên chế nữ nuôi con dưới 36 tháng
	-Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới thủy, bộ 66-01S	36	1.914.545	
	- Cảng vụ đường thủy nội địa	28	1.489.091	
	- Ban Quản lý bảo trì xây dựng	16	744.545	Có 02 biên chế nữ đang mang thai
	- Trung tâm Bảo dưỡng Công trình xây dựng Đồng Tháp	130	6.807.273	Có 02 biên chế nữ nuôi con dưới 36 tháng
	- Phà Đồng Tháp	128	6.807.273	
	- Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 63-01S	16	797.727	Có 01 biên chế nữ nuôi con dưới 36 tháng
12	**Sở Khoa học và Công Nghệ**	**261**	**6.541.364**	Công văn số 652/SKH&CN-VP ngày 13/02/2026
	- Văn phòng Sở Khoa học và Công Nghệ	83	4.254.545	Có 03 biên chế nữ nuôi con dưới 36 tháng
	- Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ	135	-164.253	Năm 2025 đóng thừa 6,745,503 đồng, chuyển sang 2026 (còn thừa 164253 chuyển sang năm 2027)
	- Trung Tâm Chuyển Đổi số	43	2.286.818	
13	**Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp**	**109**	**5.796.818**	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 và Công văn số 915/BQL-VP ngày 25/5/2026
	Văn phòng	45	2.393.182	
	Trung tâm phát triển hạ tầng	64	3.403.636	
14	**Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Đồng Tháp**	**20**	**1.063.636**	Theo thông tin Đài KTTV cung cấp
15	**Báo và Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp**	**-**	**-**	Theo thực tế
16	**Trường Chính trị**	**-**	**-**	Theo thực tế
17	**Trường Cao đẳng Tiền Giang**	**-**	**-**	Theo thực tế
18	**Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang**	**-**	**-**	Theo thực tế
19	**Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp**	**-**	**-**	Theo thực tế
20	**Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ**	**-**	**-**	Theo thực tế
21	**Đại học Tiền Giang**	**-**	**-**	Theo thực tế
22	**Trường Đại học Đồng Tháp**	**-**	**-**	Theo thực tế
23	**Trường Cao đẳng cộng đồng**	**-**	**-**	Theo thực tế

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
24	**Ban Quản lý dự án tỉnh**	**109**	**5.796.818**	Đề án tổ chức BQLDA
25	**Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông**	**29**	**1.542.273**	Đề án tổ chức BQLDA
26	**Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình NN và PTNT**	**25**	**1.329.545**	Đề án tổ chức BQLDA
27	**Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình DD và CN**	**48**	**2.552.727**	Đề án tổ chức BQLDA
28	**Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực 1**	**145**	**7.711.364**	Đề án tổ chức BQLDA
29	**Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực 2**	**135**	**7.179.545**	Đề án tổ chức BQLDA
30	**Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực 3**	**124**	**6.594.545**	Đề án tổ chức BQLDA
31	**Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực 4**	**105**	**5.584.091**	Đề án tổ chức BQLDA
II	**CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP**	**184**	**9.785.455**	
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
2	Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
3	Hội Cựu chiến binh	4	212.727	Theo thông tin Hội cựu Chiến binh tỉnh (4 biên chế trong độ tuổi lao động)
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Đồng Tháp	21	1.116.818	Theo văn bản Hội LHPN VN tỉnh
5	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
6	Hội Chữ thập đỏ	36	1.914.545	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2025
7	Liên minh hợp tác xã tỉnh Đồng Tháp	26	1.382.727	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2026
8	Hội Nhà báo tỉnh	2	106.364	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2027
9	Hội Luật gia tỉnh	1	53.182	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2027
10	Hội Khuyến học tỉnh	1	53.182	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2027
11	Công đoàn các khu công nghiệp tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
12	Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Tháp	39	2.074.091	Công văn số 327/LĐLĐ ngày 27/5/2026
13	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Tháp	18	957.273	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2027
14	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Đồng Tháp	21	1.116.818	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2027
15	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đồng Tháp	15	797.727	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2027
16	Tỉnh hội Đông Y Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
17	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
18	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	-	-	Theo thực tế

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
19	Trung tâm Ứng dụng khoa học kỹ thuật và Dịch vụ Bảo hộ lao động	-	-	Theo thực tế
20	Trung tâm Đăng kiểm tàu cá (Chi cục Thủy sản)	-	-	Theo thực tế
21	Trung tâm Bảo vệ thực vật các tỉnh phía Nam	-	-	Theo thực tế
22	Viện cây ăn quả Miền Nam	-	-	Theo thực tế
23	Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
24	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
25	Quỹ hỗ trợ Phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
III	**CƠ QUAN ĐẢNG CẤP TỈNH**	**-**	**0**	**Theo thực tế**
1	Đảng bộ Khối cơ quan và Doanh nghiệp	-	-	Theo thực tế
2	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	-	-	Theo thực tế
3	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	-	-	Theo thực tế
4	Ban Dân vận và Tuyên giáo Tỉnh	-	-	Theo thực tế
6	Ban Nội chính Tỉnh ủy	-	-	Theo thực tế
7	Văn phòng Tỉnh ủy	-	-	Theo thực tế
IV	**CƠ QUAN NGÀNH DỌC**	**430**	**22.230.000**	
1	Kho bạc Nhà nước Khu vực	-	-	Theo thực tế
2	Ngân hàng Nhà nước- Chi nhánh khu vực 13	138	6.700.909	Có 12 biên chế nữ nuôi con dưới 36 tháng - theo Công văn số 1573/KV13-HCNS ngày 22/5/2025
3	Thuế tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
5	Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
6	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
7	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
8	Kiểm toán nhà nước khu vực IX	-	-	Theo thực tế
9	Chi cục Hải quan khu vực XX	-	-	Theo thực tế
10	Thanh tra tỉnh	176	9.360.000	Công văn số 720/TTT-VP ngày 09/3/2026
11	Thống kê tỉnh Đồng Tháp	116	6.169.091	Theo văn bản của Thống kê Đồng Tháp
V	**LỰC LƯỢNG VŨ TRANG**		**330.251.000**	
1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		42.480.000	Công văn số 1282/BCH-TM ngày 16/3/2026
2	Công an tỉnh		287.771.000	Công văn số 759/CAT-PHC ngày 03/02/2026
	TỔNG CỘNG		**1.064.209.182**	

PHỤ LỤC 2.1
DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026
KHU VỰC 1: (phường Mỹ Tho, phường Đạo Thạnh, phường Mỹ Phong, phường Thới Sơn, phường Trung An)
(Kèm theo Kế hoạch số 1061/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
1	Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phú - Phòng khám đa khoa điều trị theo yêu cầu	1200359782-002	Số 10 Thủ Khoa Huân, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	40.067.474.845	214	8.013.495	19.465.769	27.479.264			phường Mỹ Tho
2	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Minh Tường Phát - Chi nhánh Nhà hàng - Khách sạn - D	1200730277-001	Số 10 Đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	9.708.065.586	12	1.941.613	1.091.538	3.033.152			phường Mỹ Tho
3	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Tiền Giang	1200100814	Số 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	813.215.871.243	555	100.000.000	50.483.654	150.483.654			phường Mỹ Tho
4	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho	1200357376	Số 12 Huỳnh Tịnh Của, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	61.324.255.052	473	12.264.851	43.024.808	55.289.659			phường Mỹ Tho
5	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Tiền Giang	1200100236	Số 5 Thủ Khoa Huân, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	1.794.914.288.006	174	100.000.000	15.827.308	115.827.308			phường Mỹ Tho

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
6	Công ty TNHH Giải pháp Quản lý Tài chính Malmberg	1201577430	Số 7G Rạch Gầm, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	210.000.000	1	500.000	90.962	590.962			phường Mỹ Tho
7	Hợp tác xã Rạch Gầm	1200104343	02 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	64.869.540.149	12	12.973.908	1.091.538	14.065.446			phường Mỹ Tho
8	Doanh nghiệp Tư nhân Bách Tùng Viên	1200105202	Số 171B Đường Xóm Dầu, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	2.082.730.119	2	500.000	181.923	681.923			phường Mỹ Tho
9	Công ty TNHH Một thành viên Long Châu	1200104512	Số 112 Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	24.242.155.434	9	4.848.431	818.654	5.667.085			phường Mỹ Tho
10	Công ty TNHH Xe máy Thành Đạt	1200102635	Số 20 Ngô Quyền, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	3.275.703.704	1	655.141	90.962	746.102			phường Mỹ Tho
11	Công ty TNHH Trương Minh Hồng	1200105354	Số 252D Nguyễn Văn Giác, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	8.360.976.828	4	1.672.195	363.846	2.036.042			phường Mỹ Tho
12	Công ty TNHH Thương mại Mỹ Loan	1200104590	Số 273D Nguyễn Trung Trực, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	20.948.041.832	44	4.189.608	4.002.308	8.191.916			phường Mỹ Tho
13	Công ty TNHH Tiến Phát	1200100807	Số 71 Phan Thanh Giản, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	33.605.635.013	20	6.721.127	1.819.231	8.540.358			phường Mỹ Tho
14	Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Long	1200104576	Số 177 Trưng Nhị, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	4.737.608.360	4	947.522	363.846	1.311.368			phường Mỹ Tho
15	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mỹ Tho	1200417554	Khu phố 25, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	37.457.254.305	20	7.491.451	1.819.231	9.310.682			phường Mỹ Tho

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
16	Công ty Cổ phần Thương mại Mỹ Tho	1200442078	Số 67 Lê Lợi, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	192.582.455.026	114	38.516.491	10.369.615	48.886.106			phường Mỹ Tho
17	Doanh nghiệp Tư nhân Mai Hạnh	1200505680	Số 20 Lê Văn Duyệt, Khu phố 2, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	4.923.961.912	1	984.792	90.962	1.075.754			phường Mỹ Tho
18	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quảng cáo Thanh - Tiền Giang	1200508674	Số 19 Ngô Quyền, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	14.226.564.118	15	2.845.313	1.364.423	4.209.736			phường Mỹ Tho
19	Công ty TNHH TM XNK Hữu Thành Phát	1200510176	Số 69 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	68.185.623.225	52	13.637.125	4.730.000	18.367.125			phường Mỹ Tho
20	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Tiền Giang	1200524796	Số 36/3 Lê Lợi, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	20.493.983.849	12	4.098.797	1.091.538	5.190.335			phường Mỹ Tho
21	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tiền	1200100525	Số 4 Đường Lê Văn Duyệt, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	96.612.162.891	49	19.322.433	4.457.115	23.779.548			phường Mỹ Tho
22	Công ty Cổ phần Du lịch Tiền Giang	1200100451	Số 63, Đường Trưng Trắc, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	166.057.084.144	108	33.211.417	9.823.846	43.035.263			phường Mỹ Tho
23	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Nguyễn Trãi	1200105273	Số 132 Nguyễn Văn Giác, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	25.957.893.639	11	5.191.579	1.000.577	6.192.156			phường Mỹ Tho
24	Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Tiền Giang	1200100765	Số 59-61 Nguyễn Trãi, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	44.065.666.347	1	8.813.133	90.962	8.904.095			phường Mỹ Tho
25	Công ty Cổ phần In Tiền Giang	1200100081	Số 10 Học Lạc, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	27.225.759.445	106	5.445.152	9.641.923	15.087.075			phường Mỹ Tho

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
26	Công ty Cổ phần Cơ khí Tiền Giang	1200100282	Số 436 đường Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	71.216.965.998	31	14.243.393	2.819.808	17.063.201			phường Mỹ Tho
27	Công ty Trách nhiệm hữu hạn In Hoa Mai	1200678965	Số 17 Ngô Quyền, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	11.559.880.002	4	2.311.976	363.846	2.675.822			phường Mỹ Tho
28	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bảo Minh	1200678933	Số 53 Thủ Khoa Huân, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	31.359.485.668	1	6.271.897	90.962	6.362.859			phường Mỹ Tho
29	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Hữu Đức	1200684567	Số A2 Rạch Gầm, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	48.402.436.741	29	9.680.487	2.637.885	12.318.372			phường Mỹ Tho
30	Doanh nghiệp Tư nhân Trang Ngọc Minh	1200709451	Cảng Cá Mỹ Tho, Khu phố 5, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	14.616.806.173	43	2.923.361	3.911.346	6.834.707			phường Mỹ Tho
31	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Kỹ thuật Thanh Lâm	1200751735	Phú Gia PG02-39 Vincom Mỹ Tho, Số 1A đường Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	16.797.710.089	15	3.359.542	1.364.423	4.723.965			phường Mỹ Tho
32	Công ty TNHH TM DV Trang Ánh Linh	1200764759	12B2 Nguyễn Trãi, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	7.329.771.316	5	1.465.954	454.808	1.920.762			phường Mỹ Tho
33	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Huỳnh Thành 3	1300403932-002	Số 11 Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	46.655.308.293	30	9.331.062	2.728.846	12.059.908			phường Mỹ Tho

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
34	Công ty TNHH Vận tải - Dịch vụ Phước Thành	1201032268	Số 16/5 đường Nguyễn An Ninh, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	7.180.444.075	10	1.436.089	909.615	2.345.704			phường Mỹ Tho
35	Công ty TNHH Tường Tường Phát	1201078632	Số 67B-69 Lê Lợi, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	71.872.263.189	9	14.374.453	818.654	15.193.106			phường Mỹ Tho
36	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Vận tải Liên Cường Phát	1201394733	Số 95/6 Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	33.980.247.810	1	6.796.050	90.962	6.887.011			phường Mỹ Tho
37	Công ty TNHH Lương thực Hưng Long	1201438130	Số 65 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	19.401.122.356	2	3.880.224	181.923	4.062.148			phường Mỹ Tho
38	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Sông Tiền	1201558808	39/3 Nguyễn Huỳnh Đức, Tổ 5, Khu phố 14, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	3.120.862.302	0	624.172	0	624.172			phường Mỹ Tho
39	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Xuất nhập khẩu Kim Hưng Phát	1201562730	Số 1A, Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	60.048.964.870	12	12.009.793	1.091.538	13.101.331			phường Mỹ Tho
40	Công ty TNHH Thủ công Mỹ nghệ Việt Nam Hamanex	1201563413	Số 32A Ngô Quyền, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	23.918.898.337	7	4.783.780	636.731	5.420.510			phường Mỹ Tho
41	Công ty TNHH Luck & Luck Vina	0314932395	Số 30 Thủ Khoa Huân, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	1.500.000.000	8	500.000	727.692	1.227.692			phường Mỹ Tho
42	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Central Plaza Mỹ Tho Thiên Hộ	1201583850	15B-19 Đường Ba Mươi Tháng Tư, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	100.000.000	1	500.000	90.962	590.962			phường Mỹ Tho

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
43	Công ty TNHH Ngọc An Nguyên	1201594838	Số 4A Trương Vĩnh Ký, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	198.664.042.693	0	39.732.809	0	39.732.809			phường Mỹ Tho
44	Công ty Cổ phần Green4 Việt Nam	1201686976	PG02-15 Vincom, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	19.995.471.784	0	3.999.094	0	3.999.094			phường Mỹ Tho
45	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Thái Chân	1801779774	7/3 Đường Nguyễn Huỳnh Đức, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Mỹ Tho
46	Công ty TNHH XD TMDV Vận tải Thủy bộ San lấp Hưng Thịnh Phát	1201715338	Số 10/54, Khu phố 3, Đường Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Mỹ Tho
47	Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Tiền Giang - Dê tươi Ninh Bình	1200100451-019	Số 03, đường Lãnh Binh Cẩn, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Mỹ Tho
48	Công ty TNHH Một thành viên Đồng Kim Long	1200478099	7B Trương Vĩnh Ký, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	27.799.970.557	38	5.559.994	3.456.538	9.016.533			phường Mỹ Tho
49	Viễn thông Đồng Tháp	1400104037	Số 01, Đường Lê Lợi, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	274.653.945.366	645	54.930.789	58.670.192	113.600.981			phường Mỹ Tho

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
50	Công ty Bảo Việt Tiền Giang	0101527385-054	65 đường 30/4, Phường Mỹ Tho, Đồng Tháp	-	31	500.000	2.819.808	3.319.808			phường Mỹ Tho
51	Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Lữ hành Saigontourist tại Tiền Giang	0310891532-010	Số 12B9 Nguyễn Trãi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp	-	44	500.000	4.002.308	4.502.308			phường Mỹ Tho
52	Tổ chức Tài chính vi mô Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm - Chi nhánh Mỹ Tho	0305140259-025	Số 09 Đường Rạch Gầm, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp	-	895	500.000	81.410.577	81.910.577			phường Mỹ Tho
53	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV - Chi nhánh Sông	0102737963-046	số 1A Hùng Vương, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp	-	36	500.000	3.274.615	3.774.615			phường Mỹ Tho
54	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông tại Tiền Giang	0101526991-007	Số 18-20 Huyện Toại, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp,	-	204	500.000	18.556.154	19.056.154			phường Mỹ Tho
55	Chi nhánh Dịch vụ Gia tăng Tiền Giang - Công ty Cổ phần Những Trang Vàng Việt Nam	0100112194-056	Số 80 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp	-	175	500.000	15.918.269	16.418.269			phường Mỹ Tho
56	Công ty Cổ phần Du lịch Mêkông - Mỹ Tho	1200655742	Số 01A, Tết Mậu Thân, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	260.097.014.459	96	52.019.403	8.732.308	60.751.711			phường Đạo Thạnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
57	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Hữu Quế	1200100726	Số 83, Ấp 1, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	23.924.773.855	43	4.784.955	3.911.346	8.696.301			phường Đạo Thạnh
58	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hữu Lộc	1200415772	Số 82 đường Hùng Vương, Ấp 1, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	43.621.612.797	100	8.724.323	9.096.154	17.820.476			phường Đạo Thạnh
59	Công ty TNHH MTV Bê tông Minh Tâm	1200859859	Số 467 Khu phố 25, Quốc Lộ 50, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	40.120.854	81	500.000	7.367.885	7.867.885			phường Đạo Thạnh
60	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Lộc Nhà Việt	1200686331	Số 263, Khu phố 25, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	25.233.957	42	500.000	3.820.385	4.320.385			phường Đạo Thạnh
61	Công ty TNHH Mai Linh Tiền Giang	1200525479	Số 222, Ấp 4, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	38.931.781.397	182	7.786.356	16.555.000	24.341.356			phường Đạo Thạnh
62	Công ty TNHH Một thành viên Đại Tấn Tài	1200701942	Số 1008, Huyện lộ 92, Khu phố 22, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	100.000.000	7	500.000	636.731	1.136.731			phường Đạo Thạnh
63	Công ty TNHH Đại Thanh Tâm	1200750107	212 Khu Phố Long Hòa B, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	5.594.099.560	5	1.118.820	454.808	1.573.628			phường Đạo Thạnh
64	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Long Uyên - Tiền Giang	1200974153	Số 996, Ấp Long Hòa, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	2.075.831.831	0	500.000	0	500.000			phường Đạo Thạnh
65	Công ty Trách nhiệm hữu hạn XD Phước Hùng TG	1201485564	Ấp 5, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	20.199.332.164	51	4.039.866	4.639.038	8.678.905			phường Đạo Thạnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
66	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Chế biến Nông sản Cát Tường	1201508557	Số 212, Quốc lộ 50, Ấp 3B, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	108.658.329.059	90	21.731.666	8.186.538	29.918.204			phường Đạo Thạnh
67	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Trí Sơn	1201513148	Số 1260, đường ĐT879, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	52.978.696.391	93	10.595.739	8.459.423	19.055.162			phường Đạo Thạnh
68	Công ty TNHH Sản xuất và Chế biến Nông sản Phạm Gia	1201527380	738 Ấp Long Hòa B, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	22.605.425.560	0	4.521.085	0	4.521.085			phường Đạo Thạnh
69	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Phòng khám đa khoa Chí Thanh	1201557152	Số 246-248-250-252 Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	20.576.626.510	55	4.115.325	5.002.885	9.118.210			phường Đạo Thạnh
70	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Challenge	1201557314	159 Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	32.150.594.660	1	6.430.119	90.962	6.521.080			phường Đạo Thạnh
71	Công ty TNHH Một thành viên Ánh sáng Mê Kong	1201573281	168, Ấp 2, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	23.011.338.445	1	4.602.268	90.962	4.693.229			phường Đạo Thạnh
72	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xăng dầu Long Thuận	1201580553	QL50, Ấp 3B, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	100.000.000	3	500.000	272.885	772.885			phường Đạo Thạnh
73	Công ty TNHH Thú nhồi bông Long Thịnh	1201594330	Số 949/9 Ấp Long Hòa B, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	28.524.531	291	500.000	26.469.808	26.969.808			phường Đạo Thạnh
74	Công ty TNHH MTV Công nghệ & Xây dựng Techcons	1201658601	Số 72 Đường Hùng Vương nối dài, Ấp 1., phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	37.919.722	0	500.000	0	500.000			phường Đạo Thạnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
75	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Vinatires	1201660495	Số 84 Nguyễn Minh Đường , Ấp 1, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	3.000.000.000	9	600.000	818.654	1.418.654			phường Đạo Thạnh
76	Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gò Công	1201667927	Ấp 1, Đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	98.891.401.726	1	19.778.280	90.962	19.869.242			phường Đạo Thạnh
77	Công ty TNHH THT Gold	1201681079	Ấp 1, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	20.158.503.599	0	4.031.701	0	4.031.701			phường Đạo Thạnh
78	Công ty Cổ phần Bệnh viện Mắt Sài Gòn Tiền Giang	1201666592	294-296-298 Hùng Vương, Khu phố 22, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	29.450.611.256	79	5.890.122	7.185.962	13.076.084			phường Đạo Thạnh
79	Công ty TNHH Great Lead Việt Nam	1200992804	140 Lê Văn Phẩm, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	5.963.899.666	0	1.192.780	0	1.192.780			phường Đạo Thạnh
80	Chi nhánh Công ty TNHH EB Tân Phú tại Mỹ Tho	0312120895-001	545 đường Lê Văn Phẩm, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	128.654.820.276	285	25.730.964	25.924.038	51.655.003			phường Đạo Thạnh
81	Doanh nghiệp Tư nhân Hữu Nghĩa	1200102515	Số 123AB Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	6.450.641.898	1	1.290.128	90.962	1.381.090			phường Đạo Thạnh
82	Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Hoà	1200100733	Số 869A Lý Thường Kiệt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	147.494.971.348	261	29.498.994	23.740.962	53.239.956			phường Đạo Thạnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
83	Doanh nghiệp Tư nhân Thành Minh	1200426622	Số 102A Lý Thường Kiệt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	7.315.249.369	5	1.463.050	454.808	1.917.858			phường Đạo Thạnh
84	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trí Tâm	1200454482	Số 559B, Lý Thường Kiệt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	28.537.112.686	10	5.707.423	909.615	6.617.038			phường Đạo Thạnh
85	Doanh nghiệp Tư nhân Lý Văn Năm	1200474601	Số 533A, Đường Ấp Bắc, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	9.204.759.514	2	1.840.952	181.923	2.022.875			phường Đạo Thạnh
86	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hiệp Lực	1200476422	Số 91 Tết Mậu Thân, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	11.299.305.386	11	2.259.861	1.000.577	3.260.438			phường Đạo Thạnh
87	Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Thuận Hưng	1200494220	Số 96 Ấp Bắc, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	92.295.473.730	14	18.459.095	1.273.462	19.732.556			phường Đạo Thạnh
88	Công ty TNHH Một thành viên Ba Nở	1200494069	29 ấp Bắc, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	16.831.478.782	6	3.366.296	545.769	3.912.065			phường Đạo Thạnh
89	Công ty TNHH MTV Phước Sơn	1200508579	số 455 Ấp Bắc, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	8.000.000.000	0	1.600.000	0	1.600.000			phường Đạo Thạnh
90	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tiền Giang	1200100839	Số 187 Lê Thị Hồng Gấm, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	9.769.762.135	34	1.953.952	3.092.692	5.046.645			phường Đạo Thạnh
91	Công ty TNHH MTV Thượng Uyển	1200399344	Khu phố 7, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	18.991.903.125	0	3.798.381	0	3.798.381			phường Đạo Thạnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
92	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Tiền Giang - Sài Gòn	1200582156	Số 35 đường Ấp Bắc, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	72.552.306.981	217	14.510.461	19.738.654	34.249.115			phường Đạo Thạnh
93	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sao Nam TG	1200585728	Số 118/3A Lý Thường Kiệt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	60.449.197.826	38	12.089.840	3.456.538	15.546.378			phường Đạo Thạnh
94	Công ty Cổ phần Xây dựng Tiền Giang	1200100645	Số 762 đường Lý Thường Kiệt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	37.710.733.818	30	7.542.147	2.728.846	10.270.993			phường Đạo Thạnh
95	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Nam Anh	1200601458	Số 306 -312 Ấp Bắc, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	406.956.595.823	294	81.391.319	26.742.692	108.134.011			phường Đạo Thạnh
96	Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Tiền Giang	1200607347	Số 43 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	5.300.974.704	21	1.060.195	1.910.192	2.970.387			phường Đạo Thạnh
97	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Hữu Sơn	1200663503	Số 265A, Đường Nguyễn Thị Thập, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	14.772.057.481	13	2.954.411	1.182.500	4.136.911			phường Đạo Thạnh
98	Công ty TNHH Một thành viên Đông Khoa	1200676608	Số 46 Lê Văn Phẩm, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	2.312.220.170	0	500.000	0	500.000			phường Đạo Thạnh
99	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Phú	1200705834	Số 187 Lê Thị Hồng Gấm, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	29.441.742.529	8	5.888.349	727.692	6.616.041			phường Đạo Thạnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
100	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Uyên Nhi	1201386098	Số 285, Đường Tết Mậu Thân, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	6.138.291.838	7	1.227.658	636.731	1.864.389			phường Đạo Thạnh
101	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Thuận Kiều TK	1201443691	Chợ Thạnh Trị, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	39.603.781.363	9	7.920.756	818.654	8.739.410			phường Đạo Thạnh
102	Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Nón Việt	1201453241	Số 136A Hoàng Việt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	2.062.041.875	0	500.000	0	500.000			phường Đạo Thạnh
103	Công ty Cổ phần Long Phương Đông	0304479585	50 Yersin, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	35.121.457.622	31	7.024.292	2.819.808	9.844.099			phường Đạo Thạnh
104	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Phát triển Nguyễn Kim Tiền Giang	1201476471	Số 545 Lê Văn Phẩm, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	244.492.796.580	0	48.898.559	0	48.898.559			phường Đạo Thạnh
105	Trung tâm Ngoại ngữ Cambridge Tiền Giang	1201527599	Số 424, Trần Hưng Đạo, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	8.524.215.038	91	1.704.843	8.277.500	9.982.343			phường Đạo Thạnh
106	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thái Huy Medic - Phòng khám đa khoa Thái Huy	1201534620	Số 41-43 Đường Ấp Bắc, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	19.406.752.282	1	3.881.350	90.962	3.972.312			phường Đạo Thạnh
107	Công ty TNHH Lốp xe Phú Anh	1201617926	Số 466 Trần Hưng Đạo, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	104.761.759.181	42	20.952.352	3.820.385	24.772.736			phường Đạo Thạnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
108	Công ty TNHH TM DV XNK Thiên Lộc	1201622436	Số 37/3/22 đường Hồ Văn Nhánh, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	2.674.302.717	79	534.861	7.185.962	7.720.822			phường Đạo Thạnh
109	Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang	1201656805	Số 138 Trần Hưng Đạo, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	940.396.370.800	14	100.000.000	1.273.462	101.273.462			phường Đạo Thạnh
110	Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Trang trí Nội thất Lâm Hiếu	1201661548	1027 Trần Hưng Đạo, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	20.672.022.790	0	4.134.405	0	4.134.405			phường Đạo Thạnh
111	Công ty TNHH Thiên Lúa Vàng	1201663418	Số 16 Hoàng Việt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	20.000.000.000	1	4.000.000	90.962	4.090.962			phường Đạo Thạnh
112	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Việt Khuê	1201674642	Số 37/1A Hồ Văn Nhánh, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	4.239.524	32	500.000	2.910.769	3.410.769			phường Đạo Thạnh
113	Công ty TNHH Quy hoạch Phát triển Trung tâm Thương mại Mekong Delta	1201674762	Số 3A1, Khu Sao Mai, đường Lý Thường Kiệt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	39.914.300.633	0	7.982.860	0	7.982.860			phường Đạo Thạnh
114	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thái Hương	1201679672	162 Hoàng Việt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	20.138.786.089	4	4.027.757	363.846	4.391.603			phường Đạo Thạnh
115	Công ty Cổ phần Bệnh viện Mắt Việt Mỹ Tho	1201691052	312 Trần Hưng Đạo, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Đạo Thạnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
116	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiên Phúc Hải	1201692271	Số 8 Lê Văn Phẩm, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Đạo Thạnh
117	Công ty TNHH TMDV Duta	1201699012	544 Lý Thường Kiệt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Đạo Thạnh
118	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Duy Anh DAP	1201704978	47/5 Trần Hưng Đạo, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Đạo Thạnh
119	Công ty TNHH XNK - TM - DV Minh Tâm Gò Công Group	1201710354	20A1, Lý Thường Kiệt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Đạo Thạnh
120	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - Đồng Tháp	1201712129	Lầu 7, Tòa Nhà Bưu Điện tỉnh Đồng Tháp, Số 71A, đường Nam Kỳ, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Đạo Thạnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
121	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Biển Đông	1201713154	Số 122A đường Lê Văn Phẩm, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Đạo Thạnh
122	Công ty TNHH MTV VLXD Thành Danh	1201715507	47/5 Trần Hưng Đạo, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Đạo Thạnh
123	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dược phẩm Khương Duy tại Tiền Giang	0301329486-036	622A Lý Thường Kiệt, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Đạo Thạnh
124	Công ty TNHH Tre Xanh BM	1201719075	Số 666 Khu phố 26, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Đạo Thạnh
125	Mobifone Đồng Tháp - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	0100686209-027	Số 03 Đống Đa, Phường Đạo Thạnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	94	500.000	8.550.385	9.050.385			phường Đạo Thạnh
126	Bưu điện tỉnh Đồng Tháp	1400633697	71A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Đạo Thạnh, Tỉnh Đồng Tháp,	-	2655	500.000	241.502.885	242.002.885			phường Đạo Thạnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
127	Công ty Bảo hiểm BSH Tiền Giang	0103085460-043	Số 13 đường Hùng Vương, ấp 1, Phường Đạo Thạnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	35	500.000	3.183.654	3.683.654			phường Đạo Thạnh
128	Công ty Bảo hiểm Vietinbank Cửu Long	0101335193-036	232 Lê Văn Phẩm, Phường Đạo Thạnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	21	500.000	1.910.192	2.410.192			phường Đạo Thạnh
129	Chi nhánh Tiền Giang - Công ty TNHH Tổng Công ty Hoà Bình Minh	5200213156-040	519/7 Ấp 3B, QL 50, khu phố 4, Phường Đạo Thạnh, Tỉnh Đồng Tháp,	-	13	500.000	1.182.500	1.682.500			phường Đạo Thạnh
130	Chi nhánh Công ty TNHH Cargill Việt Nam tại Tiền Giang	3600233178-015	Tầng 4, số 139, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Đạo Thạnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	51	500.000	4.639.038	5.139.038			phường Đạo Thạnh
131	Công ty Bảo hiểm BIDV Cửu Long	0100931299-025	số 71A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Đạo Thạnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	57	500.000	5.184.808	5.684.808			phường Đạo Thạnh
132	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trinity Việt Nam	1200637359	Cụm công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	371.386.179.253	287	74.277.236	26.105.962	100.383.197			phường Mỹ Phong
133	Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Tháp	1200100370	Số 488 Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	230.683.765.473	319	46.136.753	29.016.731	75.153.484			phường Mỹ Phong

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
134	Công ty TNHH Royal Can Industries (Việt Nam)	1200682263	Lô 26-28, 35-37 Cụm CN - tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	275.480.402.467	41	55.096.080	3.729.423	58.825.504			phường Mỹ Phong
135	Công ty TNHH Denc Wood	1201167089	Khu phố 3, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	20.105.336.049	3	4.021.067	272.885	4.293.952			phường Mỹ Phong
136	Công ty TNHH Một thành viên Choi & Shin's Vina	1201443356	Số 236C Nguyễn Trung Trực, Ấp Mỹ Thạnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	65.611.016.974	1255	13.122.203	114.156.731	127.278.934			phường Mỹ Phong
137	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	1200889557	Lô 1A Cụm Công Nghiệp phường 9, Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	104.024.092.946	1	20.804.819	90.962	20.895.780			phường Mỹ Phong
138	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Li Chuan Food Products (Việt Nam)	1200750629	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	164.727.696.560	180	32.945.539	16.373.077	49.318.616			phường Mỹ Phong
139	Công ty TNHH Lâm Vỹ	1201460104	Số nhà 621/1 Tổ 1, Ấp Mỹ Hưng, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	28.588.824.050	167	5.717.765	15.190.577	20.908.342			phường Mỹ Phong

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
140	Công ty Cổ phần Tropitaste	1201706703	Cụm Công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Mỹ Phong
141	Công ty TNHH MTV Mỹ Lợi	1200104086	Số 19 Quốc lộ 50, Khu phố 2, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	35.518.144.880	65	7.103.629	5.912.500	13.016.129			phường Mỹ Phong
142	HTX Chế biến Thức ăn Chăn nuôi Bình Minh	1200101134	QL 50, ấp Phong Thuận, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	50.945.937.136	15	10.189.187	1.364.423	11.553.611			phường Mỹ Phong
143	Doanh nghiệp Tư nhân Bá Hưng	1200445791	Khu phố Phong Thuận, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	13.690.267.533	3	2.738.054	272.885	3.010.938			phường Mỹ Phong
144	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Nước đá Chí Thành	1200482560	Khu phố 5, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	19.249.828.306	71	3.849.966	6.458.269	10.308.235			phường Mỹ Phong
145	Công ty TNHH Vật tư - May Xuất nhập khẩu Tân Bình	1200568169	Số 151B Đinh Bộ Lĩnh, Khu phố 6, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	90.271.273.670	3	18.054.255	272.885	18.327.139			phường Mỹ Phong
146	Công ty Trách nhiệm hữu hạn An Lạc	1200571845	Ấp Phong Thuận, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	25.827.229.195	0	5.165.446	0	5.165.446			phường Mỹ Phong
147	Công ty Trách nhiệm hữu hạn An Việt KTY	1200580783	Số 252 Quốc Lộ 50, khu phố 1, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	116.454.671.889	422	23.290.934	38.385.769	61.676.704			phường Mỹ Phong

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
148	Công ty TNHH Một thành viên Xe máy Vân Hải	1200648336	Quốc lộ 50, Khu phố 4, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	159.071.424.274	30	31.814.285	2.728.846	34.543.131			phường Mỹ Phong
149	Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	1200100067	Số 234, Khu phố 6, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	648.540.146.840	2410	100.000.000	219.217.308	319.217.308			phường Mỹ Phong
150	Công ty Cổ phần May Tiền Tiến II	1200654298	Khu phố 6, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	47.977.555.777	5	9.595.511	454.808	10.050.319			phường Mỹ Phong
151	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến Nông hải sản Hải Thành	1200704541	Khu phố Phong Thuận, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	53.535.462.927	67	10.707.093	6.094.423	16.801.516			phường Mỹ Phong
152	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Song Hỷ	1200755627	Số 179 Tổ 6, Khu phố 6, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	21.603.986.175	22	4.320.797	2.001.154	6.321.951			phường Mỹ Phong
153	Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc	1200944021	Ấp Phong Thuận, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	64.298.270.384	101	12.859.654	9.187.115	22.046.769			phường Mỹ Phong
154	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Thành Phát	1200997619	Số 1101 Khu phố Phong Thuận, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	48.956.678.043	17	9.791.336	1.546.346	11.337.682			phường Mỹ Phong
155	Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 11	1201492579	Số 313 Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	30.969.210.691	101	6.193.842	9.187.115	15.380.958			phường Mỹ Phong
156	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhôm Tấn Lộc	1201534451	Số 199E Nguyễn Trung Trực, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	7.190.848.351	5	1.438.170	454.808	1.892.977			phường Mỹ Phong

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
157	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Bất động sản Quý Nhân	1201565001	Số 291-293 Hùng Vương, Ấp Mỹ Thạnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	10.000.000.000	1	2.000.000	90.962	2.090.962			phường Mỹ Phong
158	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xăng dầu Trang Lợi	1201580546	Thái Sanh Hạnh, KP 1, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	100.000.000	3	500.000	272.885	772.885			phường Mỹ Phong
159	Công ty TNHH Touch Life	1201608343	Số 309D Ấp Mỹ Thạnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	140.900.582	3	500.000	272.885	772.885			phường Mỹ Phong
160	Công ty TNHH SX TM DV Đại Tín	1201627000	Ấp Mỹ Hưng, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	40.074.393.422	37	8.014.879	3.365.577	11.380.456			phường Mỹ Phong
161	Công ty TNHH MTV Đông lạnh Thủy sản Yến Oanh	1201647631	Ấp Phong Thuận, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	15.100.000.000	10	3.020.000	909.615	3.929.615			phường Mỹ Phong
162	Công ty TNHH An Phú Mekong	1201648240	Lô 3, Cụm Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	2.518.717.533	1	503.744	90.962	594.705			phường Mỹ Phong
163	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia Dương	1201653610	24/6 tổ 6, khu phố Mỹ Lợi, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	17.532.229.330	4	3.506.446	363.846	3.870.292			phường Mỹ Phong
164	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Green Farm	1201667042	Số 412 Thái Sanh Hạnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	41.183.871.553	5	8.236.774	454.808	8.691.582			phường Mỹ Phong

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
165	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Vạn Cảnh Hồng	1201670912	Số 97/14 Thái Sanh Hạnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	501.444.171.809	20	100.000.000	1.819.231	101.819.231			phường Mỹ Phong
166	Công ty TNHH MTV Vận tải Ngọc Hân	1201673208	Khu phố Mỹ An, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	30.150.055.852	49	6.030.011	4.457.115	10.487.127			phường Mỹ Phong
167	Công ty TNHH LTS The Best Fashion	1201684792	Khu phố 3, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	50.420.884.297	20	10.084.177	1.819.231	11.903.408			phường Mỹ Phong
168	Công ty TNHH Coco Produce	1201686172	Số 01 Trần Thị Sanh, Khu Phố 5, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	9.867.191.744	39	1.973.438	3.547.500	5.520.938			phường Mỹ Phong
169	Công ty Cổ phần Bất động sản Starealty	1201696910	51 Trần Thị Thơm, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Mỹ Phong
170	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Starland	1201696903	51 Trần Thị Thơm, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Mỹ Phong
171	Công ty TNHH SD	1200384637	Khu Phố 3, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	85.338.306.356	345	17.067.661	31.381.731	48.449.392			phường Mỹ Phong

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
172	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	1200100557	Lô 08, 09 cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chá, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	336.829.794.615	364	67.365.959	33.110.000	100.475.959			phường Mỹ Phong
173	Công ty Trách nhiệm hữu hạn MT	1200601031	Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	95.037.543.918	225	19.007.509	20.466.346	39.473.855			phường Mỹ Phong
174	Công ty Cổ phần Dệt len Phương Nam	1200663574	Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	44.900.357.857	12	8.980.072	1.091.538	10.071.610			phường Mỹ Phong
175	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thiết bị Chiếu sáng Duhal	1200512952	Lô 30-31, Cụm Công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	381.738.569.164	376	76.347.714	34.201.538	110.549.252			phường Mỹ Phong
176	Công ty Cổ phần Xây dựng Ticco	1200683404	Số 490 Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	146.110.401.741	63	29.222.080	5.730.577	34.952.657			phường Mỹ Phong
177	Công ty Cổ phần Nam Hùng Vương	1201525707	Lô 20 Cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	31.525.957.533	6	6.305.192	545.769	6.850.961			phường Mỹ Phong

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
178	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi Ticco	1201534074	Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	157.156.869.635	53	31.431.374	4.820.962	36.252.335			phường Mỹ Phong
179	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Ticco	1201577198	Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	6.651.766.860	12	1.330.353	1.091.538	2.421.892			phường Mỹ Phong
180	Công ty TNHH TM SX Nệm & May mặc Mekong	1201622450	Lô 121, Cụm Công Nghiệp và Tiểu Thủ Công Nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	23.299.281.956	152	4.659.856	13.826.154	18.486.010			phường Mỹ Phong
181	Công ty TNHH Thiên Phú Mekong	1201632554	Lô 3A Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	5.506.434.082	2	1.101.287	181.923	1.283.210			phường Mỹ Phong
182	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thú nhồi bông Mỹ Tho	1201684305	Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	10.773.245.623	115	2.154.649	10.460.577	12.615.226			phường Mỹ Phong
183	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lê Văn Hoài	1201691366	Khu phố 3, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Mỹ Phong

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
184	Công ty TNHH Một thành viên Pungkook Bến Tre – Chi nhánh Mỹ Tho	1300596473-001	Lô 33, 34 Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường Mỹ Phong, Tỉnh Đồng Tháp	-	1432	500.000	130.256.923	130.756.923			phường Mỹ Phong
185	Chi nhánh Tiền Giang - Công ty TNHH Nova Ecotec	1201712760	Thửa đất số 219, Tờ bản đồ số 10, Cụm CN-TTCN Tân Mỹ Chánh, Phường Mỹ Phong, Đồng Tháp	-	1	500.000	90.962	590.962			phường Mỹ Phong
186	Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Tiền Giang	1200100596	Số 65/4, Trần Hưng Đạo, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	330.147.489.663	206	66.029.498	18.738.077	84.767.575			phường Thới Sơn
187	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Tiền Giang	1200100701	157 Lê Thị Hồng Gấm, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	22.910.396.394	3	4.582.079	272.885	4.854.964			phường Thới Sơn
188	Công ty TNHH Giải trí Cồn Thới Sơn	1201496238	Tổ 1, Ấp Thới Thạnh, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	9.530.663.639	0	1.906.133	0	1.906.133			phường Thới Sơn
189	Công ty TNHH Webcash Việt Nam	1201496252	LK08-13, Khu phố 3, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	19.696.963.698	65	3.939.393	5.912.500	9.851.893			phường Thới Sơn
190	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Genuwin Thới Sơn	1201547669	Ấp Thới Thuận, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	14.613.167.997	0	2.922.634	0	2.922.634			phường Thới Sơn
191	Công ty TNHH MIT International Corp	0318138401	296/14 Lê Thị Hồng Gấm, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	21.557.585.198	3	4.311.517	272.885	4.584.402			phường Thới Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
192	Công ty TNHH MTV Đồng Xanh Tiền Giang	1200104865	Số 142/2 Đường Lý Thường Kiệt, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	1.183.245.238	1	500.000	90.962	590.962			phường Thới Sơn
193	Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Tiền Giang	1200441638	Số 152 Đường Lý Thường Kiệt, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	82.637.968.059	117	16.527.594	10.642.500	27.170.094			phường Thới Sơn
194	Doanh nghiệp Tư nhân Khoa Nguyên	1200452943	Số 152 Lý Thường Kiệt, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	32.126.001.933	4	6.425.200	363.846	6.789.047			phường Thới Sơn
195	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông Thủy lợi Tiền Giang	1200539383	Số 05 đường Lê Văn Phẩm, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	8.426.839.543	30	1.685.368	2.728.846	4.414.214			phường Thới Sơn
196	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bao bì Thịnh Phát	1200100388	Số 9 đường Lê Thị Hồng Gấm, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	9.457.910.107	29	1.891.582	2.637.885	4.529.467			phường Thới Sơn
197	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Đại Ngân	1200678771	Số 394 Nguyễn Thị Thập, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	35.445.642.474	52	7.089.128	4.730.000	11.819.128			phường Thới Sơn
198	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thái Dương	1200765054	C18 đường số 5, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	10.695.418.363	6	2.139.084	545.769	2.684.853			phường Thới Sơn
199	Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Huỳnh Văn Nô	1200947625	Số 154/2C Lý Thường Kiệt, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	8.046.759.069	2	1.609.352	181.923	1.791.275			phường Thới Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
200	Công ty TNHH Hongai 1949 Việt Nam	1201201332	Số 390 Khu phố Thới Bình, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	14.100.138.862	27	2.820.028	2.455.962	5.275.989			phường Thới Sơn
201	Công ty TNHH May Thiện Vy	1201575521	Số 20/10 Trần Ngọc Giải, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	1.739.504.479	60	500.000	5.457.692	5.957.692			phường Thới Sơn
202	Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Huy Vũ	1200449570	Lô A, số 20 đường số 6, khu phố Mỹ Thạnh Hưng, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	17.637.026.699	6	3.527.405	545.769	4.073.175			phường Thới Sơn
203	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Kim Dung	1201592439	64/7A Lê Thị Hồng Gấm, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	23.861.194.102	5	4.772.239	454.808	5.227.047			phường Thới Sơn
204	Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	1201592559	C32, Đường số 3, Mỹ Thạnh Hưng, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	6.790.368.113.943	35	100.000.000	3.183.654	103.183.654			phường Thới Sơn
205	Công ty TNHH Khoáng sản Thanh Phong	1201610021	Số 10/1 Lê Thị Hồng Gấm, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	0	0	0	0	0	miễn	DN mới hoạt động lại vào tháng 12/2025	phường Thới Sơn
206	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Việt Delta	1201621464	Ấp Thới Thuận, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	116.063.032.975	10	23.212.607	909.615	24.122.222			phường Thới Sơn
207	Công ty TNHH Xăng dầu Tâm Lý	1201627561	Ấp Thới Thạnh, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	15.445.309.574	1	3.089.062	90.962	3.180.023			phường Thới Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
208	Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tiền Giang	1201630317	C32, Đường số 3, Khu phố Mỹ Thạnh Hưng, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	3.239.279.469	10	647.856	909.615	1.557.471			phường Thới Sơn
209	Công ty CP Năng lượng Tái tạo Tân Thành	1201645433	C32, Đường số 3, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	5.143.752.919	10	1.028.751	909.615	1.938.366			phường Thới Sơn
210	Công ty TNHH Thu mua Phế liệu SX TM Mạnh Nguyễn TG	1201675501	50 Trần Ngọc Giải, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	47.989.441.049	9	9.597.888	818.654	10.416.542			phường Thới Sơn
211	Công ty TNHH Bất động sản Thanh Phong TG	1201677072	29/3 Khu phố 1, Lê Thị Hồng Gấm, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	20.000.000.000	5	4.000.000	454.808	4.454.808			phường Thới Sơn
212	Công ty TNHH Thới Sơn Loveland	1201682410	Ấp Thới Thuận, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	19.995.454.000	5	3.999.091	454.808	4.453.898			phường Thới Sơn
213	Công ty TNHH MTV Thép Mỹ Tho	1201682467	61/1B Lê Thị Hồng Gấm, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	15.044.551.012	2	3.008.910	181.923	3.190.833			phường Thới Sơn
214	Công ty Cổ phần Xây dựng Nhà Xinh Mekong	1201686239	357/6 Nguyễn Thị Thập, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	0	5	500.000	454.808	954.808			phường Thới Sơn
215	Công ty TNHH Thu mua Phế liệu - Sản xuất - Xuất khẩu - TM 96 LA	1201695716	50 Trần Ngọc Giải, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Thới Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
216	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam tại tỉnh Tiền Giang	0105926285-007	Số 35, đường Lê Văn Phẩm, Khu phố 10, Phường Thới Sơn, Tỉnh Đồng Tháp,	-	44	500.000	4.002.308	4.502.308			phường Thới Sơn
217	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tây Bắc tại Tiền Giang	0101496024-002	Số 396A, Khu dân cư dọc sông Tiền, Phường Thới Sơn, Tỉnh Đồng Tháp	-	11	500.000	1.000.577	1.500.577			phường Thới Sơn
218	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Chế biến Nông Thủy sản Xuất khẩu Thuận Phong	1200481101	Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	593.535.111.529	2283	100.000.000	207.665.192	307.665.192			phường Trung An
219	Công ty Cổ phần Nhựa Mê Kông	1200527081	Lô B Cụm Công nghiệp Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	462.070.364.915	1413	92.414.073	128.528.654	220.942.727			phường Trung An
220	Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	1200568151	Khu phố Trung Lương, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	18.758.522.294	79	3.751.704	7.185.962	10.937.666			phường Trung An
221	Công ty TNHH Bada Vina	1200416046	Lô 52 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	28.896.090.760	33	5.779.218	3.001.731	8.780.949			phường Trung An
222	Công ty TNHH Nam of London	1200498659	Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	73.159.372.880	4	14.631.875	363.846	14.995.721			phường Trung An
223	Công ty TNHH Royal Foods Việt Nam	1200537749	Lô 19-20 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	427.418.875.402	20	85.483.775	1.819.231	87.303.006			phường Trung An

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
224	Công ty TNHH Một thành viên May XNK Mỹ Tho	1200101247	Số 101 Quốc lộ 1, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	4.184.307.702	417	836.862	37.930.962	38.767.823			phường Trung An
225	Công ty TNHH T.C. Union Việt Nam	1200735204	Lô 10-11, Khu công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	130.097.819.005	104	26.019.564	9.460.000	35.479.564			phường Trung An
226	Công ty TNHH Sản xuất Trái cây Hùng Phát	1201518548	Lô 47-49-51 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	744.509.322.297	792	100.000.000	72.041.538	172.041.538			phường Trung An
227	Công ty Cổ phần Green Stars Tiền Giang	1201610416	Số 363 đường Đoàn Thị Nghiệp, Ấp 1, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	18.968.900.913	0	3.793.780	0	3.793.780			phường Trung An
228	Công ty Cổ phần Bao bì Xanh	1200482095	Lô 99 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	526.119.965.300	299	100.000.000	27.197.500	127.197.500			phường Trung An
229	Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	1200520174	Cụm Công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	33.335.114.953	131	6.667.023	11.915.962	18.582.985			phường Trung An
230	Công ty Cổ phần Thủy sản Vinh Quang	1200543012	Lô số 37 và 40 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	493.608.615.238	233	98.721.723	21.194.038	119.915.762			phường Trung An
231	Công ty TNHH Huỳnh Nhân TG	1200348300	Cụm Công nghiệp Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	683.071.327	3	500.000	272.885	772.885			phường Trung An

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
232	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	1200481990	Ấp Bình Tạo, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	63.570.865.099	891	12.714.173	81.046.731	93.760.904			phường Trung An
233	Doanh nghiệp Tư nhân Ngô Duy	1200580688	Số 18 Đường số 4, Cụm Công nghiệp Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	1.423.846.843	4	500.000	363.846	863.846			phường Trung An
234	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công Sơn	1200620940	Lô D Cụm công nghiệp Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	17.392.976.471	87	3.478.595	7.913.654	11.392.249			phường Trung An
235	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Châu Á	1200616415	Lô 38-39 Khu công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	1.268.115.667.454	227	100.000.000	20.648.269	120.648.269			phường Trung An
236	Công ty Cổ phần Hùng Vương	1200507529	Lô 44 - Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	4.938.366.950.518	169	100.000.000	15.372.500	115.372.500			phường Trung An
237	Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco	1200656249	Lô số 1,2,3,4,5,6 Khu công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	441.699.398.693	337	88.339.880	30.654.038	118.993.918			phường Trung An
238	Công ty Cổ phần Gò Đàng	1200575021	Lô 45, Khu công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	3.076.559.022.097	1053	100.000.000	95.782.500	195.782.500			phường Trung An
239	Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương - Miền Tây	1200670331	Lô 46 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	1.290.755.998.647	18	100.000.000	1.637.308	101.637.308			phường Trung An

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
240	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Trung An	1200672145	Tỉnh lộ 864, Cụm công nghiệp Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	1.269.111.634	3	500.000	272.885	772.885			phường Trung An
241	Công ty Cổ phần Testco	1200673607	Lô 1,2,3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	2.008.501.812	6	500.000	545.769	1.045.769			phường Trung An
242	Công ty Cổ phần Châu Âu	1200745996	Lô 69, Khu công nghiệp Mỹ Tho, Khu phố Bình Tạo, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	363.045.034.596	492	72.609.007	44.753.077	117.362.084			phường Trung An
243	Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	1201283261	Lô 41-42 Khu công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	125.662.218.416	68	25.132.444	6.185.385	31.317.828			phường Trung An
244	Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	1201421105	Lô 69, Khu công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	388.479.829.050	1	77.695.966	90.962	77.786.927			phường Trung An
245	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cọc Ticco	1201537131	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 Đường số 1 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	7.976.097.403	17	1.595.219	1.546.346	3.141.566			phường Trung An
246	Công ty TNHH MTV Nguyên Thành Tài	1201547299	Số 18/4, 18/5, Đường số 4, Cụm công nghiệp Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	8.223.936.756	17	1.644.787	1.546.346	3.191.134			phường Trung An

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
247	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	1200526842	Số 46-48 Nguyễn Công Bình, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	1.569.561.730.149	69	100.000.000	6.276.346	56.276.346	giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024 giảm 50%	phường Trung An
248	Công ty Cổ phần Cảng Mỹ Tho	1200100162	Đường tỉnh 864, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	213.732.559.782	96	42.746.512	8.732.308	30.105.564	giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024 giảm 50%	phường Trung An
249	Công ty TNHH Một thành viên Mekong Delights	1201691609	Lô 46 - 48 Khu công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Trung An
250	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thống Nhất	1200103773	Số 228 Quốc lộ 1A, Khu phố 2, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	36.972.936.696	39	7.394.587	3.547.500	10.942.087			phường Trung An
251	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Minh Dũng	1200328262	Số 1A Khu phố Trung Lương, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	58.429.214.214	12	11.685.843	1.091.538	12.777.381			phường Trung An
252	Doanh nghiệp Tư nhân Kim Long	1200427672	Số 274 đường Phạm Hùng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	23.377.619.426	28	4.675.524	2.546.923	7.222.447			phường Trung An

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
253	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thể thao Hải Yến	1200451428	Số 188A Trần Văn Hiển, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	34.316.137.366	54	6.863.227	4.911.923	11.775.151			phường Trung An
254	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Minh Trí	1200472629	Số 249/1A Tổ 1, Ấp Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	32.707.187.687	4	6.541.438	363.846	6.905.284			phường Trung An
255	Hợp tác xã Quang Minh	1200510698	207C Nguyễn Thị Thập, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	125.787.998	855	500.000	77.772.115	78.272.115			phường Trung An
256	Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Tiền Giang	1200516160	Số 2,3,4 Quốc lộ 1A, Khu phố Trung Lương, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	128.156.059.037	54	25.631.212	4.911.923	30.543.135			phường Trung An
257	Doanh nghiệp Tư nhân Hồng Phương	1200586538	Số 125 Nguyễn Thị Thập, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	59.602.796.558	62	11.920.559	5.639.615	17.560.175			phường Trung An
258	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lý Thanh Phương	1200630681	Số 236 Đường Phạm Hùng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	17.423.118.948	4	3.484.624	363.846	3.848.470			phường Trung An
259	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giang Mây Việt	1200686606	Số 150 Phạm Hùng, Ấp 1, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	92.297.821	679	500.000	61.762.885	62.262.885			phường Trung An
260	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Gas Minh Phương	1200596670	Số 34 Phạm Hùng, Tổ 4, Khu Phố 10, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	89.410.688.176	37	17.882.138	3.365.577	21.247.715			phường Trung An
261	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ấn Long	1201110639	Số 174/QĐ, Tổ 22, Ấp Bình Tạo, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	56.174.714.224	9	11.234.943	818.654	12.053.597			phường Trung An

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
262	Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xăng dầu Tiền Giang	1201453957	Khu phố Bình Tạo A, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	89.342.631.654	48	17.868.526	4.366.154	22.234.680			phường Trung An
263	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Quốc tế	1201490691	Ấp Chợ, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	15.585.988.568	5	3.117.198	454.808	3.572.005			phường Trung An
264	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thành Đạt Phát TG	1201493332	Số 79B Ấp 4, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	63.214.301.718	9	12.642.860	818.654	13.461.514			phường Trung An
265	Công ty TNHH TC Lộc Phát	1201493597	Số 379 ấp Bình Tạo A, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	64.813.581.033	36	12.962.716	3.274.615	16.237.332			phường Trung An
266	Công ty TNHH Một thành viên Thống Nhất TG	1201501304	Số 228, Quốc lộ 1A, Khu phố 2, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	8.721.739.675	51	1.744.348	4.639.038	6.383.386			phường Trung An
267	Công ty Cổ phần Thủy sản Anh Vũ AVFish	1201503968	Số 309, Ấp Bình Tạo, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	70.542.796	13	500.000	1.182.500	1.682.500			phường Trung An
268	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Tâm Minh Đức Tiền Giang	1201576733	198A Nguyễn Thị Thập, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	81.265.516.263	133	16.253.103	12.097.885	28.350.988			phường Trung An
269	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xăng dầu Lê Dũng	1201584332	1A KP Trung Lương, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	40.479.036.248	5	8.095.807	454.808	8.550.615			phường Trung An
270	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Đại Dương Xanh	1201600880	Tổ 14, Khu phố Phước Thuận, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	180.966.316.149	302	36.193.263	27.470.385	63.663.648			phường Trung An

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
271	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà đất Hồ Thổ	1201614428	Số 249/1 Tổ 1, Ấp Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	20.000.000.000	0	4.000.000	0	4.000.000			phường Trung An
272	Công ty TNHH Ô tô Nhật Hùng	1201639140	Khu phố 10, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	111.929.793	186	500.000	16.918.846	17.418.846			phường Trung An
273	Công ty Cổ phần HAN	1201652310	100 PHẠM HÙNG, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	22.325.574.425	23	4.465.115	2.092.115	6.557.230			phường Trung An
274	Công ty TNHH Song Seng Tiền Giang	1201654942	Số 207 Phạm Hùng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	21.299.275.160	1	4.259.855	90.962	4.350.817			phường Trung An
275	Công ty Trách nhiệm hữu hạn - Tôn - Xà gồ - Thép hình - Thép tấm - Thép ống Ngọc Tiền	1201661185	Số 175 đường Nguyễn Thị Thập, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	19.831.568.343	2	3.966.314	181.923	4.148.237			phường Trung An
276	Công ty TNHH Gia Huy Phát TG	1201661410	Số 150 Phạm Hùng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	78.733.835.046	0	15.746.767	0	15.746.767			phường Trung An
277	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Bất động sản Tây Nam	1201663739	Số 10A, Đường Ấp Bắc, Khu phố 1, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	3.309.395.264	1	661.879	90.962	752.841			phường Trung An
278	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngọc Thuận TG	1201664884	Số 528 Phạm Hùng, Khu phố Bình Tạo A, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	28.087.849.421	24	5.617.570	2.183.077	7.800.647			phường Trung An
279	Công ty TNHH Ô tô Nhật Duy	1201667405	Ấp Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	38.590.253.825	1	7.718.051	90.962	7.809.012			phường Trung An

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
280	Công ty TNHH 2 TV Đại Hùng Phát	1201682989	64 đường Đoàn Giỏi, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	320.007.297.748	0	64.001.460	0	64.001.460			phường Trung An
281	Công ty TNHH Xây dựng 63	1201683904	Ấp Phước Hòa, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	80.000.000.000	0	16.000.000	0	16.000.000			phường Trung An
282	Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Tiền Giang	1201686285	368A, Ấp Phước Hoà, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	35.911.706.823	1	7.182.341	90.962	7.273.303			phường Trung An
283	Công ty TNHH Năng lượng Mới Tiền Giang	1201687514	Số 602 Quốc lộ 1, Ấp Phước Hoà, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	26.322.552.319	2	5.264.510	181.923	5.446.434			phường Trung An
284	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vật liệu và Sản xuất Kim loại màu Thép Mới VN	1201712425	256 Nguyễn Công Bình, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Trung An
285	Công ty TNHH Thiên Long Đồng Tháp	1201718473	256 Nguyễn Công Bình, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	phường Trung An
286	Công ty Lương thực Tiền Giang	0300613198-009	Số 256, Khu phố 2, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp,	-	165	500.000	15.008.654	15.508.654			phường Trung An

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
287	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tiền Giang	0100774631-027	Số 69-71, Đường Nguyễn Công Bình, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp	-	41	500.000	3.729.423	4.229.423			phường Trung An
288	Công ty Bảo hiểm MIC Tiền Giang	0102385623-045	Số 33 Nguyễn Công Bình, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp	-	17	500.000	1.546.346	2.046.346			phường Trung An
289	Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Tiền Giang	3700306630-003	Lô 03 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Đường Ngô Gia Tự, Khu phố Bình Tạo, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp,	-	685	500.000	62.308.654	62.808.654			phường Trung An
290	Chi nhánh Công ty TNHH Nippovina tại Tiền Giang	0300828997-008	Ấp Chợ, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp,	-	5	500.000	454.808	954.808			phường Trung An
291	Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trường Vinh Hi - Nô	3500841133-001	Số 81 Quốc lộ 1A, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp,	-	1	500.000	90.962	590.962			phường Trung An
292	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vận tải Sài Gòn – Chi nhánh Tiền Giang	3602345511-012	Ấp 5, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp	-	12	500.000	1.091.538	1.591.538			phường Trung An
Tổng cộng								**7.132.561.707**			

PHỤ LỤC 2.2

DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026

KHU VỰC 2: (xã Mỹ Tịnh An, xã Lương Hoà Lạc, xã Tân Thuận Bình, xã Chợ Gạo, xã An Thạnh Thuỷ, xã Bình Ninh, xã Tân Hương, xã Châu Thành, xã Long Hưng, xã Long Định, xã Vĩnh kim, xã Kim Sơn, xã Bình Trưng, xã Vĩnh Bình, xã Đồng Sơn, xã Phú Thành, xã Long Bình, xã Vĩnh Hựu)

(Kèm theo Kế hoạch số 1061/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
1	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sản xuất Minh Chánh	1201707400	Thửa 500, tờ bản đồ số 3, ấp Trung Hoà, xã Mỹ Tịnh An, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Mỹ Tịnh An
2	Doanh nghiệp Tư nhân Phước Khang	1200290026	Ấp Lương Phú B, xã Lương Hòa Lạc, tỉnh Đồng Tháp	3.674.635.837	1	734.927	79.615	814.543			xã Lương Hoà Lạc
3	Công ty TNHH MTV TM Đăng Khoa	1201651275	Số 364 Ấp Phú Thạnh, xã Lương Hòa Lạc, tỉnh Đồng Tháp	21.546.118.981	1	4.309.224	79.615	4.388.839			xã Lương Hoà Lạc
4	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xăng dầu Hữu Thắng	1200475595	ấp Bình an, xã Tân Thuận Bình, tỉnh Đồng Tháp	8.494.291.422	4	1.698.858	318.462	2.017.320			xã Tân Thuận Bình

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
5	Công ty TNHH Hàng hải Đăng Hưng Phước	1201650352	Ấp Đăng Phong Trên, xã Tân Thuận Bình, tỉnh Đồng Tháp	1.433.008.364	0	500.000	0	500.000			xã Tân Thuận Bình
6	Công ty TNHH Một thành viên Wondo Vina	1201095638	Ấp Tân Bình, xã Chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp	141.056.846.545	1.416	28.211.369	112.735.385	140.946.754			xã Chợ Gạo
7	Công ty Cổ phần Thương mại Chợ Gạo	1200459096	Ô 1, Khu II, xã Chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp	59.538.871.343	65	11.907.774	5.175.000	17.082.774			xã Chợ Gạo
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng DK	1201677403	Số 49 Đường 11, KDC Long Thạnh Hưng, xã Chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp	84.107.979.220	2	16.821.596	159.231	16.980.827			xã Chợ Gạo
9	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thực phẩm Thabico Tiền Giang	1201599836	Ấp Hòa Thạnh, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp	1.018.701.288.529	1.139	100.000.000	90.681.923	190.681.923			xã Bình Ninh
10	Công ty TNHH Jako Vina	1201253179	Ấp Hòa Lợi Tiểu, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp	116.385.632.355	322	23.277.126	25.636.154	48.913.280			xã Bình Ninh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
11	Công ty TNHH Daechang Vina	1201454950	Ấp Hòa Lợi Tiểu, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp	35.563.915.502	120	7.112.783	9.553.846	16.666.629			xã Bình Ninh
12	Công ty TNHH Centum Vina	1201459980	Ấp Hòa Lợi Tiểu, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp	5.649.463.867	0	1.129.893	0	1.129.893			xã Bình Ninh
13	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên LTS Vina	1201533070	Ấp Mỹ Thạnh, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp	122.824.681.573	693	24.564.936	55.173.462	79.738.398			xã Bình Ninh
14	Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Vận tải Minh Phúc	1201698516	Ấp Bình Hưng Thượng, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Bình Ninh
15	Công ty TNHH Phân phối Bách hóa Như Ngọc	1201701550	Ấp Bình Quới Hạ, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Bình Ninh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
16	Công ty Cổ phần Đầu tư FGS Đồng Tháp	1201715497	Đường 864, Ấp Bình Hưng Thượng, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Bình Ninh
17	Chi nhánh Công ty TNHH Sungjin Inc Vina tại tỉnh Tiền Giang	3700715633-001	Ấp Hòa Lợi Tiểu, Xã Bình Ninh, Tỉnh Đồng Tháp	-	890	500.000	70.857.692	71.357.692			xã Bình Ninh
18	Công ty TNHH Tân Phú Tiền Giang	1200252373	Ấp Tân Phú, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	11.244.305.939	2	2.248.861	181.923	2.430.784			xã Tân Hương
19	Công ty TNHH Tân Thanh	1200252334	814/3 Ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	32.551.008.998	18	6.510.202	1.637.308	8.147.509			xã Tân Hương
20	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ Nông Tiến	1200720173	Ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	16.336.751.315	17	3.267.350	1.546.346	4.813.696			xã Tân Hương

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
21	Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại và Dịch vụ An Phú Giang	1201027892	Số 229 tổ 7, Ấp Tân Quới, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	61.001.571.527	0	12.200.314	0	12.200.314			xã Tân Hương
22	Công ty TNHH Xây dựng Lê Tám	1201566686	Đường Lê Hồng Châu, Tổ 20, Ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	36.681.266.242	1	7.336.253	90.962	7.427.215			xã Tân Hương
23	Công ty TNHH TM - DV Bất động sản Đại Tín	1201666063	Ấp Tân Quới, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	19.994.000.000	1	3.998.800	90.962	4.089.762			xã Tân Hương
24	Công ty TNHH Y khoa BSIP Medical	1201680332	Thửa đất số 3838, Tờ bản đồ số 01, Ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	13.799.335.617	31	2.759.867	2.819.808	5.579.675			xã Tân Hương
25	Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Thiên Thạch	1200663398	Lô BI-1 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	13.431.308.235	11	2.686.262	1.000.577	3.686.839			xã Tân Hương

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
26	Công ty TNHH Tong Wei Việt Nam	1200665148	Lô BII 1-7 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	1.269.572.719.532	456	100.000.000	41.478.462	141.478.462			xã Tân Hương
27	Công ty TNHH Long Ji	1200699595	Lô A IV-11 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	82.909.620.043	331	16.581.924	30.108.269	46.690.193			xã Tân Hương
28	Công ty TNHH Quảng Việt (Tiền Giang)	1201067775	Lô KI-1,2 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	770.958.850.258	5.695	100.000.000	518.025.962	618.025.962			xã Tân Hương
29	Công ty TNHH Count Vina	1201067782	Lô AII-9-10-11-12, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	246.618.718.958	1.650	49.323.744	150.086.538	199.410.282			xã Tân Hương

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
30	Công ty TNHH Nhựa Việt Hoa	1201050637	Lô AIV-12 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	130.178.315.368	192	26.035.663	17.464.615	43.500.278			xã Tân Hương
31	Công ty TNHH Freeview Industrial (Việt Nam)	1201075381	Lô AII-1-8, AIII-6, AIV-1-9, AV-5,6, KIII, KIV Khu công nghi, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	2.445.703.917.810	26.962	100.000.000	2.452.505.000	2.552.505.000			xã Tân Hương
32	Công ty TNHH May mặc King Hamm Industrial	1201183796	Lô AI, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	185.175.391.218	1.222	37.035.078	111.155.000	148.190.078			xã Tân Hương
33	Công ty TNHH Bao bì Quốc tế Thuận Phong	1201323443	Lô AIV-14 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	165.481.832.439	225	33.096.366	20.466.346	53.562.713			xã Tân Hương

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
34	Công ty TNHH Master C&D (Việt Nam)	1201162080	Lô BI-3, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	53.200.631.168	137	10.640.126	12.461.731	23.101.857			xã Tân Hương
35	Công ty TNHH Emivest Feedmill (TG) Việt Nam	1201418945	Lô AV-1,2,3,4,7 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	2.135.582.961.076	675	100.000.000	61.399.038	161.399.038			xã Tân Hương
36	Công ty TNHH Toyonaga (Mekong)	1201344700	Lô A VIII, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	46.649.216.466	110	9.329.843	10.005.769	19.335.613			xã Tân Hương
37	Công ty TNHH Green TG	1201449742	Lô AIII-11 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	151.516.662.291	1.191	30.303.332	108.335.192	138.638.525			xã Tân Hương

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
38	Công ty TNHH Dụ Đức Việt Nam	1201073419	Lô BIV, CI-10, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	2.895.356.531.727	10.428	100.000.000	948.546.923	1.048.546.923			xã Tân Hương
39	Công ty TNHH YMUV	1201485042	Lô AIII-1,5 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	669.197.487.999	5.023	100.000.000	456.899.808	556.899.808			xã Tân Hương
40	Công ty Cổ phần Tex - Giang	1200650663	Lô BII-8, đường D3, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	6.032.889.679.824	4.974	100.000.000	452.442.692	552.442.692			xã Tân Hương
41	Công ty TNHH Túi xách Simone Việt Nam TG	1201079273	Lô AI, AI-1, AVI, AVII, KII-1 KCN Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	1.026.244.753.850	8.756	100.000.000	796.459.231	896.459.231			xã Tân Hương

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
42	Công ty TNHH Hansae TG	1201085742	Lô BIII, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	771.244.174.937	5.769	100.000.000	524.757.115	624.757.115			xã Tân Hương
43	Công ty TNHH TTG	1200686966	Lô BI-4, khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	88.653.657.871	81	17.730.732	7.367.885	25.098.616			xã Tân Hương
44	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Sơn Âu Việt	0307216418	Lô CII-4, Khu Công Nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	8.393.300.791	0	1.678.660	0	1.678.660			xã Tân Hương
45	Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sản xuất Sơn Âu Việt - Tiền Giang	0307216418-001	Lô CII-4 KCN Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	14.766.788.888	16	2.953.358	1.455.385	4.408.742			xã Tân Hương

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
46	Công ty Cổ phần Điện mặt trời Tiền Giang	1201626889	Lô BII-8, đường D3, KCN Tân Hương, xã Tân Hương, tỉnh Đồng Tháp	49.918.270.912	0	9.983.654	0	9.983.654			xã Tân Hương
47	Công ty TNHH Bao bì Công nghệ Bella Việt Nam	1.201.123.959	Lô BI-2, Khu công nghiệp Tân Hương, Xã Tân Hương, Tỉnh Đồng Tháp	-	129	500.000	11.734.038	12.234.038			xã Tân Hương
48	Công ty TNHH Xăng dầu Lương Phú	1200253352	Ấp Ngãi Thuận, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	4.691.968.012	4	938.394	363.846	1.302.240			xã Châu Thành
49	Doanh nghiệp Tư nhân Đình Vân	1200253401	ấp Cửu Hòa, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	42.368.513.921	10	8.473.703	909.615	9.383.318			xã Châu Thành
50	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Minh Huy	1200357400	Ấp Long Tường, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	159.265.634.561	4	31.853.127	363.846	32.216.973			xã Châu Thành
51	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phú	1200359782	Số 52, ấp Tân Phú, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	739.440.228.961	28	100.000.000	2.546.923	102.546.923			xã Châu Thành

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
52	Công ty TNHH Một thành viên Mười Đạt	1200427873	Số 28/2 Ấp Ga, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	32.582.693.264	1	6.516.539	90.962	6.607.500			xã Châu Thành
53	Công ty TNHH Tân Phú Hòa	1200510641	Ấp Tân Phú, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	25.011.193.467	12	5.002.239	1.091.538	6.093.777			xã Châu Thành
54	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Kiến Hòa	1200525052	Số 333/3 Ấp Long Tường, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	14.416.646.181	10	2.883.329	909.615	3.792.945			xã Châu Thành
55	Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Hữu Lợi	1200365722	Ấp Long Thạnh, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	58.521.979.627	0	11.704.396	0	11.704.396			xã Châu Thành
56	Công ty TNHH Đạt Thành	1200551119	ấp Tân Phú, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	22.079.896.906	7	4.415.979	636.731	5.052.710			xã Châu Thành
57	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ Hoan Vinh	1200578424	Số 108 Quốc lộ 1A, Ấp Tân Phú, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	27.360.240.320	323	5.472.048	29.380.577	34.852.625			xã Châu Thành
58	Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thiên Thuận	1200645889	Ấp Long Thới, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	152.471.469.583	9	30.494.294	818.654	31.312.948			xã Châu Thành

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
59	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lam Bình	1200645568	Số 336/3 Ấp Long Tường, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	34.960.947.651	4	6.992.190	363.846	7.356.036			xã Châu Thành
60	Công ty TNHH Chata Việt Nam	0305539759	Ấp Long Thạnh, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	5.294.079	2	500.000	181.923	681.923			xã Châu Thành
61	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Minh Tường Phát	1200730277	Số 909/5, Ấp Cửu Hòa, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	222.060.858.422	37	44.412.172	3.365.577	47.777.749			xã Châu Thành
62	Công ty Cổ phần Trạm dừng Du lịch Xanh	1200748933	Ấp Long Thạnh, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	31.207.640.693	161	6.241.528	14.644.808	20.886.336			xã Châu Thành
63	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Toyota Tiền Giang	1201522745	Ấp Long Tường, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	391.196.542.816	485	78.239.309	44.116.346	122.355.655			xã Châu Thành

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
64	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ô tô Dũng Phong Tiền Giang	1201615598	539/3 Quốc lộ 1, Ấp Long Tường, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	104.391.418.188	0	20.878.284	0	20.878.284			xã Châu Thành
65	Công ty TNHH Thaco Auto Tiền Giang	1201657894	QL 1964, Quốc lộ 1A, Ấp Long Bình, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	71.165.211.246	359	14.233.042	32.655.192	46.888.235			xã Châu Thành
66	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Cảng cạn Thành Đạt Phát	1201662407	Ấp Cửu Hòa, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	189.000.000.000	0	37.800.000	0	37.800.000			xã Châu Thành
67	Công ty TNHH Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thiên Phúc	1201670207	ấp Long Bình, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	15.000.000.000	0	3.000.000	0	3.000.000			xã Châu Thành
68	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Đầu tư Hưng Phát Land	1201671659	Ấp Ngãi Lợi, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	19.997.000.000	1	3.999.400	90.962	4.090.362			xã Châu Thành

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
69	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông sản và Đầu tư Bất động sản Phát Tài	1201671708	Ấp Thân Đức, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	19.997.000.000	1	3.999.400	90.962	4.090.362			xã Châu Thành
70	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Tây Thịnh Invest	1201675011	Ấp Thân Hòa, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	273.970.266	1	500.000	90.962	590.962			xã Châu Thành
71	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ XNK Thiên Ý	1201682837	ấp Long Bình, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	15.000.000.000	0	3.000.000	0	3.000.000			xã Châu Thành
72	Công ty TNHH Đầu tư Thiện Lộc Phát LP	1201692384	Thửa đất số 4019, tờ bản đồ số 27, ấp Thân Bình, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Châu Thành
73	Chi nhánh Công ty TNHH Diko Vina	0313952208-001	Đường Thân Đức, Khu phố Rẫy, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	2.472.237.116	8	500.000	727.692	1.227.692			xã Châu Thành
74	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thắng Lợi Phú Châu	1200253271	Ấp 4, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp	19.041.432.430	3	3.808.286	272.885	4.081.171			xã Long Hưng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
75	Công ty Cổ phần Lộc Xanh Việt Nam	0312316584	Ấp 1, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp	14.325.725	4	500.000	363.846	863.846			xã Long Hưng
76	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ô tô Quốc Thắng	1201496848	Ấp 1, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp	11.950.022.907	36	2.390.005	3.274.615	5.664.620			xã Long Hưng
77	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Vận tải Thuận Thành Phong	1201538551	Ấp 1, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp	87.682.459.530	0	17.536.492	0	17.536.492			xã Long Hưng
78	Công ty TNHH Ô tô Xe máy Tiền Giang	1201600658	Ấp 4, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp	120.667.204.667	121	24.133.441	11.006.346	35.139.787			xã Long Hưng
79	Công ty CP Phát triển Đô thị Mekong	1201662703	Ấp 1, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp	215.340.874.328	5	43.068.175	454.808	43.522.983			xã Long Hưng
80	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tân Thuận Thành Phong	1201670729	Ấp 1, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp	30.124.523.975	0	6.024.905	0	6.024.905			xã Long Hưng
81	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương	1200437039	Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp	77.167.471.270	13	15.433.494	1.182.500	16.615.994			xã Long Hưng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
82	Công ty TNHH Thương mại Lương thực Thực phẩm Phước Thành	1200798606	Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp	18.474.566.973	19	3.694.913	1.728.269	5.423.183			xã Long Hưng
83	Công ty TNHH Tam Hiệp Land	1201665535	Số 166 Tổ 4, Ấp Long Bình B, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp	29.994.000.000	0	5.998.800	0	5.998.800			xã Long Hưng
84	Công ty TNHH Việt Linh Long An	1201717889	Số 28/5 Ấp 5, xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Long Hưng
85	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu Kim Lộc Phát	1201689871	Thửa đất số 2284 Ấp Trung, xã Long Định, tỉnh Đồng Tháp	4.884.153.906	0	976.831	0	976.831			xã Long Định
86	Công ty Trách nhiệm hữu hạn TMDV Xăng dầu Châu Thành	1200253539	Ấp Hòa, xã Long Định, tỉnh Đồng Tháp	1.111.306.803.061	719	100.000.000	65.401.346	165.401.346			xã Long Định
87	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Minh Trung	1200508593	Ấp Đông, xã Long Định, tỉnh Đồng Tháp	24.928.843.277	7	4.985.769	636.731	5.622.499			xã Long Định

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
88	Công ty Cổ phần Rau quả Tiền Giang	1200100123	Km 1977 Quốc lộ 1A, xã Long Định, tỉnh Đồng Tháp	378.069.855.804	944	75.613.971	85.867.692	161.481.663			xã Long Định
89	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hòa Phát	1201029466	Ấp Tây 1, xã Long Định, tỉnh Đồng Tháp	4.738.261.952	3	947.652	272.885	1.220.537			xã Long Định
90	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Sông Tiền	1201633540	Lộ Dây Thép, Ấp Long Hòa B, xã Long Định, tỉnh Đồng Tháp	72.372.273.729	21	14.474.455	1.910.192	16.384.647			xã Long Định
91	Doanh nghiệp Tư nhân Toàn Đăng	1200727919	Ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh Kim, tỉnh Đồng Tháp	15.674.648.723	4	3.134.930	363.846	3.498.776			xã Vĩnh Kim
92	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lương thực Trường Phát	1201285251	Ấp Phú Hòa, xã Vĩnh Kim, tỉnh Đồng Tháp	27.180.792.753	12	5.436.159	1.091.538	6.527.697			xã Vĩnh Kim
93	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông sản Huy Huyền Đồng Tháp	1201717487	Ấp Phú Hòa, xã Vĩnh Kim, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Vĩnh Kim

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
94	Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Tiền Giang	1200524796-010	Thửa Đất Số: 10, Tờ Bản Đồ Số: 21, Ấp Tân Thuận A, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Kim Sơn
95	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lương thực Nam Thành	1200252341	Số 40 Tổ 2, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	13.949.777.348	15	2.789.955	1.364.423	4.154.379			xã Kim Sơn
96	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khương Hữu	1200105072	ấp Đông Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	45.798.569.813	36	9.159.714	3.274.615	12.434.329			xã Kim Sơn
97	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tấn Dũng	1200469792	Ấp Hội, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	59.411.814.830	54	11.882.363	4.911.923	16.794.286			xã Kim Sơn
98	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên XNK Nông Thủy hải sản Nguyên Trân	1200513096	Số 407/2 Ấp Tân Thuận A, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	51.662.760.342	20	10.332.552	1.819.231	12.151.783			xã Kim Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
99	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thuận Tiến	1200527564	Số 207 ấp Tân Thuận B, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	746.048.594.876	49	100.000.000	4.457.115	104.457.115			xã Kim Sơn
100	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quốc Vương	1200530447	Ấp Tân Thuận B, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	76.053.007.026	0	15.210.601	0	15.210.601			xã Kim Sơn
101	Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Thương mại Ngọc Hà	1200536671	Ấp Hội, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	333.373.849.840	167	66.674.770	15.190.577	81.865.347			xã Kim Sơn
102	Công ty TNHH Xăng dầu Hồng Đức	1200541784	Số 206, Đường tỉnh 864, Ấp Tân Thuận B, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	1.804.095.617.580	203	100.000.000	18.465.192	118.465.192			xã Kim Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
103	Công ty TNHH Nguyễn Quang	1200551486	ấp Tân Thuận, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	35.127.782.853	8	7.025.557	727.692	7.753.249			xã Kim Sơn
104	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Á Châu	1200571203	Ấp Đông Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	133.648.041.069	823	26.729.608	74.861.346	101.590.954			xã Kim Sơn
105	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thiên Phú Phát	1200510955	Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	19.441.697.587	4	3.888.340	363.846	4.252.186			xã Kim Sơn
106	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Kim Sơn	1200602388	Ấp Hội, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	13.807.351.875	2	2.761.470	181.923	2.943.393			xã Kim Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
107	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đại Thành	1200631935	Ấp Đông Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	2.177.560.065.056	1.273	100.000.000	115.794.038	215.794.038			xã Kim Sơn
108	Công ty Cổ phần Nhà máy Nước Đồng Tâm	1200648505	Ấp Tân Thuận, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	526.999.052.976	66	100.000.000	6.003.462	106.003.462			xã Kim Sơn
109	Công ty TNHH Một thành viên Vĩnh Thuận	1200649033	Số 205 Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	25.291.606.208	44	5.058.321	4.002.308	9.060.629			xã Kim Sơn
110	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiên Phát	1200653343	Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	150.805.563.537	68	30.161.113	6.185.385	36.346.497			xã Kim Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
111	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Thương mại Tân Bình An	1200658486	Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	102.856.811.746	1	20.571.362	90.962	20.662.324			xã Kim Sơn
112	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hữu Biên	1200657958	Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	307.594.012.538	211	61.518.803	19.192.885	80.711.687			xã Kim Sơn
113	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	1200667963	Ấp Đông Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	2.721.608.703.983	4.866	100.000.000	442.618.846	542.618.846			xã Kim Sơn
114	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thủy sản Thiên Hà	1200665412	Lô B21, Ấp Tân Thuận, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	38.300.000	2	500.000	181.923	681.923			xã Kim Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
115	Công ty Cổ phần Thủy sản Ngọc Xuân	1200670740	Ấp Đông Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	94.953.005.504	36	18.990.601	3.274.615	22.265.216			xã Kim Sơn
116	Công ty TNHH Gạch Ngọc Qui	1200671085	Số 179A ấp Tân Thuận B, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	27.070.599.806	12	5.414.120	1.091.538	6.505.658			xã Kim Sơn
117	Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Tiền	1200459057	Ấp Tân Thuận B, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	85.141.037.548	56	17.028.208	5.093.846	22.122.054			xã Kim Sơn
118	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đại Hưng	1200731545	Ấp Tân Thuận, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	163.913.864.997	45	32.782.773	4.093.269	36.876.042			xã Kim Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
119	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phước Đạt	1200739216	Ấp Tân Thuận, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	84.183.545.085	11	16.836.709	1.000.577	17.837.286			xã Kim Sơn
120	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thủy sản Đại Đại Thành	1201079435	Ấp Đông Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	237.006.153.030	629	47.401.231	57.214.808	104.616.038			xã Kim Sơn
121	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thắng Thắng Phát	0312824612	Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	129.598.060.067	1	25.919.612	90.962	26.010.574			xã Kim Sơn
122	Công ty TNHH SX TM DV Cát Tiên Dung	1201483775	Ấp Tây, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	10.445.257.354	59	2.089.051	5.366.731	7.455.782			xã Kim Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
123	Công ty TNHH Fanta 4	0313147025	Ấp Tân Thuận, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	53.011.835.675	0	10.602.367	0	10.602.367			xã Kim Sơn
124	Công ty Cổ phần Nông Thủy sản Phương Mỹ	1201542861	Ấp Tân Thuận B, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	39.433.612.434	33	7.886.722	3.001.731	10.888.453			xã Kim Sơn
125	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Cát Tường Tiền Giang	1201582582	Ấp Tây, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	112.233.429.581	129	22.446.686	11.734.038	34.180.724			xã Kim Sơn
126	Công ty Cổ phần Đăng kiểm Xe cơ giới 63-03D	1201604268	Ấp Đông Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	6.699.237.443	0	1.339.847	0	1.339.847			xã Kim Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
127	Công ty TNHH Nước thô DNP - Sông Tiền	1201660914	Ấp Tân Thuận, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	327.005.473.832	8	65.401.095	727.692	66.128.787			xã Kim Sơn
128	Công ty Cổ phần Thực phẩm Vĩnh Kim	1201662365	235, Tổ 9, Ấp Tân Thuận B, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	259.944.323.492	602	51.988.865	54.758.846	106.747.711			xã Kim Sơn
129	Công ty TNHH Xăng dầu Kim Sơn	1201683340	Ấp Đông, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	100.000.000	2	500.000	181.923	681.923			xã Kim Sơn
130	Công ty TNHH Dương Đông - Tiền Giang	1201691133	Tờ bản đồ số 01, Ấp Tây, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Kim Sơn

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
131	Công ty TNHH Xây dựng Châu Tú Phát	1201696170	Ấp Tây, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Kim Sơn
132	Công ty Cổ phần Thực phẩm Febi	1201711622	Ấp Tây, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Kim Sơn
133	Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên 622 - Cơ sở Xi măng Đồng Tâm	1800155156-010	Ấp Tân Thuận B, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp	-	23	500.000	2.092.115	2.592.115			xã Kim Sơn
134	Doanh nghiệp Tư nhân Cửu Long	1200252302	Ấp Hưng, xã Bình Trưng, tỉnh Đồng Tháp	8.251.533.667	28	1.650.307	2.546.923	4.197.230			xã Bình Trưng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
135	Công ty TNHH Hữu Tiến	1201070665	Ấp Bắc B, xã Bình Trưng, tỉnh Đồng Tháp	4.643.188.671	4	928.638	363.846	1.292.484			xã Bình Trưng
136	Doanh nghiệp Tư nhân Trần Minh Cẩm	1201401116	Ấp Hưng, xã Bình Trưng, tỉnh Đồng Tháp	10.494.393.093	19	2.098.879	1.728.269	3.827.148			xã Bình Trưng
137	Tổ chức Tài chính vi mô Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo	0305140259-026	ấp Bình Thới A, Xã Bình Trưng, Tỉnh Đồng Tháp,	-	524	500.000	47.663.846	48.163.846			xã Bình Trưng
138	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Glovis	1201625483	Đường Võ Tánh , Ấp 4, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp	38.079.774.778	35	7.615.955	2.490.385	10.106.340			xã Vĩnh Bình

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
139	Công ty TNHH Thạnh Nhựt	1200335090	Ấp Bình Tây, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp	5.293.715.314	2	1.058.743	142.308	1.201.051			xã Vĩnh Bình
140	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Quan Phát	1200484712	Số 22 Thiện Chí, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp	24.448.559.329	17	4.889.712	1.209.615	6.099.327			xã Vĩnh Bình
141	Công ty Cổ phần Phú Hưng Minh	1201054857	Quốc lộ 50, Khu phố 5, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp	10.902.236.900	344	2.180.447	24.476.923	26.657.370			xã Vĩnh Bình
142	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Phát Thành Tiền Giang	1201432361	Đường Nguyễn Văn Côn, Ấp 5, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp	243.060.546.998	384	48.612.109	27.323.077	75.935.186			xã Vĩnh Bình

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
143	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Hằng Sao Sáng tại Tiền Giang	0302914426-002	Ấp Thạnh Yên, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp	6.300.998.106	1	1.260.200	71.154	1.331.353			xã Vĩnh Bình
144	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Glovis	1201555236	Đường Nguyễn Thìn, Ấp 6, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp	15.224.058.374	1	3.044.812	71.154	3.115.966			xã Vĩnh Bình
145	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Pacific	1201678453	Quốc Lộ 50,Ấp Bình Tây, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp	36.053.956.479	1	7.210.791	71.154	7.281.945			xã Vĩnh Bình
146	Công ty TNHH Hạt Anh Em	1201695498	Ấp Thạnh Hưng, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Vĩnh Bình

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
24	Công ty TNHH Topknit Group - Chi nhánh Gò Công	1201685997-001	Ấp Bình Tây, Xã Vĩnh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	-	0	500.000	0	500.000		Thành lập mới, chưa nộp tờ khai QT	xã Vĩnh Bình
147	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Phước Hùng	1200674495	Ấp Thạnh Thới, xã Đồng Sơn, tỉnh Đồng Tháp	68.447.892.909	154	13.689.579	10.957.692	24.647.271			xã Đồng Sơn
148	Công ty TNHH Giang Ngọc Việt Nam	1201531605	Đường huyện 18, Ấp Bình Hòa Đông, xã Đồng Sơn, tỉnh Đồng Tháp	53.711.338.050	143	10.742.268	10.175.000	20.917.268			xã Đồng Sơn
149	Công ty CP SX - TM - DV Phi Các	1201623091	Đường Huyện 15, Ấp Long Bình, xã Phú Thành, tỉnh Đồng Tháp	18.502.986.779	5	3.700.597	355.769	4.056.367			xã Phú Thành

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
150	Công ty TNHH Thuận Hưng TG	1201660142	Ấp Long Bình, xã Phú Thành, tỉnh Đồng Tháp	19.891.883.793	0	3.978.377	0	3.978.377			xã Phú Thành
151	Công ty TNHH Đóng tàu Sông Tiền	1201700444	Ấp Thọ Khương, xã Phú Thành, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Phú Thành
152	Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Quốc Cường Thịnh	1201715200	Ấp Thạnh Lợi, xã Long Bình, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Long Bình
153	Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Dừa Minh Long	1201719685	Thửa đất số 135,Ấp Hòa Phú, xã Long Bình, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Long Bình

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
154	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phát triển Công nghiệp Khu vực Gò Công	1201687779	Ấp Thạnh Thới, xã Vĩnh Hựu, tỉnh Đồng Tháp	30.464.653.884	1	6.092.931	71.154	6.164.085			xã Vĩnh Hựu
Tổng cộng								**11.805.693.286**			

PHỤ LỤC 2.3
DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026
KHU VỰC 3: (phường Gò Công, phường Long Thuận, phường Sơn Qui, phường Bình Xuân, xã Gò Công Đông, xã Tân Điền, xã Tân Đông, xã Tân Hoà, xã Gia Thuận, xã Tân Phú Đông, xã Tân Thới)
(Kèm theo Kế hoạch số 1061/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
1	Công ty TNHH Shilla Glovis Việt Nam	1201560444	Khu phố Chợ Mới, phường Gò Công, tỉnh Đồng Tháp	450.913.694.340	3.572	90.182.739	284.386.154	374.568.893			phường Gò Công
2	Công ty TNHH XD Bất động sản Kim Long	1201652423	Số 48, Đường Thủ Khoa Huân, Khu phố 3, phường Gò Công, tỉnh Đồng Tháp	20.047.454.983	13	4.009.491	1.035.000	5.044.491			phường Gò Công
3	Hợp tác xã Bình Minh	1200189410	Khu phố Việt Hùng, phường Gò Công, tỉnh Đồng Tháp	7.648.464.460	57	1.529.693	4.538.077	6.067.770			phường Gò Công
4	Công ty TNHH LMG Vina	1201693395	Khu phố Chợ Mới, Phường Gò Công, Tỉnh Đồng Tháp	-	0	-	0	-		Thành lập mới, chưa nộp tờ khai QT TNCN	phường Gò Công
5	Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh - Co.opmart Gò Công	0301175691-027	Đường Trần Công Tường, Khu phố 2, Phường Gò Công, Tỉnh Đồng Tháp	-	103	500.000	8.200.385	8.700.385			phường Gò Công

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
6	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thành Công	1200359944	Số 4/4 Mạc Văn Thành, Khu phố 6, phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp	18.187.905.101	18	3.637.581	1.433.077	5.070.658			phường Long Thuận
7	Công ty Cổ phần May Công Tiến	1200541819	Số 27 Mạc Văn Thành, Khu phố 6, phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp	170.554.511.681	2.061	34.110.902	164.087.308	198.198.210			phường Long Thuận
8	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Văn Hải	1200598879	138 Trương Định, Khu Phố 3, phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp	264.455.890.172	140	52.891.178	11.146.154	64.037.332			phường Long Thuận
9	Công ty TNHH Một thành viên Đồng phục Thể thao Huy Hoàng	1201452199	Số 32 Đường Xóm Rạch, Khu phố Thuận An, phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp	55.739.310.633	459	11.147.862	36.543.462	47.691.324			phường Long Thuận
10	Công ty TNHH Bệnh viện Medic Tâm An	1201640259	Thửa đất số 252, Tờ bản đồ số 05, Khu phố 2, phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp	15.436.613.627	32	3.087.323	2.547.692	5.635.015			phường Long Thuận
11	Công ty TNHH Trang trí Nội thất Anh Thư TG	1201657573	Số 25 Nguyễn Huệ, Khu phố 1, phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp	42.028.309.327	81	8.405.662	6.448.846	14.854.508			phường Long Thuận
12	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng - Thương mại Trương Hoàng Phúc	1200527116	Số 78, Đường Hồ Biểu Chánh, Khu phố Lăng Hoàng Gia, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp	257.631.837.669	78	51.526.368	6.210.000	57.736.368			phường Sơn Qui

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
13	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng - Thương mại Vinh Quang	1200701886	Số 16B Quốc lộ 50, Khu phố Hưng Thạnh, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp	137.006.326.583	428	27.401.265	34.075.385	61.476.650			phường Sơn Qui
14	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vihatech	0310559292	Ấp Năm Châu, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp	7.005.778.748	18	1.401.156	1.433.077	2.834.233			phường Sơn Qui
15	Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Văn Gia Phát	1201108340	Số 206 đường Mạc Văn Thành, Khu phố Hưng Phú, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp	8.053.529.808	5	1.610.706	398.077	2.008.783			phường Sơn Qui
16	Công ty TNHH Đầu tư Cầu Mỹ Lợi	1201465247	Số 2075 Ấp Hồng Rạng, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp	825.367.397.004	43	100.000.000	3.423.462	103.423.462			phường Sơn Qui
17	Công ty TNHH May Việt Long Hưng	1201538537	Khu phố Hưng Thạnh, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp	261.024.176.382	3.142	52.204.835	250.151.538	302.356.374			phường Sơn Qui
18	Công ty TNHH Bất động sản Lê Hoàng Thanh	1201633533	138 Đường Từ Dũ, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp	20.000.000.000	0	4.000.000	0	4.000.000			phường Sơn Qui
19	Công ty TNHH New Shoes Tiền Giang	1201618077	Đường tỉnh 871B, Khu phố Mỹ Xuân, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp	164.488.074.316	1.475	32.897.615	117.432.692	150.330.307			phường Sơn Qui
20	Công ty TNHH TM DV XNK Trường Thành	1201659002	Tổ 6, Khu phố Hưng Thạnh, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp	3.460.567.954	1	692.114	79.615	771.729			phường Sơn Qui
21	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Bình Đông	1201660086	Ấp Lạc Hòa, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp	178.954.920.783	0	35.790.984	0	35.790.984			phường Sơn Qui

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
22	Công ty Cổ phần SIGP	1201664330	Khu phố Hưng Thạnh, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp	38.209.363.127	175	7.641.873	13.932.692	21.574.565			phường Sơn Qui
23	Công ty TNHH Khu công nghiệp Gò Công Tiền Giang	1201666024	Số 49, Đường Nguyễn Trãi, Khu phố Lăng Hoàng gia, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp	370.119.857.188	8	74.023.971	636.923	74.660.895			phường Sơn Qui
24	Công ty TNHH Một thành viên May mặc Thiên Quang	1201475421	Số 49 Tỉnh Lộ 871, Tổ 2, Ấp Gò Lức, xã Tân Đông, tỉnh Đồng Tháp	113.063.359.534	153	22.612.672	10.886.538	33.499.210			xã Tân Đông
25	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Phú Đạt	1200673290	Ấp Bà Lãnh, xã Tân Đông, tỉnh Đồng Tháp	141.604.671.848	367	28.320.934	26.113.462	54.434.396			xã Tân Đông
26	Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Nam Sài Gòn	1101294541	Số 406, Ấp 6, xã Tân Đông, tỉnh Đồng Tháp	5.946.277.850	0	1.189.256	0	1.189.256			xã Tân Đông
27	Công ty TNHH TM - DV Hưng Vũ	1201713718	Ấp Tân Phước 5, xã Tân Đông, tỉnh Đồng Tháp	0	0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp BCTC	xã Tân Đông
28	Công ty TNHH Một thành viên Nichirei Suco Việt Nam	1201437426	Ấp Hòa Bình, xã Tân Hòa, tỉnh Đồng Tháp	228.390.004.618	69	45.678.001	4.909.615	50.587.616			xã Tân Hoà
29	Công ty TNHH Global Running	1201624634	Lô 05,06A ,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25,26 - Cụm Công n, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	1.538.800.041.239	6.851	100.000.000	487.475.000	587.475.000			xã Gia Thuận
30	Công ty TNHH D.K Garment	1201627184	Ấp Bồ Đề, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	11.863.592.579	362	2.372.719	25.757.692	28.130.411			xã Gia Thuận

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
31	Công ty TNHH Sun Print - Silicone Việt Nam	1201660255	Lô 30 Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	34.895.955.006	450	6.979.191	32.019.231	38.998.422			xã Gia Thuận
32	Doanh nghiệp Tư nhân Nam Tuyền	1200498218	Ấp Đôi Ma 2, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	11.119.698.431	30	2.223.940	2.134.615	4.358.555			xã Gia Thuận
33	Công ty Cổ phần Kho cảng Ngoại quan và Thương mại Dầu khí Nam Sông Hậu Gò Công	1200922998	Ấp Đôi Ma, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	640.178.464.351	29	100.000.000	2.063.462	102.063.462			xã Gia Thuận
34	Công ty TNHH Thủy sản Minh Thắng	1201049416	Số 487, Ấp Đôi Ma 2, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	73.194.908.756	71	14.638.982	5.051.923	19.690.905			xã Gia Thuận
35	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Ngọc Long	1201576116	Ấp Xóm Rẫy, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	16.117.713.675	0	3.223.543	0	3.223.543			xã Gia Thuận
36	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Gocobay Tiền Giang	1201678157	Thửa đất số 112 Tổ 58 Ấp Xóm Rẫy, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	120.300.813.137	4	24.060.163	284.615	24.344.778			xã Gia Thuận
37	Công ty TNHH Europets	1201688797	Thửa đất số 2133, Tờ bản đồ số 3, Ấp 3, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	49.978.964.518	0	9.995.793	0	9.995.793			xã Gia Thuận
38	Công ty TNHH Hưng Thịnh Thành HTT	1201690179	0673 Tổ 10, KP1, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	1.000.000	0	500.000	0	500.000			xã Gia Thuận

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
39	Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	3501595378	Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	1.710.984.307.244	255	100.000.000	18.144.231	118.144.231			xã Gia Thuận
40	Công ty TNHH Một thành viên Ticco Gò Công	1201640114	Lô C9, C10 cụm công nghiệp Gia Thuận 2, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	38.209.162.259	0	7.641.832	0	7.641.832			xã Gia Thuận
41	Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Chương TPĐ	1201678372	Ấp Lý Quàn 2, xã Tân Phú Đông, tỉnh Đồng Tháp	2.000.000.000	1	500.000	71.154	571.154			xã Tân Phú Đông
42	Công ty TNHH Bất động sản Lý Tuyết Vân	1201656717	Tổ 01, ấp Gảnh, xã Tân Phú Đông, tỉnh Đồng Tháp	15.040.400.529	0	3.008.080	0	3.008.080			xã Tân Phú Đông
Tổng cộng								**2.634.689.576**			

PHỤ LỤC 2.4

DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026

KHU VỰC 4: (Phường Mỹ Phước Tây, phường Thanh Hoà, phường Cai Lậy, phường Nhị Quý, xã Tân Phú, xã Bình Phú, xã Hiệp Đức, xã Ngũ Hiệp, xã Long Tiên, xã Mỹ Thành, xã Thạnh Phú, xã Tân Phước 1, xã Tân Phước 2, xã Tân Phước 3, xã Hưng Thạnh, xã Thanh Hưng, xã An Hữu, xã Mỹ Lợi, xã Mỹ Đức Tây, xã Mỹ Thiện, xã Hậu Mỹ, xã Hội Cư, xã Cái Bè)

(Kèm theo Kế hoạch số 1061/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
1	Công ty TNHH Lida Eastern Việt Nam	1201680519	Ấp Long Phước, phường Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp	30.502.468.391	340	6.100.494	27.069.231	33.169.724			phường Mỹ Phước Tây
2	Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh - Co.opmart Cai	0301175691-039	Số 79 Đường 30/4, Khu phố 2, Phường Mỹ Phước Tây, Tỉnh Đồng Tháp	-	102	500.000	8.120.769	8.620.769			phường Mỹ Phước Tây
3	Chi nhánh Công ty TNHH YMUV	1201485042-001	Khu phố 2, Phường Thanh Hòa, Tỉnh Đồng Tháp,	-	1.000	500.000	79.615.385	80.115.385			phường Thanh Hoà
4	Công ty TNHH May mặc Eco Tank	1201480950	Ấp Quý Trinh, phường Nhị Quý, tỉnh Đồng Tháp	39.322.837.748	1.485	7.864.568	118.228.846	126.093.414			phường Nhị Quý
5	Công ty TNHH Bodynits Tiền Giang	1201594683	Ấp 6, xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp	209.119.439.761	2.909	41.823.888	206.986.538	248.810.426			xã Bình Phú
6	Công ty Cổ phần May TG	1201671602	Ấp Bình Quới, xã Bình Phú, tỉnh Đồng	1.206.434.450.418	392	100.000.000	27.892.308	127.892.308			xã Bình Phú
7	Chi nhánh 4 - Công ty TNHH Trái cây 001	1201663016-004	Ấp Hội Trí, Xã Hiệp Đức, Tỉnh Đồng Tháp,	-	0	500.000	0	500.000			xã Hiệp Đức
8	Công ty TNHH Dệt len Eco	1201496855	Ấp Phú Hòa, xã Mỹ Thành, tỉnh Đồng	104.394.693.125	1.629	20.878.939	115.909.615	136.788.554			xã Mỹ Thành
9	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Bình An Thịnh	1201622475	Tỉnh lộ 865, Khu phố 5, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp	34.283.526.648	1	6.856.705	79.615	6.936.321			xã Tân Phước 1

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
10	Công ty TNHH Chế biến Nông sản Mr Bean	1201466924	Khu phố 3, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp	75.567.065.341	1	15.113.413	79.615	15.193.028			xã Tân Phước 1
11	Công ty Cổ phần Ninathai	1201614026	Ấp 4, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp	86.005.497.108	6	17.201.099	477.692	17.678.792			xã Tân Phước 1
12	Công ty TNHH Sản xuất Nông nghiệp Champasak	1201699164	Ấp Mỹ Lộc, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Tân Phước 1
13	Công ty TNHH Jia Hua Tiền Giang	1201681015	Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 29, khu 1, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp	54.529.281.408	172	5.452.928	13.693.846	19.146.774	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 1
14	Công ty Cổ phần Đại Trường Phú	1201655008	Ấp 4, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp	76.569.577.722	188	15.313.916	14.967.692	30.281.608			xã Tân Phước 2
15	Công ty Cổ phần Hạ tầng Tân Phước	1201671433	Ấp Tân Hưng Phú, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp	20.517.764.984	1	4.103.553	79.615	4.183.168			xã Tân Phước 2
16	Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Nông nghiệp Hiệp Thành	1201692899	Ấp 4, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Tân Phước 2
17	Công ty TNHH Công nghiệp Minh Hưng	1201044062	Ấp Kinh 2A, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	1.146.838.440.272	1.789	100.000.000	142.431.923	242.431.923			xã Tân Phước 3
18	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Minh Hưng Tiền Giang	1200748517	Ấp Kinh 2A, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	1.251.875.794.921	863	100.000.000	68.708.077	168.708.077			xã Tân Phước 3
19	Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm Tiền	1200635922	Ấp 5, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	62.054.270.101	0	12.410.854	0	12.410.854			xã Tân Phước 3

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
20	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thông quan Toàn Cầu	1201476873	Tổ 1, Ấp 5, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	23.983.592.537	41	4.796.719	3.264.231	8.060.949			xã Tân Phước 3
21	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xây dựng Đại Phước Thành	1201528754	Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	62.133.855.901	40	12.426.771	3.184.615	15.611.387			xã Tân Phước 3
22	Công ty TNHH MTV May Lotus	1201591837	Ấp Mỹ Lợi, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	40.046.937.838	138	8.009.388	10.986.923	18.996.311			xã Tân Phước 3
23	Công ty TNHH MTV Chính xác Hồng Vận	1201602119	Thửa đất số 68, Tờ bản đồ số ADB3, Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	9.663.094.604	5	1.932.619	398.077	2.330.696			xã Tân Phước 3
24	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Hải	1201632025	Ấp Mỹ Lợi, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	2.603.261.267	1	520.652	79.615	600.268			xã Tân Phước 3
25	Công ty TNHH Công nghiệp Ống thép GL	0316635447	Ấp Tân Bình, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	4.315.344.061	0	863.069	0	863.069			xã Tân Phước 3
26	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Xây dựng Nghĩa Thành	1201643348	Ấp 5, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	52.734.542.041	0	10.546.908	0	10.546.908			xã Tân Phước 3
27	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Đại Phước Thành	1201717046	Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Tân Phước 3
28	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cơ khí Công trình Ticco	1201534099	Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	10.867.957.511	12	2.173.592	955.385	3.128.976			xã Tân Phước 3

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
29	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Bê tông Ticco Tân Phước	1201602574	Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	594.593.202.026	257	100.000.000	20.461.154	120.461.154			xã Tân Phước 3
30	Công ty TNHH Một thành viên Genuwin D&C Tiền Giang	1200724788	.., xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	18.678.798.755	2	3.735.760	159.231	3.894.991			xã Tân Phước 3
31	Công ty TNHH Bao bì Jiang Nan Việt Nam	1201065351	Lô 60A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	77.127.307.712	31	15.425.462	2.468.077	17.893.538			xã Tân Phước 3
32	Công ty TNHH Ebisuya Việt Nam	1201436221	Lô 62A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	231.958.587.660	387	46.391.718	30.811.154	77.202.871			xã Tân Phước 3
33	Công ty TNHH Thực nghiệp Dệt Kang Na Việt Nam	1201450988	Lô 62B, 63, 65, 66, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng	1.446.794.081.504	862	100.000.000	68.628.462	168.628.462			xã Tân Phước 3
34	Công ty TNHH Giày Apache Việt Nam	1201484151	Lô số 71A, 72A, 78A, 79, 102, 103A, 127B, 128A, 128B, 128C (, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	3.783.778.647.663	11.985	100.000.000	954.190.385	1.054.190.385			xã Tân Phước 3
35	Công ty TNHH Công nghiệp Chính xác JL	1201486286	Lô 56A-56B, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	103.476.700.477	54	20.695.340	4.299.231	24.994.571			xã Tân Phước 3
36	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Leow Việt Nam	1201505997	Lô số 23A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	192.086.706.700	145	38.417.341	11.544.231	49.961.572			xã Tân Phước 3

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
37	Công ty TNHH Công nghiệp Yegin Vina	1201506454	Lô số 36A, 37A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	393.323.390.368	1.051	78.664.678	83.675.769	162.340.447			xã Tân Phước 3
38	Công ty TNHH Delta Tiền Giang	1201519559	Lô số 69B và 70A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng	115.710.890.352	139	23.142.178	11.066.538	34.208.717			xã Tân Phước 3
39	Công ty TNHH Nhôm Vĩnh Hưng Việt Nam	1201525552	Lô 129, 130, 131A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng	1.665.564.446.950	1.050	100.000.000	83.596.154	183.596.154			xã Tân Phước 3
40	Công ty TNHH Knitpassion	1201527359	Lô 95, 100, 101 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	487.255.731.987	149	97.451.146	11.862.692	109.313.839			xã Tân Phước 3
41	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vật liệu Công nghệ Kỹ thuật Kình Thiên Việt Nam	1201529067	Lô 127A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	244.791.163.604	15	48.958.233	1.194.231	50.152.463			xã Tân Phước 3
42	Công ty TNHH Công nghệ Sinomag Việt Nam	1201541466	Lô 131A2, 131B1 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng	777.673.207.966	530	100.000.000	42.196.154	142.196.154			xã Tân Phước 3
43	Công ty TNHH Sợi thép Tinh phẩm Teng Yuan Việt Nam	1201566580	Lô 131 B2, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	476.966.203.302	148	95.393.241	11.783.077	107.176.318			xã Tân Phước 3
44	Công ty TNHH May mặc Thời trang Renaissance	1201574133	Lô 97A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	253.455.643.253	544	50.691.129	43.310.769	94.001.898			xã Tân Phước 3

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
45	Công ty TNHH Want Want Vietnam	1201588425	Lô 23B, 25A, 29A, 30 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng	1.429.156.103.202	1.136	100.000.000	90.443.077	190.443.077			xã Tân Phước 3
46	Công ty TNHH Flexispot Smart Home Việt Nam	1201641929	Lô 80, 81 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	617.425.806.778	206	100.000.000	16.400.769	116.400.769			xã Tân Phước 3
47	Công ty TNHH Công nghệ Điện tử Gaokerun Việt	1201662559	Lô 61C1, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	119.874.476.005	197	23.974.895	15.684.231	39.659.126			xã Tân Phước 3
48	Công ty TNHH Sản phẩm Kim loại United Brothers	1201666578	Lô 61C2, 99A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	195.624.425.392	231	39.124.885	18.391.154	57.516.039			xã Tân Phước 3
49	Công ty TNHH Nhôm Á Châu Việt Nam	1201676255	Lô 136B, 136C Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	118.102.406.067	0	23.620.481	0	23.620.481			xã Tân Phước 3
50	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Green One	1201681618	Lô 103A2 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	82.078.098.864	4	16.415.620	318.462	16.734.081			xã Tân Phước 3
51	Công ty TNHH Phụ kiện Ống thép Vintech Việt Nam	1201681784	Lô 98 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	275.424.262.546	51	55.084.853	4.060.385	59.145.237			xã Tân Phước 3
52	Công ty TNHH Topknit Group	1201685997	Lô 100, 101, KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	159.403.618.015	1.263	31.880.724	100.554.231	132.434.954			xã Tân Phước 3
53	Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Long Giang	1200672762	Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	4.636.716.964.582	99	50.000.000	7.881.923	57.881.923	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
54	Công ty TNHH Gia công Đồng Hải Lượng Việt Nam	1200726136	Lô 67, 68, 69a, 73, 75, 76a Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	13.434.057.200.604	1.135	50.000.000	90.363.462	140.363.462	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
55	Công ty TNHH Dầu ăn Honoroad VN	1201041135	Lô 26A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	236.197.354.293	23	23.619.735	1.831.154	25.450.889	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
56	Công ty TNHH Điện cơ Fang Zheng Việt Nam	1201065344	Lô 60B, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	500.119.181.523	609	50.000.000	48.485.769	98.485.769	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
57	Công ty TNHH Hàng thủ công Xin Dong Ya Việt Nam	1201123941	Lô 61A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	330.798.002.508	44	33.079.800	3.503.077	36.582.877	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
58	Công ty TNHH Nissei Electric Mytho	1201142158	Lô số 55, 55B Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	1.093.595.177.196	2.151	50.000.000	171.252.692	221.252.692	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
59	Công ty TNHH Dầu ăn Uni-Bran	1201143024	Lô số 27A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	214.448.897.720	75	21.444.890	5.971.154	27.416.044	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
60	Công ty TNHH Thép không gỉ Quảng Thượng Việt Nam	1201462743	Lô 131C1, 131D Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	1.316.201.015.059	634	50.000.000	50.476.154	100.476.154	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
61	Công ty TNHH Nguyên liệu mới Sanqi Việt Nam	1201469989	Lô 118A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	141.150.843.692	112	14.115.084	8.916.923	23.032.007	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
62	Công ty TNHH Bao bì Yongfeng Việt Nam	1201482193	Lô số 93A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	418.635.365.927	661	41.863.537	52.625.769	94.489.306	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
63	Công ty TNHH Nhựa Kaida Việt Nam	1201482468	Lô số 61B, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	277.554.989.855	308	27.755.499	24.521.538	52.277.037	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
64	Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Hua Chang Vina	1201509053	Lô số 76B, 77A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	611.113.326.124	449	50.000.000	35.747.308	85.747.308	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
65	Công ty TNHH Công thái học Loctek Việt Nam	1201511334	Lô 56C, 57, 58B Khu Công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	2.091.936.258.393	1.402	50.000.000	111.620.769	161.620.769	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
66	Công ty TNHH Tongwei Tiền Giang	1201525697	Lô 31, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	271.652.896.994	143	27.165.290	11.385.000	38.550.290	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
67	Công ty TNHH Công nghiệp Bellinturf Việt Nam	1201538248	Lô số 111A, 112A, 113A, 113B, 115A, 115B, 116A, 116B, 117A,, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	8.058.283.107.790	3.791	50.000.000	301.821.923	351.821.923	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
68	Công ty TNHH Sợi Mekong	1201545220	Lô 96A, 96B, 97B Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng	561.702.581.369	474	50.000.000	37.737.692	87.737.692	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
69	Công ty TNHH Công nghiệp Đồng Jintian Việt Nam	1201546947	Lô 110A1, 110B, 110C, 110D Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	5.169.059.167.943	662	50.000.000	52.705.385	102.705.385	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
70	Công ty TNHH Thực phẩm Balala Việt Nam	1201548655	Lô 27B, 27C, 27D, 28B1, 28B Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	608.279.460.651	766	50.000.000	60.985.385	110.985.385	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
71	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp SHC	1201571397	Lô 71B1, 71B2 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	215.759.062.215	245	21.575.906	19.505.769	41.081.675	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
72	Công ty TNHH Phụ kiện Ống thép Hai Tian (Việt Nam)	1201574140	Lô 61C Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	167.646.333.969	216	16.764.633	17.196.923	33.961.556	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
73	Công ty TNHH Cơ khí Chính xác Win-Viet	1201588168	Lô 131B3 - 131C2 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng	338.955.429.428	528	33.895.543	42.036.923	75.932.466	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
74	Công ty TNHH Sản phẩm Thể thao Giải trí Bestway Việt Nam	1201598254	Lô 52 Khu Công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	3.054.844.126.713	5.465	50.000.000	435.098.077	485.098.077	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
75	Công ty TNHH Lốp Advance Việt Nam	1201601651	Lô 105-109D, 110A2, 111B-113B Khu Công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng	11.223.387.152.783	1.727	50.000.000	137.495.769	187.495.769	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
76	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Kim loại Yongjin Việt Nam	1201604042	Lô 132A,133A, 135, 136A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	6.742.607.248.204	413	50.000.000	32.881.154	82.881.154	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
77	Công ty TNHH Công nghệ Điện cơ Fang De Việt Nam	1201620848	Lô 59B Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	427.243.578.908	222	42.724.358	17.674.615	60.398.973	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
78	Công ty TNHH Công nghiệp Đồng Jinhong Việt Nam	1201626688	Lô 58A, 59A, 59D Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng	1.223.163.116.949	560	50.000.000	44.584.615	94.584.615	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
79	Công ty TNHH Sản phẩm Thể thao Giải trí Goleader Việt Nam	1201660431	Lô 39A, 50B, 38B, 39B, 132B, 138 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	1.258.229.394.270	1.363	50.000.000	108.515.769	158.515.769	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
80	Công ty TNHH Sản xuất Điện cơ Kaicheng Việt Nam	1201665599	Lô 59C Khu Công nghiệp Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	96.937.654.436	176	9.693.765	14.012.308	23.706.073	Giảm 50%	Có ưu đãi thuế TNDN 2024	xã Tân Phước 3
81	Công ty Cổ phần Bệnh viện Sài Gòn Cửu Long	1201678781	Lô 53 KCN Long Giang, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	8.242.781.580	0	1.648.556	0	1.648.556			xã Tân Phước 3
82	Công ty TNHH Sunjin Vina - Chi nhánh Tiền Giang	3600665280-008	Lô 82, Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Phước 3, Tỉnh Đồng Tháp,	-	103	500.000	8.200.385	8.700.385			xã Tân Phước 3
83	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Tuấn Vinh	1201658055	Ấp Hưng Điền, xã Hưng Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	19.182.078.183	345	3.836.416	27.467.308	31.303.723			xã Hưng Thạnh
84	Công ty TNHH Kỹ thuật Dệt may Xinpei	1201717310	Ấp Hưng Điền, xã Hưng Thạnh, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Hưng Thạnh
85	Công ty TNHH Một thành viên Trạm Xăng dầu Lữ đoàn 29	1200526271	Quốc lộ 1A, Ấp 2, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp	1.246.716.536	0	500.000	0	500.000			xã Thanh Hưng
86	Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Dịch vụ Bảo	1201531965	Tổ 11, Ấp 4, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp	7.885.888.483	0	1.577.178	0	1.577.178			xã Thanh Hưng
87	Công ty TNHH Trái cây 001	1201663016	Ấp 3, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng	1.182.532.014.426	23	100.000.000	1.636.538	101.636.538			xã Thanh Hưng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
88	Công ty TNHH Chế biến Xuất nhập khẩu Trái cây Tài Thủy	1201665101	Số 1024 Tổ 32, Ấp 2, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp	39.000.000.000	0	7.800.000	0	7.800.000			xã Thanh Hưng
89	Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Tinh Việt	1201676209	Ấp 1, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp	19.992.754.259	0	3.998.551	0	3.998.551			xã Thanh Hưng
90	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông sản Gia Khang	1201676350	Ấp 1, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp	16.899.325.099	0	3.379.865	0	3.379.865			xã Thanh Hưng
91	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu Việt Thanh	1201683012	Ấp 2, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp	100.004.188.406	1	20.000.838	71.154	20.071.992			xã Thanh Hưng
92	Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Tân Thanh	1201689550	Ấp 1, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp	14.994.066.092	0	2.998.813	0	2.998.813			xã Thanh Hưng
93	Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp 368 - Chi	2901639476-002	Ấp 4, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp	12.922.177.569	0	2.584.436	0	2.584.436			xã Thanh Hưng
94	Công ty TNHH Trái cây Tài 001	5901216902	Ấp 3, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp	xã Thanh Hưng
95	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Nông sản Sơn Thành	1201696251	Số 398 Quốc lộ 30, Tổ 16, Ấp 1, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0		Thành lập mới, chưa nộp	xã Thanh Hưng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
96	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Anh Dũng	1200637119	Thửa đất số 743, Tờ bản đồ số 16, Ấp Thống, xã An Hữu, tỉnh Đồng Tháp	247.518.231.233	24	49.503.646	1.707.692	51.211.339			xã An Hữu
97	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông dược Huỳnh Hưng	1200654890	Ấp 3, xã An Hữu, tỉnh Đồng Tháp	64.635.305.680	12	12.927.061	853.846	13.780.907			xã An Hữu
98	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Khang Thông	0303534709-001	Thửa số 155, Tờ bản đồ 13, xã An Hữu, tỉnh Đồng Tháp	1.999.363.537	0	500.000	0	500.000			xã An Hữu
99	Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	0300613198-017	Ấp Bình, Xã An Hữu, Tỉnh Đồng Tháp,	-	429	500.000	30.525.000	31.025.000			xã An Hữu
100	Công ty TNHH SBGear Cái Bè	1201614347	Ấp Chợ, xã Mỹ Lợi, tỉnh Đồng Tháp	60.759.270.897	1.330	12.151.854	94.634.615	106.786.470			xã Mỹ Lợi
101	Doanh nghiệp Tư nhân Căn Thành	0303239862	Ấp Lợi Trinh,, xã Mỹ Lợi, tỉnh Đồng Tháp	6.506.429.788	85	1.301.286	6.048.077	7.349.363			xã Mỹ Lợi
102	Công ty TNHH MTV Trái cây Thủy	1201586548	Số 75 Ấp Thái Hòa, xã Mỹ Lợi, tỉnh Đồng Tháp	45.573.049.668	14	9.114.610	996.154	10.110.764			xã Mỹ Lợi
103	Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm nghiệm Lotus Đồng Tháp	1201716885	Ấp Thái Hòa, xã Mỹ Lợi, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Mỹ Lợi
104	Công ty TNHH XNK Lan 168	1201717656	ấp Thái Hoà, xã Mỹ Lợi, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Mỹ Lợi
105	Công ty TNHH Một thành viên Long Thành Lạng Sơn	1201585199	Tổ 9, Ấp Mỹ Quới, xã Mỹ Đức Tây, tỉnh Đồng Tháp	8.800.000.000	0	1.760.000	0	1.760.000			xã Mỹ Đức Tây

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
106	Công ty TNHH Nông ngư nghiệp Công nghệ cao Quang Minh	1201670038	Ấp Mỹ Nghĩa 1, xã Mỹ Đức Tây, tỉnh Đồng Tháp	33.036.418.738	0	6.607.284	0	6.607.284			xã Mỹ Đức Tây
107	Công ty Cổ phần Nông sản Khánh Phong	1201673007	Ấp Mỹ Hưng A, xã Mỹ Đức Tây, tỉnh Đồng Tháp	19.992.014.394	4	3.998.403	284.615	4.283.018			xã Mỹ Đức Tây
108	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông sản Gia Nguyễn	1201674850	tổ 9 ấp Mỹ Quới, xã Mỹ Đức Tây, tỉnh Đồng Tháp	10.000.000.000	0	2.000.000	0	2.000.000			xã Mỹ Đức Tây
109	Công ty TNHH SX và TM Thép Vạn	1201684009	Thửa 645, ấp Mỹ Quới, xã Mỹ Đức Tây, tỉnh Đồng Tháp	30.019.437.199	4	6.003.887	284.615	6.288.503			xã Mỹ Đức Tây
110	Công ty Cổ phần Đại Phát Fruits	1201692017	QL1A Ấp Mỹ Quới, xã Mỹ Đức Tây, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp tờ khai	xã Mỹ Đức Tây
111	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T & Đ	1201703928	Ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Thiện, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Mỹ Thiện
112	Công ty TNHH Một thành viên Thiên Hộ	1200420042	Ấp Mỹ Tường B, xã Hậu Mỹ, tỉnh Đồng Tháp	100.000.000	21	500.000	1.494.231	1.994.231			xã Hậu Mỹ
113	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc	1201674184	Ấp Hậu Phú I, xã Hậu Mỹ, tỉnh Đồng	100.000.000	1	500.000	71.154	571.154			xã Hậu Mỹ
114	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xanh Lợi Phát	1201697255	Ấp Hậu Quới, xã Hậu Mỹ, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Hậu Mỹ

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
115	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt Hưng	1200190134	Khu phố Cầu Xéo, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp	517.420.376.113	23	100.000.000	1.636.538	101.636.538			xã Hội Cư
116	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tấn Tài 2	1200190511	Ấp An Thái, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp	34.082.979.704	14	6.816.596	996.154	7.812.750			xã Hội Cư
117	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ Yến Mạnh	1200620926	Quốc lộ 1A, Ấp An Thái, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp	22.258.899.147	33	4.451.780	2.348.077	6.799.857			xã Hội Cư
118	Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Thiên Phước	1200475612	Ấp An Thái, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp	16.742.629.774	15	3.348.526	1.067.308	4.415.834			xã Hội Cư
119	Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Tú	1201108358	Ấp An Thái, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp	2.678.299.165	1	535.660	71.154	606.814			xã Hội Cư
120	Công ty Cổ phần Lương thực Bình Tây	1201614153	Số 304 Khu phố Cầu Xéo, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp	228.399.369.198	26	45.679.874	1.850.000	47.529.874			xã Hội Cư
121	Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Kim Ngân	1201643683	Tổ 17, Ấp An Thiện, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp	28.051.967.035	4	5.610.393	284.615	5.895.009			xã Hội Cư
122	Công ty TNHH SX LT Thiên Phúc	1201658175	Tổ 2 Ấp An Thái, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp	75.485.375.578	19	15.097.075	1.351.923	16.448.998			xã Hội Cư
123	Công ty TNHH MTV Hạt Ngọc TG	1201662326	Ấp An Thiện, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp	15.315.655.791	1	3.063.131	71.154	3.134.285			xã Hội Cư
124	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông sản Vạn An	1201667028	Tổ 15, Ấp An Thái, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp	27.642.481.244	4	5.528.496	284.615	5.813.112			xã Hội Cư

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
125	Công ty TNHH Gạo Đức Thịnh	1201668695	Quốc lộ 1A, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp	115.328.650.639	13	23.065.730	925.000	23.990.730			xã Hội Cư
126	Công ty TNHH Bao bì Nghĩa Hòa	1201700606	Số 207 tổ 5, Ấp An Thiện, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Hội Cư
127	Công ty TNHH Nhựt Trúc Ly	1201701092	Thửa đất số 611, tờ bản đồ số 27, Ấp An Thái, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Hội Cư
128	Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng 5D	1201705636	Số 799 Ấp Mỹ Trung, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Hội Cư
129	Công ty TNHH Lương thực Thịnh Khang	1201708690	Ấp Hậu Thuận, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Hội Cư
130	Công ty TNHH Vựa gạo Phát Đạt	1201709768	Ấp An thiện, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Hội Cư
131	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Vận tải Quốc Thái	1201711982	Tổ 23, ấp An Thái, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Hội Cư
132	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Gạo Đại An	1201716571	Ấp Mỹ Thuận, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Hội Cư

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
133	Công ty TNHH Một thành viên Dream Mekong	1200914651	Ấp An Thái, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp	677.439.488.196	1.973	100.000.000	140.386.538	240.386.538			xã Hội Cư
134	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cái Bè	1200434870	Số 349 Nguyễn Chí Công, Ấp 4, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	66.666.887.757	102	13.333.378	7.257.692	20.591.070			xã Cái Bè
135	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cái Bè	1200477144	Đường huyện 74, Tổ 6, Ấp An Lợi, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	90.687.622.827	1	18.137.525	71.154	18.208.678			xã Cái Bè
136	Công ty TNHH Gạo Tân Hưng	1200498754	Lô A4 Cụm Công nghiệp An Thạnh, xã Cái Bè, tỉnh Đồng	9.420.520.409	8	1.884.104	569.231	2.453.335			xã Cái Bè
137	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tân Tiến	1200639067	Số 176 Lê Quí Đôn, Khu 3, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	37.199.643.800	10	7.439.929	711.538	8.151.467			xã Cái Bè
138	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Tân Thuận Thành	1200661513	Cụm công nghiệp An Thạnh, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	126.211.211.402	12	25.242.242	853.846	26.096.088			xã Cái Bè
139	Công ty TNHH Lau bóng gạo Vũ Phong Phú	1200676157	Ấp An Thạnh, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	46.764.357.830	70	9.352.872	4.980.769	14.333.641			xã Cái Bè
140	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Thanh Hồng	1200926431	Cụm công nghiệp An Thạnh, Ấp An Thạnh, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	20.000.000.000	9	4.000.000	640.385	4.640.385			xã Cái Bè
141	Công ty TNHH Việt Khánh	1201077124	Ấp Hòa Phúc, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	184.203.279.621	1.800	36.840.656	128.076.923	164.917.579			xã Cái Bè
142	Công ty TNHH TM DV Tấn Đạt TG	1201509159	Ấp An Lợi, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	20.877.486.366	6	4.175.497	426.923	4.602.420			xã Cái Bè

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
143	Công ty TNHH TM DV Đạt Đức Thịnh	1201582279	Ấp An Lợi, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	210.979.660.589	67	42.195.932	4.767.308	46.963.240			xã Cái Bè
144	Công ty TNHH Hồ Mỹ Hoa	1201652776	Ấp An Hiệp, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	149.089.243.404	35	29.817.849	2.490.385	32.308.233			xã Cái Bè
145	Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Lũy Loan	1201654727	Ấp An Thạnh, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	18.694.542.634	19	3.738.909	1.351.923	5.090.832			xã Cái Bè
146	Công ty TNHH Bệnh viện Medic Tâm An Cái Bè	1201655311	Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 30, Khu phố 3, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	17.510.025.731	26	3.502.005	1.850.000	5.352.005			xã Cái Bè
147	Công ty TNHH Xây dựng Lộc Phát Cái Bè	1201657968	Số 68 Tổ 3 Khu 4, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	20.000.000.000	0	4.000.000	0	4.000.000			xã Cái Bè
148	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Lương thực Hồng Tây	1201659147	Ấp An Hiệp, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	30.438.920.400	2	6.087.784	142.308	6.230.092			xã Cái Bè
149	Công ty TNHH Đình Hiếu	1201659997	Ấp Khu phố, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	14.997.727.273	0	2.999.545	0	2.999.545			xã Cái Bè
150	Công ty TNHH MTV Khánh Toàn TG	1201670197	Ấp An Thạnh, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	20.000.000.000	3	4.000.000	213.462	4.213.462			xã Cái Bè
151	Công ty TNHH Lương thực Hòa Phát Rice	1201676110	Ấp An Hiệp, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	42.212.708.519	6	8.442.542	426.923	8.869.465			xã Cái Bè
152	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Sense Cái Bè	1201677996	Thửa đất số 1436, Tờ bản đồ số 35, Khu 2, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	42.056.265.254	21	8.411.253	1.494.231	9.905.484			xã Cái Bè

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
153	Công ty TNHH Một thành viên Thúy Phước Thành	1201679168	Ấp An Thạnh, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	219.100.345.908	1	43.820.069	71.154	43.891.223			xã Cái Bè
154	Công ty TNHH Lương thực Phước Hồng Phát	1201688638	Tổ 13, Ấp An Hiệp, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	30.000.000.000	0	6.000.000	0	6.000.000			xã Cái Bè
155	Công ty Luật TNHH Tô Vàng - Chi nhánh Cái Bè	1801744651-002	Ấp Hòa Phúc, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Cái Bè
156	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Trường Hưng 68	1201713193	Lô A Cụm công nghiệp An Thạnh, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Cái Bè
157	Công ty TNHH Sơn Phúc Thành	1201716275	Ấp An Thạnh, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Cái Bè
158	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lương thực Việt Phát	1201719808	352, Tổ 22, Ấp 3, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Cái Bè
159	Công ty TNHH Lương thực An Thạnh Phát	1201720049	Ấp An Thạnh, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp		0	0	0	0	miễn	Thành lập mới, chưa nộp	xã Cái Bè

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
160	Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh - Co.opmart Cái	0301175691-068	Khu 2, Xã Cái Bè, Tỉnh Đồng Tháp,	-	98	500.000	6.973.077	7.473.077			xã Cái Bè
Tổng cộng								**8.778.029.755**			

PHỤ LỤC 2.5

DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026

KHU VỰC 5: (Phường Cao Lãnh, phường Mỹ Trà, phường Mỹ Ngãi, xã Thanh Bình, xã Tân Thạnh, xã Bình Thành, xã Tân Long, xã An Long)

(Kèm theo Kế hoạch số 1061/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
1	Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng Công trình và Thương mại Hoàng Anh - Chi nhánh tại Đồng Tháp	0309510486-001	Số 162, tổ 3, ấp Tịnh Hưng, phường Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp	5.220.436.192	0	1.044.087	0	1.044.087			phường Cao Lãnh
2	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hana Jonghap Vina	0314209972	Số 142, đường Võ Trường Toản, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	16.454.185.133	2	3.290.837	159.231	3.450.068			phường Cao Lãnh
3	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phát triển Việt Nga	0314395398	Số 42 đường Nguyễn Huệ, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	142.047.148.584	5	28.409.430	398.077	28.807.507			phường Cao Lãnh
4	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Kinh doanh Bất động sản Gia Phát Sài Gòn	1402176358	Số nhà 42, đường 26/3, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	200.000.000.000	0	40.000.000	0	40.000.000			phường Cao Lãnh
5	Công ty TNHH MTV Tân Tiến	1400128341	Số 20 Nguyễn Huệ, Khóm 6, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	58.111.156.598	88	11.622.231	7.006.154	18.628.385			phường Cao Lãnh
6	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Du lịch OCOP Non Sông Việt	1402182150	Số 07 - 09, Nguyễn Văn Trỗi, Khóm 7, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	30.406.784.006	1	6.081.357	79.615	6.160.972			phường Cao Lãnh
7	Công ty TNHH Garden Dragon Bảo Tiến Đạt	1402189879	Số 14, Đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	10.000	0	500.000	0	500.000			phường Cao Lãnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
8	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Hạ tầng Đô thị Đồng Tháp	1402193385	Tầng 2 nhà số PG3-08A, Khu Shophouse Vincom, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	35.619.239	0	500.000	0	500.000			phường Cao Lãnh
9	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Đồng Tháp	1402195914	Tầng 1 nhà số PG3-08A, Khu Shophouse Vincom, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	549.650.876.800	2	100.000.000	159.231	100.159.231			phường Cao Lãnh
10	Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP tại tỉnh Đồng Tháp	0301429113-008	Số 330 đường Thiên Hộ Dương, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	29.064.312.382	0	5.812.862	0	5.812.862			phường Cao Lãnh
11	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Tương Lai	0310810660	Số 36, đường Nguyễn Văn Dũng, Tổ 41, Khóm An Nhơn, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	178.588.986.057	87	35.717.797	6.926.538	42.644.336			phường Cao Lãnh
12	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Thế Giới Kỹ Thuật - TP Cao Lãnh	0312497267-003	Số 01A, Bà Triệu, KDC Tây Hồ, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	122.073.308.024	0	24.414.662	0	24.414.662			phường Cao Lãnh
13	Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	1400101205	Số 01, Đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	1.065.045.931.731	1.023	100.000.000	81.446.538	181.446.538			phường Cao Lãnh
14	Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp	1400101396	Số 03, Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	1.092.244.006.485	436	100.000.000	34.712.308	134.712.308			phường Cao Lãnh
15	Công ty CP Du lịch Đồng Tháp	1400355383	Số 06, Đốc Binh Kiều, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	108.214.830.613	130	21.642.966	10.350.000	31.992.966			phường Cao Lãnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
16	Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	1400384433	Số 4, đường 30/4, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	2.504.776.666.933	1.653	100.000.000	131.604.231	231.604.231			phường Cao Lãnh
17	Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Khu công nghiệp Đồng Tháp	1400404009	Số 12, Lý Thường Kiệt, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	335.626.123.765	69	67.125.225	5.493.462	72.618.686			phường Cao Lãnh
18	Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC - Đồng Tháp	1400752398	Số 166, Nguyễn Trãi, khóm 7, phường Cao Lãnh tỉnh, Đồng Tháp	6.147.640.238	13	1.229.528	1.035.000	2.264.528			phường Cao Lãnh
19	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tâm Trí Cao Lãnh	1400920324	Số 1, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	309.323.243.991	221	61.864.649	17.595.000	79.459.649			phường Cao Lãnh
20	Công ty Cổ phần Phúc Hưng Đồng Tháp	1402182305	Số 306, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	2.040.723.231	0	500.000	0	500.000			phường Cao Lãnh
21	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông nghiệp Bình Tấn Đào	1402189300	Số 429, Trần Hưng Đạo, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	13.586.150	1	500.000	79.615	579.615			phường Cao Lãnh
22	Văn phòng Điều hành GECPL tại thành phố Cao Lãnh	1401944222	700A, tổ 9, khóm Mỹ Hưng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	6.324.512.157	0	1.264.902	0	1.264.902			phường Cao Lãnh
23	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tương Lai	1401949527	228, Phạm Hữu Lầu, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	10.626.555.283	0	2.125.311	0	2.125.311			phường Cao Lãnh
24	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Tháp	1402218079	Số 02-04, đường Đỗ Công Tường, Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp	-	36	500.000	2.866.154	3.366.154			phường Cao Lãnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
25	Công ty Bảo hiểm PJICO Đồng Tháp	1.402.215.543	Số 210, đường Ngô Thì Nhậm, Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp	-	7	500.000	557.308	1.057.308			phường Cao Lãnh
26	Công ty Bảo Minh Đồng Tháp	0300446973-030	Số 70, Võ Trường Toản, phường 1, Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp	-	17	500.000	1.353.462	1.853.462			phường Cao Lãnh
27	Công ty CP Vinaconex 27	1.400.104.904	Số 10, đường Nguyễn Văn Tre, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	3	500.000	238.846	738.846			phường Cao Lãnh
28	Công ty TNHH Phát triển chợ Thảo Huyên	1401982281	Số 176, Hàm Nghi, Khóm Mỹ Tây, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	80.787.555.007	3	16.157.511	238.846	16.396.357			phường Mỹ Trà
29	Công ty TNHH Thương mại Toyota Thành Mai Đồng	1402158197	Thửa đất số 2006, 2016 Khóm An Lạc, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	59.952.389.418	0	11.990.478	0	11.990.478			phường Mỹ Trà
30	Công ty Điện lực Đồng Tháp	0300942001-018	Số 248, đường Lê Đại Hành, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	2.668.992.075.953	1.068	100.000.000	85.029.231	185.029.231			phường Mỹ Trà
31	Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Đồng Tháp	1400103996	Số 22, đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	1.392.658.267.663	94	100.000.000	7.483.846	107.483.846			phường Mỹ Trà
32	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp	1400294469	Số 539A, tổ 20, khóm An Định, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	246.352.076.008	83	49.270.415	6.608.077	55.878.492			phường Mỹ Trà
33	Công ty TNHH Một thành viên Phạm Hoàng	1401186988	Số 034, Ấp An Lạc, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	264.102.952.835	48	52.820.591	3.821.538	56.642.129			phường Mỹ Trà
34	Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Hidico	1401342757	Số 01-03, Hồ Biểu Chánh, khu 500 căn, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	17.612.465.744	20	3.522.493	1.592.308	5.114.801			phường Mỹ Trà

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
35	Công ty TNHH Một thành viên Vật tư Nông nghiệp Việt Thanh	1401916112	Số 712, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	283.124.423.608	28	56.624.885	2.229.231	58.854.115			phường Mỹ Trà
36	Công ty TNHH Một thành viên Thiên Phú Điền	1401928580	Tổ 1, Ấp An Lạc, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	393.246.598.445	74	78.649.320	5.891.538	84.540.858			phường Mỹ Trà
37	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhung Hồng Phát	1402070665	Số 320, Quốc lộ 30, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	142.863.367.110	1	28.572.673	79.615	28.652.289			phường Mỹ Trà
38	Công ty TNHH Nhật Trung Phong - Kỷ nguyên Mới	1402088197	Số 259, quốc lộ 30, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	139.924.581.783	11	27.984.916	875.769	28.860.686			phường Mỹ Trà
39	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phúc Vinh Auto	1402090654	Số 245, Quốc Lộ 30, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	211.132.599.694	13	42.226.520	1.035.000	43.261.520			phường Mỹ Trà
40	Công ty TNHH Tâm Phong Auto	1402094070	Số 720A, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	208.379.700.453	9	41.675.940	716.538	42.392.479			phường Mỹ Trà
41	Công ty TNHH Ô tô Thập Nhất Phong	1402095701	Số 734 – 736 – 738, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	731.556.077.345	69	100.000.000	5.493.462	105.493.462			phường Mỹ Trà
42	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Central Plaza Cao Lãnh Thiên Hộ	1402101553	Đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	29.000.000.000	0	5.800.000	0	5.800.000			phường Mỹ Trà
43	Công ty TNHH Trung Tâm Tiến	1402197982	308 Quốc Lộ 30, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	38.979.000.235	0	7.795.800	0	7.795.800			phường Mỹ Trà
44	Công ty CP Sao Mai	1400101043	Số 163, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	31.910.277.020	796	6.382.055	63.373.846	69.755.902			phường Mỹ Trà

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
45	Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông Đồng Tháp	1400104622	Số 676 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	197.835.952.210	28	39.567.190	2.229.231	41.796.421			phường Mỹ Trà
46	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	1400147351	Số 472, Đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	7.796.182.118.964	248	100.000.000	19.744.615	119.744.615			phường Mỹ Trà
47	Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Nga	1400458477	Số 710, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	1.266.237.513.701	94	100.000.000	7.483.846	107.483.846			phường Mỹ Trà
48	Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	1400460395	Số 346 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	1.840.613.593.755	1.029	100.000.000	81.924.231	181.924.231			phường Mỹ Trà
49	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp	1400475345	Số 181-183, Trương Hán Siêu, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	101.974.509.156	97	20.394.902	7.722.692	28.117.594			phường Mỹ Trà
50	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp	1400478233	Số 175-177-179, đường Trương hán Siêu, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	125.905.192.006	51	25.181.038	4.060.385	29.241.423			phường Mỹ Trà
51	Công ty CP Nhiên liệu Đồng Tháp	1400621758	Số 328, Quốc lộ 30, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	320.967.228.966	468	64.193.446	37.260.000	101.453.446			phường Mỹ Trà
52	Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Mỹ Phú Hưng	1400640856	Số 318, Quốc lộ 30, Khóm Mỹ Thượng, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	72.342.733.521	2	14.468.547	159.231	14.627.777			phường Mỹ Trà
53	Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	1400654136	Số 111, đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	29.219.897.381	48	5.843.979	3.821.538	9.665.518			phường Mỹ Trà
54	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà	1400696545	Số 272 Đường Lê Duẩn, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	15.682.447.223	71	3.136.489	5.652.692	8.789.182			phường Mỹ Trà

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
55	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thập Nhất Phong (Auto)	1402031377	Quốc lộ 30, ấp An Định, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	643.231.275.892	45	100.000.000	3.582.692	103.582.692			phường Mỹ Trà
56	Công ty CP Xây dựng Tân Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	2900601014-007	Số 65 Nguyễn Thái Bình, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	6.119.285.232	7	1.223.857	557.308	1.781.165			phường Mỹ Trà
57	Liên đoàn Bóng đá Đồng Tháp	1401899971	140 Lê Duẩn, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	164.854.482	0	500.000	0	500.000			phường Mỹ Trà
58	Công ty Lương thực Đồng Tháp	0300613198-010	Số 531, Quốc lộ 30, phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp,	-	111	500.000	8.837.308	9.337.308			phường Mỹ Trà
59	Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Ứng dụng Abtech	0312067497	Lô ĐH, KCN Trần Quốc Toản, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	6.915.253.714	30	1.383.051	2.388.462	3.771.512			phường Mỹ Ngãi
60	Chi nhánh Công ty TNHH Shanghai Hangtai (VN)	0315202810-001	Số 1553, Quốc lộ 30, khóm 4, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	490.200.000	0	500.000	0	500.000			phường Mỹ Ngãi
61	Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ Thực phẩm Việt Đức - Nhà máy Đóng gói Mekong	1401877671-001	Đường ĐT 846, ấp 4, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	122.029.000.000	0	24.405.800	0	24.405.800			phường Mỹ Ngãi
62	Công ty TNHH Liên doanh Nghị Phong	1401962454	Lô CN4, khu công nghiệp Trần Quốc Toản, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	1.014.227.850.673	3.532	100.000.000	281.201.538	381.201.538			phường Mỹ Ngãi
63	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Trường Sanh	1402198175	KN07, Lô DH, khu công nghiệp Trần Quốc Toản, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	794.087.793	0	500.000	0	500.000			phường Mỹ Ngãi

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
64	Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen	1401587429	Số 1647, Quốc lộ 30, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	969.896.033.978	238	100.000.000	18.948.462	118.948.462			phường Mỹ Ngãi
65	Công ty TNHH Soletech	1402145166	Lô CN4-2, Khu công nghiệp Trần Quốc Toản, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	293.053.110.142	119	58.610.622	9.474.231	68.084.853			phường Mỹ Ngãi
66	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Biển Nhân Tạo Bento	1402178690	Khóm 2, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	30.467.528.907	7	6.093.506	557.308	6.650.813			phường Mỹ Ngãi
67	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	1400112623	Quốc lộ 30, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	9.045.804.564.952	6.285	0	500.382.692		miễn	thiệt hại do thiên tai	phường Mỹ Ngãi
68	Công ty Cổ phần Lương thực và Bao bì Đồng Tháp	1400484854	Quốc lộ 30, Tổ 11, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	14.895.138.001	0	2.979.028	0	2.979.028			phường Mỹ Ngãi
69	Công ty Cổ phần Tô Châu	1400521150	Số 1553, quốc lộ 30, khóm 4, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	23.549.618.329	16	4.709.924	1.273.846	5.983.770			phường Mỹ Ngãi
70	Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Tâm Trí Đồng Tháp	1400601945	Số 700, Quốc lộ 30, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	698.578.956.184	365	100.000.000	29.059.615	129.059.615			phường Mỹ Ngãi
71	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh	1400617776	Lô CN 3-4, CN 3-5, khu công nghiệp Trần Quốc Toản, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	145.449.262.764	0	29.089.853	0	29.089.853			phường Mỹ Ngãi

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
72	Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 15	1402006437	Số 720, quốc lộ 30, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	52.375.328.752	117	10.475.066	9.315.000	19.790.066			phường Mỹ Ngãi
73	Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Cao Lãnh	1402157517	Số 1275B, Tổ 9, Khóm 1, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	14.129.834.496	3	2.825.967	238.846	3.064.813			phường Mỹ Ngãi
74	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Blue Ocean	1402186684	Số 1061, tổ 1, khóm 1, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	32.416.210.963	7	6.483.242	557.308	7.040.550			phường Mỹ Ngãi
75	Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Đồng Tháp	1402197196	Số 102 đường Nguyễn Văn Tre nối dài, KDC Bệnh Viện Đồng Tháp, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp	33.086.081.765	0	6.617.216	0	6.617.216			phường Mỹ Ngãi
76	Công ty Bảo Việt Đồng Tháp	0101527385-005	197-199, Hùng Vương, phường 1, Phường Mỹ Ngãi, Đồng Tháp	-	48	500.000	3.821.538	4.321.538			phường Mỹ Ngãi
77	Công ty TNHH Fine Fruit Asia - Chi nhánh Mekong	3401007618-001	Số 1061B tổ 1, khóm 1, Phường Mỹ Ngãi, Tỉnh Đồng Tháp	-	6	500.000	477.692	977.692			phường Mỹ Ngãi
78	Công ty TNHH MTV May mặc Phụng Nguyên	1402039023	QL 30, Ấp Trung, xã Tân Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	37.044.362.340	417	7.408.872	29.671.154	37.080.026			xã Tân Thạnh
79	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hùng Cá	1400528082	Cụm công nghiệp Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	2.242.044.685.600	1.438	100.000.000	102.319.231	202.319.231			xã Bình Thành
80	Công ty TNHH Khang Thịnh Đồng Tháp	1401742635	Số 242, ấp Bình Trung, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	167.970.864.041	7	33.594.173	498.077	34.092.250			xã Bình Thành

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
81	Công ty TNHH Công nghệ Thực phẩm Việt Đức	1401877671	Quốc lộ 30, Ấp Bình Định, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	167.103.280.473	7	33.420.656	498.077	33.918.733			xã Bình Thành
82	Công ty TNHH Pilmico Việt Nam	1400604953	Quốc lộ 30, Cụm Công nghiệp Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	267.857.393.272	292	53.571.479	20.776.923	74.348.402			xã Bình Thành
83	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dệt may Đại Nam	1400688488	Tổ 23, Ấp Bình Hòa, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	7.266.263.675	155	1.453.253	11.028.846	12.482.099			xã Bình Thành
84	Công ty TNHH Một thành viên Thanh Bình Đồng Tháp	1402054046	Lô số 1, Đường số 2, Cụm công nghiệp Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	1.689.667.312.562	4.047	100.000.000	287.959.615	387.959.615			xã Bình Thành
85	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 - Đồng Tâm	0302317620-002	Cụm công nghiệp Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	257.190.954.923	0	51.438.191	0	51.438.191			xã Bình Thành
86	Công ty CP Bao bì Thủy sản Đồng Tháp	1400612601	Cụm công nghiệp Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	7.880.803.725	2	1.576.161	142.308	1.718.468			xã Bình Thành
87	Công ty CP Vạn Ý	1400914137	Cụm công nghiệp Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	622.770.700.377	1.140	100.000.000	81.115.385	181.115.385			xã Bình Thành
88	Công ty CP Thức ăn Thủy sản Hùng Cá	1401310258	Cụm Công nghiệp Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	923.687.039.825	311	100.000.000	22.128.846	122.128.846			xã Bình Thành
89	Công ty CP Phát triển Hùng Cá 2	1401881396	Cụm công nghiệp Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	631.651.606.236	1.246	100.000.000	88.657.692	188.657.692			xã Bình Thành
90	Công ty Cổ phần Hùng Cá 6	1402064622	Cụm công nghiệp Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	695.884.180.243	1.402	100.000.000	99.757.692	199.757.692			xã Bình Thành

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
91	Công ty Cổ phần Hùng Cá 9	1402111505	Cụm công nghiệp Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp	133.859.505.510	107	26.771.901	7.613.462	34.385.363			xã Bình Thành
92	Công ty CP Baomi Hoàn Cầu	1402158422	ấp Tân Dinh, xã Tân Long, tỉnh Đồng Tháp	528.180.956.682	24	100.000.000	1.707.692	101.707.692			xã Tân Long
93	Công ty TNHH May An Long	1401357418	Số 789, ấp 1, xã An Long, tỉnh Đồng Tháp	74.438.095.811	683	14.887.619	48.598.077	63.485.696			xã An Long
94	Chi nhánh Công ty TNHH May An Long	1401357418-002	Số 789, ấp 1, xã An Long, tỉnh Đồng Tháp	5.343.580.771	0	1.068.716	0	1.068.716			xã An Long
95	Công ty TNHH Thủy sản Hai Nắm	1402119462	Quốc lộ 30, ấp Nhứt, xã An Long, tỉnh Đồng	445.395.218.482	957	89.079.044	68.094.231	157.173.274			xã An Long
96	Công ty Cổ phần Dệt may Xuân Hoàng	1400625664	Ấp 2, xã An Long, tỉnh Đồng Tháp	109.111.863.694	781	21.822.373	55.571.154	77.393.527			xã An Long
Tổng cộng								**5.464.912.294**			

PHỤ LỤC 2.6
DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026
KHU VỰC 6: (Phường Sa Đéc, xã Tân Dương, xã Phú Hựu, xã Tân Nhuận Đông, xã Tân Phú Trung)
(Kèm theo Kế hoạch số 1061/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
1	Công ty TNHH May thêu - Thương mại Lan Anh - Chi nhánh Sa Đéc	0301452232-007	Số 273 Phùng Khắc Khoan, Khóm Sa Nhiên, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	49.981.100	0	500.000	0	500.000			phường Sa Đéc
2	Công ty TNHH Thanh Hùng	1400391198	Lô CIII-1, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	857.928.154	2	500.000	159.231	659.231			phường Sa Đéc
3	Công ty TNHH Happyfood Vietnam	1400457610	Lô CVI-2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	503.143.571.328	0	100.000.000	0	100.000.000			phường Sa Đéc
4	Công ty TNHH Ngọc Đài	1400470562	Số 648, Trần Hưng Đạo, khóm 3, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	306.846.274.825	8	61.369.255	636.923	62.006.178			phường Sa Đéc
5	Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Đài	1400470562-001	Số 702A, Trần Hưng Đạo, khóm 3, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	40.564.235.018	0	8.112.847	0	8.112.847			phường Sa Đéc
6	Công ty TNHH Trường Sơn	1400477448	Số 122/1 Trần Phú, khóm 2, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	80.195.823.044	0	16.039.165	0	16.039.165			phường Sa Đéc
7	Công ty TNHH Lộc Vân	1400481701	Đường ĐT 852, ấp Tân Lập, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	224.724.417.488	6	44.944.883	477.692	45.422.576			phường Sa Đéc
8	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thủy sản Quốc tế	1400621525	Lô III-4, khu C mở rộng, khu công nghiệp Sa Đéc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	286.563.014.900	462	57.312.603	36.782.308	94.094.911			phường Sa Đéc

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
9	Công ty TNHH Bệnh viện Mắt Quang Đức	1401884686	Số 31, Hùng Vương, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	98.517.555.149	67	19.703.511	5.334.231	25.037.742			phường Sa Đéc
10	Công ty TNHH Nha Mân	1402052930	Khu C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	12.848.345.324	28	2.569.669	2.229.231	4.798.900			phường Sa Đéc
11	Công ty TNHH Phụ gia Thực phẩm Pha Lê	1402064615	Số 182/6, ĐT 848, khóm Tân An, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	33.834.104.038	19	6.766.821	1.512.692	8.279.513			phường Sa Đéc
12	Công ty TNHH Xây dựng - Bất động sản Thanh Vân	1402087299	Số 01, Khu dân cư Thuý Vân , khóm Tân Thuận,phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	265.995.461.111	0	53.199.092	0	53.199.092			phường Sa Đéc
13	Công ty TNHH Dầu gạo Thuận Cường	1402095236	Khu A1, Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	131.900.493.642	35	26.380.099	2.786.538	29.166.637			phường Sa Đéc
14	Công ty TNHH Minh Thắng Sa Đéc	1402100817	Lô I-1 khu C mở rộng, khu Công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	330.287.990.835	189	66.057.598	15.047.308	81.104.906			phường Sa Đéc
15	Công ty TNHH Thực phẩm Trái cây Tươi	1402102243	Lô CII-1, khu C khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	41.777.374.169	12	8.355.475	955.385	9.310.859			phường Sa Đéc
16	Công ty TNHH Dầu gạo Sethia Hemraj	1402128410	Lô I-3, khu C mở rộng - Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	955.635.367.880	193	100.000.000	15.365.769	115.365.769			phường Sa Đéc
17	Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Phước Sang	1402181340	Thửa Đất 187, Tờ Bản Đồ 15, Đường Nguyễn Văn Phối, Khóm 3, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	21.393.339.810	3	4.278.668	238.846	4.517.514			phường Sa Đéc
18	Công ty TNHH Thắng Long	1400454747	Số 234, đường ĐT 852, khóm Tân Hòa, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	21.711.919.286	41	4.342.384	3.264.231	7.606.615			phường Sa Đéc

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
19	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thức ăn Thủy sản New Hope Đồng Tháp	1400603043	Lô I-3 và I-5, Khu C mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Ấp Khá, tỉnh Đồng Tháp	407.422.645.923	262	81.484.529	20.859.231	102.343.760			phường Sa Đéc
20	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Usfeed	1400611291	Lô II-2, II-3, II-4 và II-5, khu A1, khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	389.342.429.531	410	77.868.486	32.642.308	110.510.794			phường Sa Đéc
21	Công ty TNHH Một thành viên Quốc Phát	1400614937	Tỉnh lộ 852, Ấp Tân Thành, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	196.323.059.159	11	39.264.612	875.769	40.140.381			phường Sa Đéc
22	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thủy sản Mỹ Sa	1401974410	Lô II-1, Khu A, Khu Công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	152.014.951.195	0	30.402.990	0	30.402.990			phường Sa Đéc
23	Công ty TNHH Cỏ May Thanh Bình	1402001319	Số 01, Nguyễn Tất Thành, Khóm Tân Hòa, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	152.158.023.725	85	30.431.605	6.767.308	37.198.912			phường Sa Đéc
24	Công ty TNHH Tong Wei Đồng Tháp	1402078946	Lô IV 1,2,5 Khu A1, Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	184.811.768.672	100	36.962.354	7.961.538	44.923.892			phường Sa Đéc
25	Công ty TNHH An Châu Chương House	1402126325	Lầu 1, Đường Hùng Vương, Khóm 3, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	44.711.677.646	0	8.942.336	0	8.942.336			phường Sa Đéc
26	Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Đồng Tháp	1402160823	Đường ĐT852, Ấp Tân Lập, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	83.396.181.653	0	16.679.236	0	16.679.236			phường Sa Đéc
27	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Nam Tiến Phát	1402175308	Số 08 Đường Lê Thị Riêng Khóm 2, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	2.000.000.000	0	500.000	0	500.000			phường Sa Đéc
28	Công ty TNHH Cỏ May Sa Đéc	1402180019	Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	715.316.742.772	162	100.000.000	12.897.692	112.897.692			phường Sa Đéc

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
29	Công ty TNHH Bất động sản Vinh Quang	1402188226	Số 24A khu dân cư Rạch Rẫy, khóm Tân Bình, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	24.058.539.363	3	4.811.708	238.846	5.050.554			phường Sa Đéc
30	Chi nhánh Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương thực tại Sa Đéc	0300606715-007	Số 9/6, Tỉnh lộ 852, Ấp Tân Thành, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	309.758.811	0	500.000	0	500.000			phường Sa Đéc
31	Công ty Cổ phần In & Bao bì Đồng Tháp	1400102431	Số 212, Lê Lợi, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	78.389.249.652	220	15.677.850	17.515.385	33.193.235			phường Sa Đéc
32	Công ty CP Thực phẩm Bích Chi	1400371184	Đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	533.900.727.611	814	100.000.000	64.806.923	164.806.923			phường Sa Đéc
33	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng	1400437290	Lô II-1, II-2, II-3, Khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	2.974.931.163.624	389	100.000.000	30.970.385	130.970.385			phường Sa Đéc
34	Công ty CP Thực phẩm QVD Đồng Tháp	1400453359	Lô C, khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	57.083.898.642	145	11.416.780	11.544.231	22.961.010			phường Sa Đéc
35	Công ty CP Xuất nhập khẩu Sa Giang	1400469817	Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	450.459.015.848	1.529	90.091.803	121.731.923	211.823.726			phường Sa Đéc
36	Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long	1400571715	Lô III-1, Khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	1.002.545.531.706	1.453	100.000.000	115.681.154	215.681.154			phường Sa Đéc
37	Công ty CP Thủy sản Trường Giang	1400572765	Lô IV-8, Khu A1, Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	1.244.374.604.361	1.910	100.000.000	152.065.385	252.065.385			phường Sa Đéc
38	Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovina	1400591736	Lô III-8, Khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	378.174.295.267	1.488	75.634.859	118.467.692	194.102.551			phường Sa Đéc
39	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Thế Giới Kỹ Thuật Đồng Tháp	1402044922	Số 75 Võ Văn Phát, Khóm Phú Mỹ, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	92.878.350.958	162	18.575.670	12.897.692	31.473.362			phường Sa Đéc

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
40	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản KCF	1402120764	Lô III-2, khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	81.715.391.345	80	16.343.078	6.369.231	22.712.309			phường Sa Đéc
41	Công ty Cổ phần Thủy sản Phú Giang	1402176735	Lô CIII-1, Khu C, Khu Công Nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	99.988.555.690	0	19.997.711	0	19.997.711			phường Sa Đéc
42	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư và Thương mại Phương Châu - Bệnh viện Đa khoa Phương Châu Sa Đéc	1800651309-003	153 Nguyễn Sinh Sắc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	34.406.837.858	0	6.881.368	0	6.881.368			phường Sa Đéc
43	Công ty Cổ phần Happyfood Vietnam	1.400.457.610	Lô CVI-2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	-	10	500.000	796.154	1.296.154			phường Sa Đéc
44	Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc - Chi nhánh Đồng Tháp	2400289460-020	Số 114/6, ấp Tân Lập, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	-	16	500.000	1.273.846	1.773.846			phường Sa Đéc
45	Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình - Chi nhánh Đồng Tháp	0500426967-017	Số 24/7, Khóm Hòa An, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp,	-	2	500.000	159.231	659.231			phường Sa Đéc
46	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Văn Hải - Chi nhánh 7	1200598879-012	Số 454 Nguyễn Sinh Sắc, Khóm 5, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp,	-	16	500.000	1.273.846	1.773.846			phường Sa Đéc
47	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Sản xuất Ngọc Dung	1401222322	Ấp Tân Bình, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	122.744.669.141	94	24.548.934	7.483.846	32.032.780			xã Tân Dương
48	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lương thực Phương Đông	1401933206	Ấp Tân Lộc A,xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	1.375.032.767.010	162	100.000.000	12.897.692	112.897.692			xã Tân Dương
49	Công ty TNHH Nông sản Việt Hảo	1402128393	Đường ĐT 852, ấp Tân Lộc A, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	221.011.727.026	51	44.202.345	4.060.385	48.262.730			xã Tân Dương

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
50	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Địa ốc Ngân Hà Đồng Tháp	1402170074	Đường Trần Thị Nhượng, ấp Phú Long, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	7.970.417.367	0	1.594.083	0	1.594.083			xã Tân Dương
51	Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Đồng Tháp	1400104414	Số 10, Nguyễn Sinh Sắc, Ấp Phú Long, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	157.648.687.081	101	31.529.737	8.041.154	39.570.891			xã Tân Dương
52	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Dịch vụ Đồng Tháp	1402048405	Đường ĐT 852, Ấp Tân Lộc A, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	199.960.318.182	0	39.992.064	0	39.992.064			xã Tân Dương
53	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Song Hải Long Đồng Tháp	1402108929	Ấp Phú Hòa, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	33.255.527.673	0	6.651.106	0	6.651.106			xã Tân Dương
54	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Xây dựng ĐTK Land Sa Đéc	1402152163	Số 655, ấp Phú Hòa, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	77.897.609.762	6	15.579.522	477.692	16.057.214			xã Tân Dương
55	Công ty Cổ phần Lương thực Phương Thanh	1400114444	Số 459, tổ 11, ấp Phú Hòa, xã Tân Dương tỉnh Đồng Tháp	207.266.079.751	3	41.453.216	238.846	41.692.062			xã Tân Dương
56	Công ty Cổ phần Lương thực - Thực phẩm Sa Đéc	1401246362	Đường ĐT 852, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	33.426.059.590	1	6.685.212	79.615	6.764.827			xã Tân Dương
57	Công ty CP Lương thực Mekong	1402154001	Đường ĐT852, Ấp Tân Lộc A, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	1.857.013.777.209	43	100.000.000	3.423.462	103.423.462			xã Tân Dương
58	Chi nhánh Công ty CP Lương thực Mekong tại Lai Vung	1402154001-003	Đường ĐT 852, Ấp Tân Lộc A, xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp	71.094.486.627	0	14.218.897	0	14.218.897			xã Tân Dương
59	Công ty TNHH Liên doanh Mavin Austfeed	1402031401	Cụm công nghiệp Cái Tàu Hạ, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	1.031.420.755.682	123	100.000.000	8.751.923	108.751.923			xã Phú Hựu

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
60	Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2	1402062488	Cụm Công nghiệp Cái Tàu Hạ - An nhơn, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	210.173.838.286	0	42.034.768	0	42.034.768			xã Phú Hựu
61	Công ty TNHH MTV Thực phẩm Vĩnh Phước	1402103399	Ấp Tân Phú, Xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	1.498.802.314.892	2.509	100.000.000	178.525.000	278.525.000			xã Phú Hựu
62	Công ty TNHH DV Đại Hưng	1402153689	Tổ 5, Ấp Tân Hòa 1, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	75.502.967.476	0	15.100.593	0	15.100.593			xã Phú Hựu
63	Công ty TNHH Archer Daniels Midland VN - Chi nhánh Đồng Tháp	3700377127-003	Tổ 14, Ấp Tân Phú,Xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	732.495.901.924	70	100.000.000	4.980.769	104.980.769			xã Phú Hựu
64	Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Thành Ngọc	1402157958	Ấp Tân Phú,Xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	610.838.644.218	389	100.000.000	27.678.846	127.678.846			xã Phú Hựu
65	Công ty TNHH Kim Thạch	1400420882	Quốc lộ 80, ấp Tân Thuận, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	81.273.275.149	111	16.254.655	7.898.077	24.152.732			xã Tân Nhuận Đông
66	Công ty TNHH Một thành viên Nam Huy Đồng Tháp	1401877336	Số 251, Ấp Hòa Bình, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	46.581.694.969	35	9.316.339	2.490.385	11.806.724			xã Tân Nhuận Đông
67	Công ty TNHH Một thành viên Chế biến Lương thực Thiên Khánh Đồng Tháp	1402057294	Số 298, Quốc lộ 80, Ấp Tân Thuận, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	128.184.471.930	73	25.636.894	5.194.231	30.831.125			xã Tân Nhuận Đông
68	Công ty TNHH Hansoll Bông Sen Vina	1402169706	Lô A9, đường nội bộ, Cụm Công nghiệp Tân Lập, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	111.303.205.981	0	22.260.641	0	22.260.641			xã Tân Nhuận Đông
69	Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty TNHH Một thành viên Trường An Thoại Sơn	1601907997-001	DT06 khu dân cư Nha Mân, Ấp Tân Lập, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	5.491.402.953	0	1.098.281	0	1.098.281			xã Tân Nhuận Đông

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
70	Doanh nghiệp TN Cỏ May Châu Thành	1401651466	Số 279, Quốc lộ 80, tổ 1, Ấp Tân Hòa, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp	74.651.714.279	149	14.930.343	10.601.923	25.532.266			xã Tân Nhuận Đông
71	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cỏ May	1400252807	Số 186, quốc lộ 80, ấp Thạnh Phú, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	194.517.088.855	191	38.903.418	13.590.385	52.493.802			xã Tân Phú Trung
72	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phương Thanh	1401270164	Quốc lộ 80, ấp Thạnh Phú, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	304.706.739.265	3	60.941.348	213.462	61.154.809			xã Tân Phú Trung
73	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gạo Tân Hiệp Thành	1401977549	Quốc lộ 80, ấp Thạnh Phú, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	410.282.660.074	38	82.056.532	2.703.846	84.760.378			xã Tân Phú Trung
74	Công ty TNHH Quốc Phát Rice	1402150430	Quốc lộ 80, ấp Thạnh Phú, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	273.858.969.266	16	54.771.794	1.138.462	55.910.255			xã Tân Phú Trung
75	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Lương thực Bình Minh Hai	1402058756	Quốc lộ 80, ấp Thạnh Phú, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	107.847.836.372	11	21.569.567	782.692	22.352.260			xã Tân Phú Trung
76	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nguyên Hậu	1402060970	Số 839, ấp Thạnh Phú, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	90.471.474.667	98	18.094.295	6.973.077	25.067.372			xã Tân Phú Trung
77	Công ty Cổ phần Bột Thực phẩm An Châu Chương	1402174463	Ấp Tân Lập, xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp	50.926.906.433	0	10.185.381	0	10.185.381			xã Tân Phú Trung
Tổng cộng								**4.055.320.933**			

PHỤ LỤC 2.7
DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026
KHU VỰC 7: (Phường Hồng Ngự, phường Thường Lạc, phường An Bình, xã Thường Phước, xã Long Khánh, xã Long Phú Thuận, xã An Hoà, xã Tam Nông, xã Phú Thọ, xã Tràm Chim, xã Phú Cường, xã Tân Hồng, xã Tân Thành, xã Tân Hộ Cơ, xã An Phước)
(Kèm theo Kế hoạch số 1064/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
1	Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Thập Nhất Phong (Motor)	1402039143	Số 35, đường Lê Lợi, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	350.265.486.076	39	70.053.097	3.105.000	73.158.097			phường Hồng Ngự
2	Công ty TNHH Dầu nhờn Thập Nhất Phong	1402154594	Số 90, Đường Võ Văn Kiệt, Khóm 4, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	116.006.313.771	66	23.201.263	5.254.615	28.455.878			phường Hồng Ngự
3	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hàng Việt Hồng Ngự	1402006814	Ấp Bình Chánh, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	42.143.196.653	20	8.428.639	1.592.308	10.020.947			phường Hồng Ngự
4	Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Tâm Trí Hồng Ngự	1402071997	Số 12, Nguyễn Tất Thành, KĐT Bờ Đông, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	212.321.511.082	69	42.464.302	5.493.462	47.957.764			phường Hồng Ngự
5	Công ty TNHH May Cửu Long River	1402080656	Số 48, đường Phan Bội Châu, khóm 2, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	80.476.180.897	0	16.095.236	0	16.095.236			phường Hồng Ngự

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
6	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hùng Cá Hồng Ngự	1402078657	39 Nguyễn Tất Thành, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	46.553.817.044	25	9.310.763	1.990.385	11.301.148			phường Hồng Ngự
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhật Quang Thuận	1402108245	Số 35, Võ Thị Sáu, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	93.104.666.092	3	18.620.933	238.846	18.859.779			phường Hồng Ngự
8	Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Đào tạo Giáo dục Khai Minh	1402153921	54 Nguyễn Văn Linh, khóm 4, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	4.358.499.584	1	871.700	79.615	951.315			phường Hồng Ngự
9	Công ty Cổ phần Hùng Ngự	1402172667	Quốc lộ 30, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	215.709.903.125	0	43.141.981	0	43.141.981			phường Hồng Ngự
10	Công ty Cổ phần Nhà họ Trần Sở Thượng Đồng Tháp	1402195248	243-245 Đường Lê Thị Hồng Gấm, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	68.962.695.905	0	13.792.539	0	13.792.539			phường Hồng Ngự
11	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sky 5	1402201371	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	5.010.000.000	0	1.002.000	0	1.002.000			phường Hồng Ngự
12	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	1400683063	Đường Trần Phú, khóm An Lộc, phường An Bình, tỉnh Đồng Tháp	2.198.867.762.620	119	100.000.000	9.474.231	109.474.231			phường An Bình

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
13	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	1400683063-001	khóm An Lộc, phường An Bình, tỉnh Đồng Tháp	10.680.794.630	0	2.136.159	0	2.136.159			phường An Bình
14	Công ty TNHH May mặc Khang Thịnh	1401323137	Tổ 12, Khóm An Phước, phường An Bình, tỉnh Đồng Tháp	53.550.003.269	376	10.710.001	29.935.385	40.645.385			phường An Bình
15	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Dương - Hồng	1402196629	Số 352, Đường Trần Phú, phường An Bình, tỉnh Đồng Tháp	35.581.870.690	0	7.116.374	0	7.116.374			phường An Bình
16	Công ty Cổ phần Hùng Cá Hồng Ngự	1402120820	Đường Hùng Vương, phường An Bình, tỉnh Đồng Tháp	268.904.555.855	0	53.780.911	0	53.780.911			phường An Bình
17	Công ty Cổ phần May mặc Miền Nam Việt Nam	1402158817	Khóm An Phước, phường An Bình, tỉnh Đồng Tháp	299.554.079.147	1.223	59.910.816	97.369.615	157.280.431			phường An Bình
18	Công ty Cổ phần Hồng Ngự City	1402150198	24 Nguyễn Văn Trí, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp	302.093.445.992	0	60.418.689	0	60.418.689			xã Thường Phước
19	Công ty Cổ phần Nova Thabico	1402151177	Số 186 Đường Ngô Quyền, Khóm Thượng 1, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp	271.138.554.568	370	54.227.711	26.326.923	80.554.634			xã Thường Phước

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
20	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Sơn Thịnh	1402198295	Số 117, ấp 1, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp	108.000.000.000	0	21.600.000	0	21.600.000			xã Thường Phước
21	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thành Đô Thường Phước	1402198908	Thửa đất số 302, Tờ bản đồ số 27, Ấp 2, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp	50.000.000.000	0	10.000.000	0	10.000.000			xã Thường Phước
22	Công ty TNHH B.O.T Hải Đến	1402031419	Số 868, tổ 27, ấp Phú Lợi B, xã Long Phú Thuận, tỉnh Đồng Tháp	159.973.664.018	56	31.994.733	3.984.615	35.979.348			xã Long Phú Thuận
23	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại XNK Phú Cường Thịnh	0315822204	Thửa 647, ấp Phú Lợi A, xã Long Phú Thuận, tỉnh Đồng Tháp	30.010.415.369	0	6.002.083	0	6.002.083			xã Long Phú Thuận
24	Công ty TNHH Fashion Garments Mekong	1401969523	Số 818B, Quốc lộ 30, ấp 3, xã An Hoà, tỉnh Đồng Tháp	338.671.920.726	2.685	67.734.384	191.048.077	258.782.461			xã An Hoà
25	Công ty Cổ phần May mặc Phương Vũ	1402093486	K12, xã Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	133.414.393.817	477	26.682.879	33.940.385	60.623.263			xã Tam Nông
26	Công ty Cổ phần Gạch men Hà Thanh	1402176277	Ấp K12, xã Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	63.006.571	0	500.000	0	500.000			xã Tam Nông
27	Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Lộc Anh	1401900539	Khóm 4, xã Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	618.822.774.435	0	100.000.000	0	100.000.000			xã Tràm Chim

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
28	Công ty TNHH Hoàng Gia Thiên Nhân	1402182270	Số 392 Nguyễn Chí Thanh, khóm 2, xã Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	39.990.900.000	0	7.998.180	0	7.998.180			xã Tràm Chim
29	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Du lịch Khánh Phương	1402191331	Đường Võ Thị Sáu, Khóm 2, xã Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	50.075.024.118	1	10.015.005	71.154	10.086.159			xã Tràm Chim
30	Công ty CP Nông nghiệp Tam Nông	1401188495	Đường Trần Hưng Đạo, xã Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	56.512.253.065	0	11.302.451	0	11.302.451			xã Tràm Chim
31	Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Cửu Long	1402162796	Khóm 4, xã Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	988.000.000	0	500.000	0	500.000			xã Tràm Chim
32	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chế biến Thủy sản Hoàng Long	1400656366	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, tỉnh Đồng Tháp	683.839.301.889	2.199	100.000.000	156.467.308	256.467.308			xã Phú Cường
33	Công ty TNHH Một thành viên Thức ăn Thủy sản Mekong	1401934305	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, tỉnh Đồng Tháp	1.145.104.452.193	310	100.000.000	22.057.692	122.057.692			xã Phú Cường
34	Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Tân Hồng	1401605043	Ấp Rọc Muống, xã Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp	135.766.727.672	80	27.153.346	5.692.308	32.845.653			xã Tân Hồng
35	Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Bình Nga	1402122722	Số 07, ấp Công Tạo, xã Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp	38.817.576.773	0	7.763.515	0	7.763.515			xã Tân Hồng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
36	Công ty Cổ phần 3 Đời Tân Hồng	1402167804	Đường ĐT 843, xã Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp	251.149.155.896	0	50.229.831	0	50.229.831			xã Tân Hồng
37	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trần Hân	1402182577	Đường ĐT 843, xã Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp	99.059.257.536	0	19.811.852	0	19.811.852			xã Tân Hồng
38	Công ty TNHH ADC Tân Hồng	1402052803	Ấp 2, xã Tân Hộ Cơ, tỉnh Đồng Tháp	34.652.184	0	500.000	0	500.000			xã Tân Hộ Cơ
39	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vạn Phúc An Châu Thành	1402055508	Tổ 1, ấp Tân Lợi, xã Tân Hộ Cơ, tỉnh Đồng Tháp	44.382.224.244	81	8.876.445	5.763.462	14.639.906			xã Tân Hộ Cơ
40	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Sinh	1402184422	Ấp Dinh Bà, xã Tân Hộ Cơ, tỉnh Đồng Tháp	29.995.801.042	0	5.999.160	0	5.999.160			xã Tân Hộ Cơ
Tổng cộng								**1.809.832.362**			

PHỤ LỤC 2.8

DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026

KHU VỰC 8: (xã Tháp Mười, xã Thanh Mỹ, xã Mỹ Quí, xã Đốc Binh Kiều, xã Trường Xuân, xã Phương Thịnh, xã Phong Mỹ, xã Ba Sao, xã Mỹ Thọ, xã Bình Hàng Trung, xã Mỹ Hiệp)

(Kèm theo Kế hoạch số 1061/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
1	Công ty TNHH Tỷ Thạc	1401405051	Khóm 1, xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	2.141.455.722.448	6.615	100.000.000	470.682.692	570.682.692			xã Tháp Mười
2	Công ty TNHH Thảo Tân Vy	1402177792	Đường Phạm Hữu Lầu, khóm 4, xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	8.000.000.000	1	1.600.000	71.154	1.671.154			xã Tháp Mười
3	Công ty CP Lan Tây	1402083463	Ấp Mỹ Phú, xã Thanh Mỹ, tỉnh Đồng Tháp	32.822.078.695	0	6.564.416	0	6.564.416			xã Thanh Mỹ
4	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đại Phát Garments	1402120098	Ấp 5, xã Mỹ Quí, tỉnh Đồng Tháp	95.982.995.826	933	19.196.599	66.386.538	85.583.138			xã Mỹ Quí
5	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Chơn Chính	1402017541	Đường ĐT 846, Ấp 5, xã Đốc Binh Kiều, tỉnh Đồng Tháp	918.359.531.455	11	100.000.000	782.692	100.782.692			xã Đốc Binh Kiều
6	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Nguyên Nguyên	1402199080	Số 1286/D, ấp 5, xã Đốc Binh Kiều, tỉnh Đồng Tháp	99.089.891.750	1	19.817.978	71.154	19.889.132			xã Đốc Binh Kiều
7	Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	1402133347	Cụm công nghiệp Trường Xuân, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	461.646.882.687	124	92.329.377	8.823.077	101.152.453			xã Trường Xuân
8	Công ty TNHH Zero Emission Energy (ZEE)	1402140873	Cụm công nghiệp Dịch vụ - Thương mại Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	3.000.001	0	500.000	0	500.000			xã Trường Xuân

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
9	Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Xay xát lúa gạo Cẩm Nguyên	1401395163	Cụm Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Trường Xuân, Ấp 4, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	241.352.831.027	12	48.270.566	853.846	49.124.412			xã Trường Xuân
10	Công ty TNHH Cần Ngọc Giàu	1402177785	Ấp 5A, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	9.112.650.000	1	1.822.530	71.154	1.893.684			xã Trường Xuân
11	Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Nông sản Việt Nam	1402184380	Cụm Công nghiệp Trường Xuân, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	169.442.749.811	46	33.888.550	3.273.077	37.161.627			xã Trường Xuân
12	Công ty Cổ phần Thiên Hà Kameda - Chi nhánh Đồng Tháp	0900854396-002	Cụm công nghiệp dịch vụ - thương mại Trường Xuân, Ấp 4, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	13.933.703.035	71	2.786.741	5.051.923	7.838.664			xã Trường Xuân
13	Công ty Cổ phần Thực phẩm One-One Miền Nam	1402022929	Cụm Công nghiệp Dịch vụ- Thương mại Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	228.432.101.623	727	45.686.420	51.728.846	97.415.266			xã Trường Xuân
14	Công ty TNHH Dịch vụ Kim Lợi Phát	1402177175	Ấp 3, xã Phương Thịnh, tỉnh Đồng Tháp	3.000.000.000	0	600.000	0	600.000			xã Phương Thịnh
15	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Nga	1400458477-001	Xã Phương Thịnh, tỉnh Đồng Tháp	18.774.113.622	0	3.754.823	0	3.754.823			xã Phương Thịnh
16	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Lúa Vàng	1402171293	Tổ 12, ấp 1, xã Phong Mỹ, tỉnh Đồng Tháp	53.588.379.332	5	10.717.676	355.769	11.073.445			xã Phong Mỹ
17	Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát	1402174632	Quốc lộ 30, ấp 1, xã Phong Mỹ, tỉnh Đồng Tháp	278.284.106.438	21	55.656.821	1.494.231	57.151.052			xã Phong Mỹ
18	Công ty CP Domenal	1400641835	Quốc lộ 30, ấp 1, xã Phong Mỹ, tỉnh Đồng Tháp	406.720.174.667	85	81.344.035	6.048.077	87.392.112			xã Phong Mỹ

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
19	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuốc thú y HTP	1402100422	Ấp 1, xã Ba Sao, tỉnh Đồng Tháp	39.953.309.134	0	7.990.662	0	7.990.662			xã Ba Sao
20	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Phan Thanh	1402174939	ĐT856, tổ 1, ấp 1, xã Ba Sao, tỉnh Đồng Tháp	48.536.471.205	7	9.707.294	498.077	10.205.371			xã Ba Sao
21	Công ty TNHH Công nghệ Thực phẩm Việt Đức - Chi nhánh Viet Duc EG Food Technology	1401877671-002	Số 16, đường Tràm Dơi, khóm Mỹ Tây, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp	15.000.000	0	500.000	0	500.000			xã Mỹ Thọ
22	Công ty TNHH BOT Quốc lộ 30 Tiền Giang - Đồng Tháp	1402016308	Số 10, Đường 30/4, Khóm Mỹ Tây, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp	52.326.704.738	0	10.465.341	0	10.465.341			xã Mỹ Thọ
23	Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Công nghệ Xử lý Môi trường Cửu Long	1401970857	Bãi rác Đập Đá, ấp Mỹ Đông Bốn, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp	256.572.841.545	0	51.314.568	0	51.314.568			xã Mỹ Thọ
24	Công ty TNHH Phân bón hữu cơ Atom	1402197703	Số 1, Ấp 5, xã Bình Hàng Trung, tỉnh Đồng Tháp	5.000.000	0	500.000	0	500.000			xã Bình Hàng Trung
25	Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xăng dầu Hồng Đức tại Cao Lãnh	1200541784-010	Quốc lộ 30, ấp 2, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	6.311.410.108	0	1.262.282	0	1.262.282			xã Mỹ Hiệp

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
26	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thủy sản Phát Tiến	1400633707	Lô B3, Đường số 2 , Cụm Công nghiệp Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	1.181.205.972.991	957	100.000.000	68.094.231	168.094.231			xã Mỹ Hiệp
27	Công ty TNHH Thức ăn Thủy sản Feed One	1401711796	Lô B5, cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	1.856.789.678.374	289	100.000.000	20.563.462	120.563.462			xã Mỹ Hiệp
28	Công ty TNHH Mavin Mỹ Long	1402082212	Ấp Mỹ Long 4, xã Mỹ Hiệp tỉnh Đồng Tháp	429.180.564.346	20	85.836.113	1.423.077	87.259.190			xã Mỹ Hiệp
29	Công ty TNHH Comehome.vn	1402138698	Cụm Công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	25.248.560.598	61	5.049.712	4.340.385	9.390.097			xã Mỹ Hiệp
30	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi UV	1402179662	Lô B7 Cụm Công Nghiệp Mỹ Hiệp, ấp 1, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	32.981.772.515	0	6.596.355	0	6.596.355			xã Mỹ Hiệp
31	Công ty CP Khí hóa lỏng Đồng Tháp	1401175471	Ấp 2, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	176.782.529.837	61	35.356.506	4.340.385	39.696.891			xã Mỹ Hiệp
32	Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp - Chi nhánh Nhà máy Sản xuất, Sửa chữa chai chứa LPG Petimex	1401175471-008	Ấp 2, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	25.869.387.079	37	5.173.877	2.632.692	7.806.570			xã Mỹ Hiệp
33	Công ty Cổ phần Thủy sản Phát Tiến 2	1401197161	Lô B3, Đường số 2, Cụm Công nghiệp Mỹ Hiệp,xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	210.239.130.531	10	42.047.826	711.538	42.759.365			xã Mỹ Hiệp
34	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Phát Tiến 3	1401971314	Lô B3, đường số 2, Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng	236.007.533.548	77	47.201.507	5.478.846	52.680.353			xã Mỹ Hiệp

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
35	Công ty Cổ phần Artex Đồng Tháp	1401987459	Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	115.868.163.510	155	23.173.633	11.028.846	34.202.479			xã Mỹ Hiệp
36	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Ngọc Thảo	1402174128	Lô B1, Đường số 2, Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	182.067.159.577	8	36.413.432	569.231	36.982.663			xã Mỹ Hiệp
37	Doanh nghiệp Tư nhân Mỹ Hiệp	1400431901	Ấp 1, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp	177.689.952.562	6	35.537.991	426.923	35.964.914			xã Mỹ Hiệp
Tổng cộng								**1.964.465.553**			

PHỤ LỤC 2.9
DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026
KHU VỰC 9: (xã Lấp Vò, xã Mỹ An Hưng, xã Tân Khánh Trung, xã Lai Vung, xã Hoà Long, xã Phong Hoà)
(Kèm theo Kế hoạch số 1061/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
1	Công ty TNHH Phát Tài	1400105785	Số 69, Quốc lộ 80, ấp Bình Phú Quới 1, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	426.684.216.110	61	85.336.843	4.340.385	89.677.228			xã Lấp Vò
2	Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Lương thực Long Thành	1402098727	Quốc lộ 80, ấp Bình Phú Quới, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	22.281.916.394	7	4.456.383	498.077	4.954.460			xã Lấp Vò
3	Công ty TNHH Pafico	1402120806	Số 51, đường Võ Thị Sáu nối dài, ấp Bình Hòa, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	4.760.193.533	6	952.039	426.923	1.378.962			xã Lấp Vò
4	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Phát	1401349015	Ấp Bình Hiệp B, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	474.619.574.275	61	94.923.915	4.340.385	99.264.299			xã Lấp Vò
5	Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu An Hưng Phước	1401377975	Ấp Tân An, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	758.387.112.196	10	100.000.000	711.538	100.711.538			xã Lấp Vò
6	Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	1401976866	Cụm Công nghiệp Vàm Cống, Ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	1.493.079.577.725	276	100.000.000	19.638.462	119.638.462			xã Lấp Vò
7	Công ty TNHH Ricegrowers Việt	1402096649	Ấp Tân An, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	544.500.137.978	196	100.000.000	13.946.154	113.946.154			xã Lấp Vò

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
8	Công ty TNHH Dự án Năng lượng Tái tạo Việt Nam TotalEnergies ENEOS 2	1402176679	Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, Ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	60.772.943.337	0	12.154.589	0	12.154.589			xã Lấp Vò
9	Công ty TNHH Alavi Đồng Tháp	1402182898	Tổ 5, ấp Bình Phú Quới, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	79.934.374.892	7	15.986.875	498.077	16.484.952			xã Lấp Vò
10	Công ty TNHH TMDV Xuất nhập khẩu Lavi Food Đồng Tháp	1402183059	Tổ 5, ấp Bình Phú Quới, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	51.264.905.439	0	10.252.981	0	10.252.981			xã Lấp Vò
11	Công ty TNHH Sản xuất, Xuất khẩu và Thương mại Thực phẩm Việt Nam	1402192423	Ấp Tân An, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	29.882.024.647	0	5.976.405	0	5.976.405			xã Lấp Vò
12	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	0303141296	Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	8.232.089.207.785	3.854	100.000.000	274.226.923	374.226.923			xã Lấp Vò
13	Công ty Cổ phần Mỹ Tường	1200686123	Lô B26, ấp Bình Hiệp B, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	560.453.418.091	11	100.000.000	782.692	100.782.692			xã Lấp Vò
14	Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á	1401274641	Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	653.838.222.124	211	100.000.000	15.013.462	115.013.462			xã Lấp Vò
15	Công ty Cổ phần Lương thực Thái An	1402165236	Ấp Bình Hiệp B, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	133.227.114.804	0	26.645.423	0	26.645.423			xã Lấp Vò

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
16	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Mekong Star Rice	1402201491	Lô B26, Cụm Công nghiệp Bắc Sông Xáng, ấp Bình Hiệp B, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	30.000.000.000	0	6.000.000	0	6.000.000			xã Lấp Vò
17	Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	1600895650	Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	1.521.136.081.288	88	100.000.000	6.261.538	106.261.538			xã Lấp Vò
18	Văn phòng Điều hành Công ty Chemical Industry Geotechnical Engineering Co., Ltd	1402023432	Ấp Bình Hòa, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	23.937.709.951	0	4.787.542	0	4.787.542			xã Lấp Vò
19	Công ty TNHH Thủy sản Ánh Nguyệt	1402133604	Ấp An Thạnh, xã Mỹ An Hưng, tỉnh Đồng Tháp	25.903.589.243	4	5.180.718	284.615	5.465.333			xã Mỹ An Hưng
20	Công ty Cổ phần Du lịch Sông Tiền	1402190105	Ấp Tân Trong, xã Mỹ An Hưng, tỉnh Đồng Tháp	29.997.000.000	0	5.999.400	0	5.999.400			xã Mỹ An Hưng
21	Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty CP Xây dựng Thương mại & Đầu tư Huy Ngọc Hưng	1601341253-002	Số 79, ấp Tân Trong, xã Mỹ An Hưng, tỉnh Đồng Tháp	4.804.637	0	500.000	0	500.000			xã Mỹ An Hưng
22	Công ty TNHH TĐ CTGT tỉnh Giang Tô - Thầu chính gói thầu CW2A & CW2B thuộc DA Kết nối KV TT ĐBằng Mekong	1401997129	ấp An Quới, xã Mỹ An Hưng, tỉnh Đồng Tháp	201.950.095.875	0	40.390.019	0	40.390.019			xã Mỹ An Hưng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
23	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại XNK Phước Vũ	1702178028	Thửa đất số 5, Ấp Hưng Lợi Đông, xã Tân Khánh Trung, tỉnh Đồng Tháp	45.627.211.816	0	9.125.442	0	9.125.442			xã Tân Khánh Trung
24	Công ty TNHH Cỏ May Lai Vung	1401598685	Lô 18-19, khu công nghiệp Sông Hậu, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	1.278.851.991.188	286	100.000.000	20.350.000	120.350.000			xã Lai Vung
25	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Cỏ May	1402037964	Lô 8-9-10, khu Công nghiệp Sông Hậu, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	344.258.732.055	786	68.851.746	55.926.923	124.778.669			xã Lai Vung
26	Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	1402052923	Số 45D/TB, quốc lộ 54, ấp Tân Bình, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	37.520.449.866	229	7.504.090	16.294.231	23.798.321			xã Lai Vung
27	Công ty TNHH May mặc Lai Vung	1402071309	Lô A5 và một phần lô A4 Khu công nghiệp Sông Hậu, xã Lai Vung, tỉnh Đồng	126.476.782.250	1.241	25.295.356	88.301.923	113.597.280			xã Lai Vung
28	Công ty TNHH Thực phẩm Thái Sơn	1402188297	Lô A3, Khu công nghiệp Sông Hậu, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	33.960.466.311	2	6.792.093	142.308	6.934.401			xã Lai Vung
29	Công ty TNHH BOT Đầu tư Khai thác Chợ Tâm Nghĩa	1402042516	Số 1040, ấp Tân Lộc, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	108.309.825.947	2	21.661.965	142.308	21.804.273			xã Lai Vung
30	Công ty TNHH Khải Phát Việt Nam	1402066154	Khu công nghiệp Sông Hậu, xã Lai Vung, tỉnh Đồng	1.520.513.297.388	728	100.000.000	51.800.000	151.800.000			xã Lai Vung

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
31	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Ngọc Kim Loan Việt Nam	1402098413	Quốc lộ 54, Ấp Tân Định, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	118.971.226.617	314	23.794.245	22.342.308	46.136.553			xã Lai Vung
32	Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Quang Thiện	1402156312	1128/TL Ấp Tân Lộc, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	29.987.995.969	0	5.997.599	0	5.997.599			xã Lai Vung
33	Chi nhánh Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương thực tại Đồng Tháp	0300606715-003	Tổ 41, Ấp Tân Lợi, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	50.298.486	0	500.000	0	500.000			xã Lai Vung
34	Công ty Cổ phần Thuận Hải Green - Chi nhánh Lai Vung	0317066786-003	Tổ 41, Ấp Tân Lợi, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	44.524.598.118	20	8.904.920	1.423.077	10.327.997			xã Lai Vung
35	Công ty CP Việt Ánh	1400597262	D77, ấp Tân Lộc, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	459.165.163.873	4	91.833.033	284.615	92.117.648			xã Lai Vung
36	Công ty Cổ phần Thủy sản Ngư Long	1400608588	Lô 11, 12, 18, 19, 20, Khu công nghiệp Sông Hậu, xã Lai Vung, tỉnh Đồng	231.845.359.921	0	46.369.072	0	46.369.072			xã Lai Vung
37	Công ty Cổ phần Phước Đạt	1400865024	Ấp An Hòa, xã Lai Vung, tỉnh Đồng	142.737.919.027	20	28.547.584	1.423.077	29.970.661			xã Lai Vung
38	Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Hoàng Long	1401484776	Đường ven Sông Hậu, ấp An Ninh, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	576.228.850.267	2	100.000.000	142.308	100.142.308			xã Lai Vung
39	Công ty CP Lương thực Intimex	1401511927	ấp An Ninh, xã Lai Vung, tỉnh Đồng	610.964.355.982	86	100.000.000	6.119.231	106.119.231			xã Lai Vung
40	Công ty Cổ phần May thêu Lai Vung	1401934351	Số 219, ấp Tân Bình, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	1.626.310.647	0	500.000	0	500.000			xã Lai Vung
41	Công ty Cổ phần Cảng Lấp Vò	1402182802	Ấp An Ninh, xã Lai Vung, tỉnh Đồng	12.629.024.158	4	2.525.805	284.615	2.810.420			xã Lai Vung

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
42	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Định An	1402188988	Ấp An Ninh, xã Lai Vung, tỉnh Đồng	339.619.897.788	0	67.923.980	0	67.923.980			xã Lai Vung
43	Công ty Cổ phần Ecograins	1402193000	Ấp An Hòa, xã Lai Vung, tỉnh Đồng	731.973.831.236	21	100.000.000	1.494.231	101.494.231			xã Lai Vung
44	Công ty Cổ phần APC Holdings - Chi nhánh Đồng Tháp	0106795797-001	Đường ven Sông Hậu, Ấp An Ninh, Xã Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp,	-	31	500.000	2.205.769	2.705.769			xã Lai Vung
45	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Sơn Hà	1400528406	Số nhà 161C/LB, Ấp Long Bửu,xã Hoà Long, tỉnh Đồng Tháp	37.554.506.925	49	7.510.901	3.486.538	10.997.440			xã Hoà Long
46	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khánh Tây Đô	1402150423	Quốc lộ 80, ấp 4, xã Hoà Long, tỉnh Đồng Tháp	193.660.589.868	2	38.732.118	142.308	38.874.426			xã Hoà Long
47	Công ty TNHH Riway 189	1402196386	Số 1054/Lka, ấp Long Khánh A, xã Hoà Long, tỉnh Đồng Tháp	1	0	500.000	0	500.000			xã Hoà Long
48	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Văn Hải - Chi nhánh 8	1200598879-013	507, Quốc Lộ 80, Khóm 1, Xã Hòa Long, Tỉnh Đồng Tháp	-	13	500.000	925.000	1.425.000			xã Hoà Long
49	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Xuất nhập khẩu Tân Lợi	1401595846	Tổ 58, Ấp Hòa Tân, xã Phong Hoà, tỉnh Đồng Tháp	340.890.144.752	69	68.178.029	4.909.615	73.087.644			xã Phong Hoà
50	Công ty TNHH MTV Nông sản Phát Lộc	1402193843	Số 163 ấp Tân Phong, xã Phong Hoà, tỉnh Đồng Tháp	8.939.497.074	0	1.787.899	0	1.787.899			xã Phong Hoà
Tổng cộng								**2.672.488.626**			

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH CÁC NGÂN HÀNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
ĐÓNG GÓP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 1061/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
1	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	0100150619-061	Số 208A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp	-	137	500.000	14.727.500	15.227.500		theo vb của Ngân hàng	phường Mỹ Tho
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	0100686174-209	Số 31, đường Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	-	80	500.000	8.600.000	9.100.000			phường Mỹ Tho
3	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Tháp	0100695387-053	139B, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Đạo Thạnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	285	500.000	30.637.500	31.137.500		Công văn số 866/NHCS-KHTD ngày 25/5/2026	phường Đạo Thạnh
4	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Tiền Giang	0100111948-101	Số 560, Quốc lộ 1A, Phường Cai Lậy, Tỉnh Đồng Tháp	-	109	500.000	10.255.909	10.755.909		theo vb của Ngân hàng	phường Cai Lậy
5	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tiền Giang	0301103908-044	Số 6 Đinh Bộ Lĩnh, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp	-	354	500.000	38.055.000	38.555.000			phường Mỹ Tho
6	Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên Ngoại thương Công nghệ số - Chi nhánh Tiền		100 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Mỹ Tho	-	32	500.000	3.440.000	3.940.000		theo vb của Ngân hàng	phường Mỹ Tho

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
7	Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên Ngoại thương Công nghệ số - Chi nhánh Long An	1100176136-001	145-147-149, đường Hùng Vương, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh		34	500.000	4.103.182	4.603.182		theo vb của Ngân hàng	phường Long An
8	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Phú Tiền Giang		xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp	-	242	500.000	20.350.000	20.850.000			xã Bình Phú
9	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gò Công Đông Tiền Giang		Số 55, đường 862, xã Tân Hoà, tỉnh Đồng Tháp	-	159	500.000	13.370.455	13.870.455			xã Tân Hoà
10	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gò Công Tiền Giang	0100686174-263	Số 04 Trương Định, phường Gò Công, tỉnh Đồng Tháp	-	133	500.000	10.588.846	11.088.846			phường Gò Công
11	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Gạo Tiền Giang		xã Chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp	-	53	500.000	4.986.818	5.486.818			xã Chợ Gạo
12	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Phú Đông Tiền		xã Tân Phú Đông, tỉnh Đồng Tháp	-	47	500.000	3.952.273	4.452.273			xã Tân Phú Đông
13	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gò Công Tây Tiền Giang		Số 61B Nguyễn Văn Côn, Khu phố 5, Xã Vĩnh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	-	47	500.000	3.952.273	4.452.273			xã Vĩnh Bình
14	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cái Bè Tiền Giang		xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	-	211	500.000	15.013.462	15.513.462			xã Cái Bè

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
15	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Hiệp Tiền Giang		xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	-	207	500.000	22.252.500	22.752.500			xã Châu Thành
16	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Tho Tiền Giang		Phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	-	92	500.000	8.368.462	8.868.462			Phường Mỹ Tho
17	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Phước Tiền Giang		xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp	-	51	500.000	4.288.636	4.788.636			xã Tân Phước 1
18	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cai Lậy Tiền Giang	0100686174-267	xã Bình Phú, tỉnh Đồng Tháp	-	41	500.000	2.917.308	3.417.308			xã Bình Phú
19	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang		25 Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	-	2	500.000	215.000	715.000			phường Mỹ Tho
20	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Tho	0100150619-180	Số 34-36 Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp	-	86	500.000	9.245.000	9.745.000		theo vb của Ngân hàng	phường Mỹ Tho
21	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Cái Bè		phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp	-	26	500.000	2.446.364	2.946.364			phường Cai Lậy
22	Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long - Chi nhánh Tiền Giang	1700197787-104	300-302-304-306-308 Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	4	500.000	430.000	930.000			phường Đạo Thạnh
23	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Tiền Giang	0301103908-044	Số 6 Đinh Bộ Lĩnh, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp	-	23	500.000	2.092.115	2.592.115			phường Mỹ Tho

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
24	Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	0301179079-020	Số 1A Hùng Vương, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp	-	87	500.000	9.352.500	9.852.500			phường Mỹ Tho

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
25	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Dân - Chi nhánh Tiền Giang		12B6-12B7 Nguyễn Trãi, Phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	-	22	500.000	2.365.000	2.865.000			phường Mỹ Tho
26	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Tiền Giang	0200253985-054	59-60-61 Đinh Bộ Lĩnh, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp	-	5	500.000	537.500	1.037.500			phường Mỹ Tho
27	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á - Chi Nhánh Đồng Tháp	0300872315-037	Số 78-80, Lý Thường Kiệt, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	38	500.000	3.277.500	3.777.500		theo vb của Ngân hàng	phường Cao Lãnh
28	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á - Chi nhánh Hồng Ngự		59 Nguyễn Tất Thành, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	-	11	500.000	948.750	1.448.750		theo vb của Ngân hàng	phường Hồng Ngự
29	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á - Phòng giao dịch Sa Đéc	0300872315-037-00003	436 Đường Nguyễn Sinh Sắc, Phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	-	-	500.000	0	500.000		theo vb của Ngân hàng	phường Sa Đéc
30	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á - Chi Nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch Tháp Mười		Số 345 Hùng Vương, khóm 2, xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	-	11	500.000	847.917	1.347.917		theo vb của Ngân hàng	xã Tháp Mười
31	Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	1201512031	Số 12C đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp	-	236	500.000	25.370.000	25.870.000			phường Mỹ Tho
32	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cao Lãnh 1 Đồng Tháp	0100686174-874	15-17-19 đường Nguyễn Huệ, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	-	31	500.000	2.916.818	3.416.818			phường Cao Lãnh
33	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Châu Thành Đồng Tháp	0100686174-875	xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	-	34	500.000	2.859.091	3.359.091			xã Phú Hựu

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
34	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Ngự Đồng Tháp		phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	-	35	500.000	3.293.182	3.793.182			phường Hồng Ngự
35	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cao Lãnh Đồng Tháp	0100686174-876	Xã Mỹ Thọ, Tỉnh Đồng Tháp	-	44	500.000	3.700.000	4.200.000			Xã Mỹ Thọ
36	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Lấp Vò Đồng Tháp	0100686174-873	xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	-	40	500.000	3.363.636	3.863.636			xã Lấp Vò
37	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lai Vung Đồng Tháp	0100686174-818	xã Hoà Long, tỉnh Đồng Tháp	-	42	500.000	3.531.818	4.031.818			xã Hoà Long
38	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc Đồng Tháp	0100686174-878	phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	-	36	500.000	3.387.273	3.887.273			phường Sa Đéc
39	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tam Nông Đồng Tháp	0100686174-877	xã Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	-	37	500.000	3.111.364	3.611.364			xã Tràm Chim
40	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Hồng Đồng Tháp	0100686174-872	Số 321, Nguyễn Huệ, Ấp 3, Xã Tân Hồng, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	-	31	500.000	2.606.818	3.106.818			xã Tân Hồng
41	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Bình Đồng Tháp	0100686174-870	Số 359, Đường Lê Văn Nhung, ấp Tân Đông B, Xã Thanh Bình, Tỉnh Đồng	-	35	500.000	2.943.182	3.443.182			xã Thanh Bình

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
42	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tháp Mười Đồng Tháp	0100686174-819	Số 01, Đường 30/4, Xã Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp	-	40	500.000	3.363.636	3.863.636			xã Tháp Mười
43	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	0100686174-202	Số 01, Nguyễn Du, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	76	500.000	7.150.909	7.650.909			phường Cao Lãnh
44	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc	0100111948-121	Số 342D, Nguyễn Sinh Sắc, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	-	95	500.000	8.938.636	9.438.636			phường Sa Đéc
45	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	0100111948-035	Số 87, Nguyễn Huệ, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	168	500.000	15.807.273	16.307.273			phường Cao Lãnh
46	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	0100150619-044	Số 12A, đường 30/4, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	118	500.000	11.102.727	11.602.727		theo vb của Ngân hàng	phường Cao Lãnh
47	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc	0100150619-149	Số 74, Hùng Vương, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	-	86	500.000	8.091.818	8.591.818		theo vb của Ngân hàng	phường Sa Đéc
48	Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	6300048638-060	Số 214-216-218-220, đường Nguyễn Huệ, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	162	500.000	15.242.727	15.742.727			phường Cao Lãnh
49	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	0100112437-057	Số 66, đường 30/4, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	160	500.000	15.054.545	15.554.545			phường Cao Lãnh

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản hiện có (theo BCTC năm 2024)	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT thuế TNCN năm 2024)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2024 (miễn, giảm)	Ghi chú	Xã, phường
						Mức phải đóng góp	Người lao động	Số tiền còn phải nộp			
50	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	0100112437-068	Số 150 đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp	-	136	500.000	14.620.000	15.120.000		theo vb của Ngân hàng	phường Mỹ Tho
51	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp	0301103908-038	Số 56, Nguyễn Huệ, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	275	500.000	25.875.000	26.375.000			phường Cao Lãnh
52	Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	0301179079-098	103-105-107 Hùng Vương, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	42	500.000	3.951.818	4.451.818			phường Cao Lãnh
53	Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn MTV Ngoại thương Công nghệ số - Chi nhánh Đồng Tháp	1100176136-014	số 26, đường Lý Thường Kiệt, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	-	41	500.000	3.857.727	4.357.727			phường Cao Lãnh
54	Ngân hàng TNHH MTV số Vikki - Chi nhánh Đồng Tháp		35 Quốc Lộ 30, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp	-	30	500.000	2.822.727	3.322.727			phường Mỹ Trà
55	Ngân hàng Thương mại Phương Đông - Chi nhánh Đồng Tháp	0300852005-014	Số 109-111-113 đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp	-	31	500.000	2.916.818	3.416.818		theo vb của Ngân hàng	phường Mỹ Trà
56	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài gòn- Chi nhánh Đồng Tháp	0311449990-038	số 60, Đốc Binh Kiều, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	-	15	500.000	1.411.364	1.911.364		theo vb của Ngân hàng	phường Cao Lãnh
57	Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên số Vikki - Chi nhánh Tiền Giang	0301442379-048	Khu phố Trung Lương, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp	-	93	500.000	9.997.500	10.497.500			phường Trung An
Tổng cộng								**487.406.177**			

PHỤ LỤC 4

BẢNG TỔNG HỢP THU - NỘP QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN CẤP XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 1064/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

STT	Tên xã, phường	Tổng Thu	Cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan nhà nước	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn	Người lao động làm việc theo hợp đồng trong doanh nghiệp	Người lao động khác	Số văn bản	Ngày văn bản
Tổng cộng		**30.664.608.410**	**2.327.505.692**	**13.830.779.298**	**5.592.616.421**	**8.913.707.000**		
1	Phường Mỹ Tho	**171.080.455**	45.470.455	75.500.000		50.110.000	2398/KH-UBND	23/3/2026
2	Phường Đạo Thạnh	**1.440.902.987**	19.669.545	962.556.518	390.406.923	68.270.000	92/KH-UBND	22/4/2026
3	Phường Mỹ Phong	**623.562.872**	21.325.982	418.357.512	142.719.378	41.160.000	840/KH-UBND	9/3/2026
4	Phường Thới Sơn	**217.168.694**	16.858.694	172.500.000		27.810.000	709/KH-UBND	17/3/2026
5	Phường Trung An	**379.179.896**	30.792.378	280.500.000	3.547.518	64.340.000	921/KH-UBND	14/2/2026
6	Phường Gò Công	**275.292.611**	20.634.616	157.305.000	26.832.995	70.520.000	63/KH-UBND	12/3/2026
7	Phường Long Thuận	**199.262.209**	20.847.274	56.325.000	93.069.935	29.020.000	117/KH-UBND	13/4/2026
8	Phường Sơn Qui	**323.777.920**	25.740.088	130.597.047	76.350.785	91.090.000	100/KH-UBND	28/4/2026
9	Phường Bình Xuân	**166.718.715**	13.720.910	55.526.000	24.441.805	73.030.000	84/KH-UBND	20/3/2026
10	Phường Mỹ Phước Tây	**304.110.979**	35.791.486	156.970.262	60.189.231	51.160.000	61/KH-UBND	9/3/2026
11	Phường Thanh Hòa	**131.859.493**	15.103.688	50.963.882	24.441.923	41.350.000	493/KH-UBND	24/3/2026
12	Phường Cai Lậy	**1.325.964.992**	5.766.082	467.637.757	61.861.153	790.700.000	188/KH-UBND	10/3/2026
13	Phường Nhị Quý	**226.280.090**	16.965.000	102.683.167	65.841.923	40.790.000	73/KH-UBND	27/3/2026
14	Xã Tân Phú	**219.484.127**	21.060.072	131.467.517	27.626.538	39.330.000	542/KH-UBND	10/4/2026
15	Xã Thanh Hưng	**314.595.408**	23.559.626	139.003.504	22.702.278	129.330.000	1292/KH-UBND	8/4/2026
16	Xã An Hữu	**291.192.663**	20.581.434	85.501.229		185.110.000	64/KH-UBND	5/4/2026
17	Xã Mỹ Lợi	**107.390.455**	16.220.455			91.170.000	47/KH-UBND	25/3/2026
18	Xã Mỹ Đức Tây	**258.507.918**	19.411.364	90.811.169	9.865.385	138.420.000	63/KH-UBND	4/7/2026
19	Xã Mỹ Thiện	**114.489.000**	17.649.000			96.840.000	491/KH-UBND	17/3/2026
20	Xã Hậu Mỹ	**209.398.333**	22.131.200	129.127.902	17.219.231	40.920.000	18/KH-UBND	26/2/2026
21	Xã Hội Cư	**483.030.940**	22.024.800	273.343.443	48.882.697	138.780.000	504/KH-UBND	17/3/2026
22	Xã Cái Bè	**2.663.898.721**	30.366.818	2.267.659.595	164.792.308	201.080.000	50/KH-UBND	27/2/2026
23	Xã Bình Phú	**732.016.737**	20.581.434	274.821.841	349.043.462	87.570.000	36/KH-UBND	12/3/2026
24	Xã Hiệp Đức	**221.800.382**	20.246.000	91.687.074	23.267.308	86.600.000	590/KH-UBND	4/3/2026
25	Xã Ngũ Hiệp	**451.603.261**	20.953.708	250.657.630	60.551.923	119.440.000	296/KH-UBND	2/6/2026
26	Xã Long Tiên	**254.688.944**	19.836.886	135.235.135	7.826.923	91.790.000	38/KH-UBND	4/6/2026
27	Xã Mỹ Thành	**236.826.640**	16.107.000	110.245.794	54.503.846	55.970.000	47/KH-UBND	17/3/2026
28	Xã Thạnh Phú	**127.433.078**	13.667.774	52.797.227	13.448.077	47.520.000	53/KH-UBND	20/3/2026
29	Xã Tân Phước 1	**354.890.696**	24.410.455	272.554.332	21.325.909	36.600.000	187/KH-UBND	3/2/2026
30	Xã Tân Phước 2	**78.837.768**	11.965.950	35.667.203	5.254.615	25.950.000	51/KH-UBND	9/3/2026
31	Xã Tân Phước 3	**345.680.305**	14.625.000	166.406.458	33.358.846	131.290.000	120/KH-UBND	27/3/2026
32	Xã Hưng Thạnh	**149.863.609**	19.382.780	75.058.137	13.932.692	41.490.000	911/KH-UBND	13/2/2026
33	Xã Tân Hương	**325.315.362**	14.510.464	184.340.475	58.124.423	68.340.000	82/KH- UBND	17/4/2026

STT	Tên xã, phường	Tổng Thu	Cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan nhà nước	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn	Người lao động làm việc theo hợp đồng trong doanh nghiệp	Người lao động khác	Số văn bản	Ngày văn bản
34	Xã Châu Thành	**322.688.271**	25.142.748	166.949.244	76.316.279	54.280.000	689/KH-UBND	9/3/2026
35	Xã Long Hưng	**55.954.545**	13.614.545			42.340.000	27/KH-UBND	23/3/2026
36	Xã Long Định	**270.242.135**	21.587.750	73.500.000	71.404.385	103.750.000	62/KH-UBND	19/3/2026
37	Xã Vĩnh Kim	**89.530.928**	11.073.528	25.247.400	370.000	52.840.000	43/KH-UBND	30/3/2026
38	Xã Kim Sơn	**323.024.411**	10.010.470	203.824.325	67.129.615	42.060.000	1404/KH-UBND	06/4/2026
39	Xã Bình Trưng	**192.267.589**	15.660.018	97.790.455	28.107.115	50.710.000	53/KH-UBND	31/3/2026
40	Xã Mỹ Tịnh An	**669.212.735**	20.489.182	61.552.399	529.681.154	57.490.000	1375/KH-UBND	3/4/2026
41	Xã Lương Hòa Lạc	**206.083.786**	17.603.242	62.630.544	49.680.000	76.170.000	570/KH-UBND	3/6/2026
42	Xã Tân Thuận Bình	**285.000.845**	4.520.455	170.456.929	17.913.462	92.110.000	1196/KH-UBND	30/3/2026
43	Xã Chợ Gạo	**461.518.146**	21.591.890	202.887.794	184.548.462	52.490.000	751/KH-UBND	3/3/2026
44	Xã An Thạnh Thủy	**182.807.705**	3.829.091	108.397.076	16.241.538	54.340.000	991/KH-UBND	29/4/2026
45	Xã Bình Ninh	**442.692.776**	22.389.622	76.919.000	270.294.154	73.090.000	194/KH-UBND	2/7/2026
46	Xã Vĩnh Bình	**358.298.560**	27.016.456	139.801.335	114.130.769	77.350.000	88/KH-UBND	3/11/2026
47	Xã Đồng Sơn	**178.821.176**	18.045.054	85.151.891	14.444.231	61.180.000	41/KH-UBND	10/2/2026
48	Xã Phú Thành	**193.693.605**	11.284.584	82.425.175	60.053.846	39.930.000	25/KH-UBND	11/2/2026
49	Xã Long Bình	**104.927.823**	17.496.878	26.018.637	9.392.308	52.020.000	28/KH-UBND	23/2/2026
50	Xã Vĩnh Hựu	**100.730.000**	11.713.000	40.111.000	5.146.000	43.760.000	58/KH-UBND	3/4/2026
51	Xã Gò Công Đông	**121.858.978**	16.539.545	43.113.920	2.395.513	59.810.000	78/KH-UBND	31/3/2026
52	Xã Tân Điền	**71.006.072**	15.422.727	11.431.806	6.261.538	37.890.000	988/KH-UBND	10/4/2026
53	Xã Tân Hòa	**170.706.138**	19.759.146		31.876.992	119.070.000	46/KH-UBND	16/3/2026
54	Xã Tân Đông	**305.939.075**	24.729.545	159.963.761	46.605.769	74.640.000	51/KH-UBND	17/3/2026
55	Xã Gia Thuận	**229.488.308**	22.419.000	107.447.308	8.662.000	90.960.000	772/KH-UBND	30/3/2026
56	Xã Tân Thới	**93.569.122**	18.666.882	22.594.746	2.587.494	49.720.000	85/KH-UBND	31/3/2026
57	Xã Tân Phú Đông	**166.321.883**	14.007.020	51.784.863		100.530.000	107/KH-UBND	9/4/2026
58	Xã Tân Hồng	**134.325.000**	34.940.000	43.170.000	16.465.000	39.750.000	118/KH-UBND	4/8/2026
59	Xã Tân Thành	**78.231.182**	19.358.182	27.528.000	8.325.000	23.020.000	47/KH-UBND	24/2/2026
60	Xã Tân Hộ Cơ	**95.265.909**	20.740.909	38.000.000	17.595.000	18.930.000	114/KH-UBND	29/4/2026
61	Xã An Phước	**76.489.503**	20.105.000	17.084.003	3.530.500	35.770.000	31/KH-UBND	26/2/2026
62	Phường An Bình	**365.545.000**	30.528.000	34.000.000	271.405.000	29.612.000	846/KH-UBND	01/4/2026
63	Phường Hồng Ngự	**113.580.000**				113.580.000	1060/KH-UBND	4/3/2026
64	Phường Thường Lạc	**133.829.000**	27.335.000	26.060.000	9.024.000	71.410.000	611/KH-UBND	13/3/2026
65	Xã Thường Phước	**164.364.000**	32.312.000	27.000.000	13.697.000	91.355.000	72/KH-UBND	25/3/2026
66	Xã Long Khánh	**104.466.273**	19.677.273	20.599.000		64.190.000	109/KH-UBND	10/4/2026
67	Xã Long Phú Thuận	**149.910.000**	35.245.000	23.370.000	16.685.000	74.610.000	63/KH-UBND	19/3/2026
68	Xã An Hòa	**87.835.000**	12.826.000	31.019.000	18.460.000	25.530.000	135/KH-UBND	5/4/2026
69	Xã Tam Nông	**63.896.000**	17.390.000	3.311.000	7.245.000	35.950.000	96/KH-UBND	3/7/2026
70	Xã Phú Thọ	**82.332.934**	13.348.000	46.284.934		22.700.000	62/KH-UBND	17/3/2026
71	Xã Tràm Chim	**201.275.000**	18.879.000	134.666.000		47.730.000	65/KH-UBND	13/3/2026
72	Xã Phú Cường	**277.504.000**	16.165.000	114.396.000	39.973.000	106.970.000	63/KH-UBND	25/3/2026

STT	Tên xã, phường	Tổng Thu	Cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan nhà nước	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn	Người lao động làm việc theo hợp đồng trong doanh nghiệp	Người lao động khác	Số văn bản	Ngày văn bản
73	Xã An Long	**343.119.860**	25.334.000	220.961.860	52.114.000	44.710.000	74/KH-UBND	15/4/2026
74	Xã Thanh Bình	**190.086.546**	26.484.546	135.402.000		28.200.000	69/KH-UBND	12/3/2026
75	Xã Tân Thạnh	**92.499.636**	16.858.636	61.141.000		14.500.000	67/KH-UBND	31/3/2026
76	Xã Bình Thành	**427.614.175**	20.889.818	64.487.690	325.476.667	16.760.000	1069/KH-UBND	25/3/2026
77	Xã Tân Long	**148.774.458**	38.131.364	67.273.094		43.370.000	53/KH-UBND	3/4/2026
78	Xã Tháp Mười	**156.981.011**	30.121.011			126.860.000	57/KH-UBND	3/12/2026
79	Xã Thanh Mỹ	**108.334.000**	18.295.000	29.193.000	2.846.000	58.000.000	1035/KH-UBND	4/8/2026
80	Xã Mỹ Quí	**117.510.800**	24.950.800			92.560.000	54/KH-UBND	14/2/2026
81	Xã Đốc Binh Kiều	**124.522.000**	21.432.000	13.000.000	9.890.000	80.200.000	689/KH-UBND	13/3/2026
82	Xã Trường Xuân	**50.022.365**	17.492.365			32.530.000	187/KH-UBND	2/3/2026
83	Xã Phương Thịnh	**83.403.000**	17.337.000	12.030.000	2.206.000	51.830.000	553/KH-UBND	27/2/2026
84	Xã Phong Mỹ	**374.113.170**	22.761.896	76.151.274	83.570.000	191.630.000	373/KH-UBND	23/3/2026
85	Xã Ba Sao	**82.788.000**	15.848.000			66.940.000	2676/KH-UBND	29/12/2025
86	Xã Mỹ Thọ	**452.768.000**	33.505.000	40.500.000	74.733.000	304.030.000	82/KH-UBND	16/4/2025
87	Xã Bình Hàng Trung	**217.815.215**	35.206.000	87.834.215	34.375.000	60.400.000	489/KH-UBND	13/3/2026
88	Xã Mỹ Hiệp	**118.656.000**	18.196.000			100.460.000	70/KH-UBND	2/3/2026
89	Phường Cao Lãnh	**277.223.273**	71.157.273	62.000.000	8.556.000	135.510.000	1179/KH-UBND	23/3/2026
90	Phường Mỹ Ngãi	**79.190.000**	31.140.000			48.050.000	93/KH-UBND	8/4/2026
91	Phường Mỹ Trà	**793.203.482**	29.888.284	235.361.698	372.023.500	155.930.000	115/KH-UBND	21/4/2026
92	Xã Mỹ An Hưng	**146.033.273**	31.983.273			114.050.000	738/UBND-NN	13/3/2026
93	Xã Tân Khánh Trung	**175.515.208**	25.960.909	21.954.684	8.609.615	118.990.000	54/KH-UBND	12/2/2026
94	Xã Lấp Vò	**328.603.987**	34.375.909	106.610.578	32.187.500	155.430.000	43/KH-UBND	23/02/2026
95	Xã Lai Vung	**547.756.000**	39.909.000	213.237.000	92.040.000	202.570.000	50/KH-UBND	10/3/2026
96	Xã Hòa Long	**288.695.000**	40.492.000	44.505.000	9.288.000	194.410.000	41/KH-UBND	14/2/2026
97	Xã Phong Hòa	**324.345.000**	34.291.000	75.890.000	28.024.000	186.140.000	52/KH-UBND	17/3/2026
98	Phường Sa Đéc	**1.428.397.281**	77.273.448	962.966.849	260.356.984	127.800.000	115/KH-UBND	17/4/2026
99	Xã Tân Dương	**388.116.000**	21.942.000	152.981.000	55.013.000	158.180.000	26/KH-UBND	25/2/2026
100	Xã Phú Hựu	**406.594.000**	44.726.000	171.873.000	64.235.000	125.760.000	152/KH-UBND	3/3/2026
101	Xã Tân Nhuận Đông	**436.133.000**	29.184.000	227.241.000	71.108.000	108.600.000	62/KH-UBND	25/4/2026
102	Xã Tân Phú Trung	**504.455.000**	30.899.000	287.889.000	68.887.000	116.780.000	59/KH-UBND	20/3/2026